

Kính thưa quý độc giả,

Hòa nhịp trong niềm hoan hỷ chung của Nhơn loại, chúng ta đang chuẩn bị mọi mặt từ tinh thần đến vật chất để cùng nhau kính cẩn hân hoan chào mừng ngày đản sanh của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Ngày mà tất cả Nhơn loại trên khắp hành tinh này đều hết lòng quy kính tưởng niệm về Ngài. Ngài đến với cuộc đời bằng tất cả tinh thần: từ bi, vị tha, nhân ái và bình đẳng. Cụ thể là qua 45 năm, Ngài đã vân du mòn gót khắp xứ Ấn Độ, nay đây mai đó thuyết giáo độ sanh không ngừng. Lúc nào, Ngài cũng mang hạnh phúc an vui đến cho muôn loài, nhưng chủ yếu vẫn là loài người trên hết. Kết quả, Ngài đã để lại cho Nhơn sinh cả một kho tàng giáo điển đồ sộ. Đó là kết tinh của nguồn tuệ giác siêu việt, mà chính do sự thâm chứng chân lý tuyệt đối của Ngài. Chính nhờ vào những lời dạy quý báu đó, mà đã có biết bao nhiêu người tu hành giác ngộ và giải thoát. Quả đó là một công ơn lớn lao vô biên của Ngài.

Hôm nay, chúng ta thiết lễ kỷ niệm kính mừng Ngài, cũng nhằm mục đích là để noi theo tấm gương cao cả tự hành hóa tha của Ngài. Có thể, thì sự thiết lễ kỷ niệm của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa.

Chúng ta cũng đừng quên, bản chất của đạo Phật là giác ngộ, là giải thoát. Mọi tiến trình tu tập của người Phật tử, khởi đầu là người Phật tử phải tự trang bị cho mình có đầy đủ chánh kiến. Vì chánh kiến là cửa ngõ quan yếu để người Phật tử y cứ vào đó mà có cái nhìn khế hợp chân lý. Con đường "*Tam vô lậu học*": Giới, Định, Huệ, đó là con đường cái quan thênh thang rộng mở mà người Phật tử cần phải để tâm nghiên tầm tu học. Chỉ có con đường này mới cứu thoát chúng ta ra khỏi sông mê bể khổ mà thôi. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, cũng phải đi ngang qua con đường quan trọng đó.

Mùa Phật đản năm nay, tại Tổ Đình Phước Huệ đã vắng bóng một bậc Thầy khả kính. Một bậc Thầy mà suốt cả cuộc đời đã hy sinh phụng sự cho đạo pháp và dân tộc. Những Thông Bạch Phật Đản suốt bao nhiêu năm qua, kể từ lúc Ngài đảm nhận trọng trách Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, rồi đến Viện Trưởng Viện Hoàng Đạo GHPGVNTN, tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, cho đến khi làm Tông Trưởng Tổ Đình Phước Huệ, không có mùa Phật đản, Vu Lan, hay Tết Nguyên Đán nào, mà không có Thông Bạch của cô Đại Lão Hòa Thượng Thích Phước Huệ. Nội dung chính yếu của những thông bạch

Lá Thư Tòa Soạn

là nhằm thức nhắc nâng cao phẩm hạnh đạo đức căn bản của con người. Bởi đó là những giá trị thiêng liêng mà từ địa vị con người phàm phu tiến dần đến Phật quả. Ngài đã trang trọng gởi đến cho chư Tôn Đức Tăng Ni và quý đồng hương Phật tử. Nhắc lại sự kiện trên, như để tỏ lòng quy kính tri ân một bậc cao Tăng, một bậc Thầy đã dày công tạo dựng ngôi nhà Phật giáo rạng danh tại xứ sở Úc Châu này.

Ngay cả tờ báo Đặc San Phước Huệ mà quý độc giả đang cầm trên tay, tất cả cũng đều do công lao của Ngài đã bỏ ra rất nhiều công sức để tạo dựng nên. Dù tuổi già sức yếu thêm bệnh hoạn mắt mờ, nhưng lúc nào Ngài cũng quan tâm theo dõi kiểm bài vở và sửa từng lỗi chánh tả. Cứ đến mỗi kỳ báo, Ngài luôn đôn đốc ban thư ký đánh máy cho kịp thời gian in ấn để biếu tặng làm món quà tinh thần cho quý đồng hương Phật tử trong những dịp đại lễ Phật giáo và dân tộc như: Đại Lễ Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán.

Từ trước tới nay, kể từ số báo đầu ra mắt quý độc giả, cho đến số báo này, trước sau nó vẫn giữ một lập trường kiên định là nhằm chuyển tải qua những kinh nghiệm tu học, cũng như truyền đạt nguồn giáo lý siêu việt của Phật giáo đến cho mọi người, mọi giới. Đó là chủ trương của tờ báo. Suốt thời gian qua, tờ báo đã được sự yêu thương quan tâm đón nhận của quý độc giả, nhất là với sự đóng góp tinh tài của chư Tôn Đức Tăng Ni và quý đồng hương Phật tử, nên tờ báo mới có được cơ hội sống còn.

Trong tinh thần giao cảm hiểu thương đó, tòa soạn ước mong sẽ đón nhận nhiều ý kiến đóng góp xây dựng và nhiều bài vở từ các bạn đọc, thức giả gởi về, để cho tờ báo mỗi ngày mỗi thăng tiến khởi sắc hơn. Được thế, thì đó là một phần thưởng khích lệ lớn lao cho tòa soạn chúng tôi.

Nhân mùa Phật Đản lần thứ 2636, trước hết, chúng con kính dâng lên bằng tất cả tâm thành để tri ân và cầu nguyện cho giác linh Hòa Thượng tổ chứng vô sanh, cao đẳng thượng phẩm, hầu hoàn lai Ta bà độ tận chúng sanh. Và sau, tòa soạn xin chân thành kính chúc chư Tôn Đức Tăng Ni cùng quý độc giả xa gần luôn được an bình trong nếp sống và sẽ gặt hái nhiều thành quả thuận lợi hanh thông trong mọi ý nguyện.

Trân Trọng.

Ban Biên Tập



THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2556

Nam mô Bổn sư Thích ca mâu ni Phật

Kính gửi: Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni
Cùng quý đồng hương Phật tử,

Hàng Phật tử khắp nơi trên thế giới thành kính hân hoan chào mừng ngày đản sanh của đức Bổn sư Thích tôn lần thứ 2556.

Sự thị hiện lâm phạm của đức Bổn Sư nhằm mục đích đem lại an lạc cho mọi loài chúng sanh, đặc biệt là loài người chúng ta.

Giáo pháp của đức Bổn sư huấn thị là giáo pháp hiện thật, giáo pháp được xây dựng trên sự thật, để hiểu sự thật và là giáo pháp hành động bởi trí huệ. Giáo pháp hiện thật được thể hiện qua tinh thần Từ bi, Trí huệ, Hùng lực.

Tinh thần Từ bi, Trí huệ, Hùng lực đã giúp cho chúng ta chế ngự ba độc tố tham lam, sân hận, si mê; xây dựng nếp sống đạo đức, giáo dục bản thân, cảm hóa gia đình và xã hội, un đức lòng tự trọng, bao dung vị tha, yêu thương người vật.

Tinh thần Từ bi, Trí huệ, Hùng lực là đức lý giác ngộ giải thoát, là nhân tố hoàn thành nhân bản, một nền nhân bản đích thực. Mong sao mỗi người chúng ta luôn luôn sống trong giáo pháp hiện thật mà đức Bổn Sư đã huấn thị.

Kỷ niệm ngày đản sanh của đức Bổn sư năm nay, chúng ta nhứt tâm cầu nguyện thế giới thiên tai, tật dịch tiềm tiêu, nhân sinh an lạc; đồng thời trong giờ phút trang nghiêm cử hành đại lễ kỷ niệm đản sanh đức Bổn sư, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức cố Tông Trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái Thượng nhưn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại sư.

Kính nguyện Tam bảo thù từ gia hộ chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni, quý đồng hương Phật tử, thân tâm thường an lạc.

Trân trọng - Trân trọng,

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Tông Trưởng Tân Nhiệm

Sa môn Thích Phước Bồn

Moät caùi nhìn veà

PHAÁT ÑAÛN



TINH ĐỨC

Đã có biết bao tài liệu, sách vở nói về sự ra đời của đức Phật. Tuy nhiên, ngôn ngữ của loài người nó cũng chỉ có một giới hạn chừng mực nào đó thôi, bản thân của nó cũng không làm sao diễn tả nói hết được những gì mà đức Phật đã chứng ngộ và đã làm. Bởi thế, nên người ta nói, ngôn ngữ phải đứng hàng trước chân lý. Chúng ta có vinh danh ca tụng xưng tán đức Phật đến đâu đi nữa, thì cũng chẳng khác nào như người xưa đã nói: "*Họa hổ họa bì nan họa cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm*". Nghĩa là, người ta vẽ cọp chỉ có thể vẽ được cái lớp da bao bọc của nó ở ngoài, chứ không ai có tài nào mà có thể vẽ được cái xương của nó. Cũng vậy, đối với con người, người ta chỉ biết được qua hình hài vóc dáng hay gương mặt, chứ không ai có thể biết được cái lòng dạ sâu kín của con người.

Đứng về mặt chơn đế hay bản môn, thì tuyệt nhiên, bặt hết mọi dấu vết ngôn ngữ. Nhưng đứng về mặt tục đế hay tích môn, thì cần phải sử dụng đến phương tiện, mà ngôn ngữ là thứ phương tiện có thể nói dẫn đầu trong các thứ phương tiện. Vì không diễn đạt bằng tín hiệu ngôn ngữ, thì không ai hiểu được gì và tất nhiên, không làm sao cảm thông với nhau được. Do đó, mà trong Kinh Pháp Hoa sau khi Phật hiện bày những diệu dụng thần thông tiêu biểu bằng cách phóng quang, ngầm ý chỉ bày cái chơn lý, nó vượt ngoài danh ngôn sắc tướng, nhưng rất tiếc cả đại chúng không ai hiểu được cái thâm ý của Phật. Từ đó mới có ra phẩm Phương Tiện thứ hai. Mục đích của phẩm này, là Phật tạm mượn danh ngôn mà phô bày thuyết minh về cái lý Phật thừa, nói cách khác là "Phật tri kiến". Nhưng khổ nỗi, ở đời người ta chạy theo bám chặt vào phương tiện, mà người ta lại quên mất đi cái cứu cánh. chính cái cứu cánh rốt ráo đó, mới là cái mà Phật muốn chỉ bày.

Phật ra đời cũng chỉ là phương tiện. Cho nên

đối với cái nhìn của hệ tư tưởng giáo lý Phát Triển, thì gọi là Phật thị hiện. Thị hiện có nghĩa là giả đồ làm bộ cho có mặt với thế gian trong một giai đoạn nào đó, chứ không phải là có thật. Do đó, nên từ khi Phật sanh ra cho đến khi Ngài nhập diệt, suốt khoảng thời gian đó, những việc làm của Ngài tất cả đều là thị hiện mà thôi. Kỳ thật thì Ngài đã thành Phật từ vô lượng kiếp lâu xa rồi. Quan điểm này ta thấy rất rõ trong phẩm Như Lai Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa. Phẩm này cho chúng ta biết rõ về bản môn. Cho nên, khi đọc kinh điển ta phải nhận rõ đâu là bản môn và đâu là tích môn. Nếu không, thì chúng ta cũng dễ lầm nhận và cho lời Phật dạy như có sự mâu thuẫn. Khi nhận rõ giữa cứu cánh và phương tiện rồi, thì nó sẽ giúp cho chúng ta rất nhiều lợi ích trong việc tu học.

Nghiên cứu về ba thân Phật, cũng giúp cho chúng ta rất nhiều trong việc nhận định giữa bản môn và tích môn. Hiện tượng đức Phật ra đời ở Ấn Độ, theo lịch sử ghi lại, thì đó chỉ là nói về cái ứng thân Phật, tức nói về phần tích môn. Hoàn toàn không đá động gì đến cái pháp thân Phật, tức bản môn. Tuy nhiên, nếu nhìn theo lý "Tương Tức" trong Kinh Hoa Nghiêm, thì ba thân không rời nhau. Nhưng nói một cũng không đúng. Chúng ta không thể tách biệt từng thân riêng rẽ ra được. Cũng như không ai có thể tách biệt giữa sóng và nước. Toàn nước chính là sóng, mà toàn sóng cũng chính là nước. Nước và sóng không hai mà cũng không phải một. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Cũng vậy, rời pháp thân thì không có ứng thân. Và nếu không có ứng thân, thì cũng không có hóa thân và pháp thân. Đây là lý Tương Tức Tương Nhập, thiết nghĩ, người học Phật cần phải lưu ý. Đây cũng là lý Bất nhị trong kinh Duy Ma Cật đã nói.

Có cái nhìn như thế, thì ông Phật pháp thân không hạn cuộc vào ông Phật ứng thân. Phật pháp thân thì có mặt khắp nơi khắp chốn, không nơi nào mà chẳng có. Vì nó vượt ra ngoài những phạm trù đối đãi nhị nguyên thời gian và không gian. Như vậy, đứng về mặt chơn đế, thì lúc nào Phật cũng ra đời. Không cần phải chạy tìm cầu Phật ở đâu. Dù chúng ta có đi qua bên Ấn Độ, thì cũng chỉ thấy được cái Phật tượng và cây Bồ đề mà thôi. Chớ làm gì chúng ta thấy được ông Phật ứng thân. Bởi ông Phật ứng thân cũng do nhân duyên giả hợp mà thành. Nói rõ hơn cũng do bốn yếu tố: đất, nước, gió, lửa, kết tụ mà thành thân. Cái thân đó cũng là cái giả thân, có hợp, có tan khác nào như bọt nước. Vậy thì ông Phật thiết ở đâu? Ông Phật thiết làm gì có nơi chốn mà hỏi ở đâu. Hỏi thế, khác nào chúng ta hỏi không khí ở đâu? Tuy không chỉ ra được nơi chốn mà thực tế có không khí không? Nếu không, thì chắc cả thiên hạ đều chết hết. Như vậy, ông Phật thiết tuy không chỉ ra được mà không phải là không có. Muốn ông Phật thiết hiện khởi, với điều kiện là tâm ta phải yên lặng bất dứt mọi vọng tưởng. Bấy giờ tự mình mình biết, tự mình mình hay mà thôi. Làm sao mà diễn tả cho người khác biết được. Có diễn tả thì còn có "Năng" và có "Sở" rồi. Nghĩa là có cái nhận thức và cái đối tượng nhận thức. Đến đây, trong kinh thường nói là không thể suy nghĩ luận bàn. Chỉ cần hết vô minh vọng tưởng thì tánh giác hiện bày. Còn nếu để cho vô minh phiền não phủ lấp che mờ, thì lúc đó ông Phật thiết bị che lấp ẩn khuất. Chỉ bị che lấp ẩn khuất thôi chớ không phải là không có. Bởi tánh giác thì hằng hữu bất sanh bất diệt. Sanh diệt là hiện tượng của vô minh phiền não. Chớ bản thể thì làm gì có sinh có diệt? Thí như ánh trăng sáng thì lúc nào cũng có, nhưng sở dĩ ánh trăng không hiện ra được là tại vì bị mây mù che khuất. Chỉ cần mây tan đi thì ánh trăng sẽ hiện ra, không cần phải tìm cầu ở đâu chi cho nhọc sức. Bởi vì:

*Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh
Thú hương chơn như tổng thị tà.
(Tú Tài Trương Chuyết)*

Như vậy, muốn tướng niệm Phật ra đời không gì hơn là chúng ta hãy thực tập cho mình có những giây phút thật tĩnh lặng. Đó là cách hay

nhứt để chúng ta nhận diện ông Phật thiết của chúng ta. Bởi Phật ra đời cũng chỉ nhằm mục đích là chuyển mê khai ngộ cho hết thảy chúng sanh. Tất cả những pháp môn Phật dạy, không có pháp môn nào mà Phật không khuyên bảo chúng ta diệt trừ phiền não. Nói diệt trừ đó cũng chỉ là một cách nói, đúng hơn là phải nói: "chuyển". Nghĩa là "*chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển sanh tử thành Niết bàn*". Đi tìm Bồ đề hay Niết bàn mà rời phiền não, sanh tử thì làm gì có? Cũng như muốn có nước trong thì cũng phải từ nơi nước đục mà có. Chỉ cần lắng lặng gạn lọc sạch hết cặn cáu thì nước trong sẽ hiển hiện. Cho nên sự tu hành, Phật dạy không tìm cầu đâu xa. Mà hãy tìm lại ở nơi tâm ta. "Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tung tha đắc". hay "hồi quang phản chiếu", đó là cái yếu lý của người tu. Ngày xưa, vua Trần Nhân Tông nhờ câu nói này của Tuệ Trung Thượng Sĩ mà Ngài lãnh hội tỏ ngộ được yếu chỉ tu hành thành Tổ. Nếu còn khởi vọng tìm cầu Phật thì đó là tà niệm, không khởi vọng mong cầu, tuyệt dứt đối đãi, đó là chơn niệm hay chánh niệm.

Kinh Kim Cang Phật dạy:
*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Nhược nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.*

Nếu thấy sắc cho là thấy Phật, hoặc cho rằng âm thanh của Phật nói ra, Phật nói, cái thấy đó là cái thấy của người hành đạo tà. Như thế, thì thử hỏi làm sao thấy được Như Lai? Bởi Như Lai là thể bất sinh bất diệt. Còn tất cả mọi hiện tượng đều nằm trong phạm trù sinh diệt. Cũng trong Kinh Kim Cang, ở một đoạn khác Phật nói: "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*" Nghĩa là phàm cái gì có hình tướng đều là hư giả không thật, nếu thấy các tướng mà không dính mắc chấp chặt vào các tướng, thì cái thấy đó mới thật là thấy Như Lai. Kinh đã dạy rõ ràng như thế, đâu có gì phải nghi ngờ.

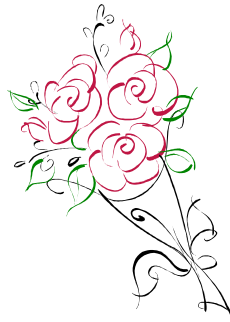
Nhìn lại, thời đại của chúng ta hiện nay, phải nói là thời đại đặt nặng về phần lý giải. Tức nặng về phần lý thuyết nhiều hơn thật hành. Năng thuyết bất năng hành. Nhưng đạo Phật

dạy chúng ta là phải tri hành hợp nhất. Vì nặng về phân lý giải suông nên mới xảy ra những hiện tượng tranh chấp đấu đá chém giết với nhau. Chỉ biết khéo lập ngôn, lập thuyết, mà không khéo thật hành đúng theo lập thuyết. Đó là đầu mối của sự tranh luận chống đối kích bác lẫn nhau. Không ai gây khổ đau cho ta mà chính chúng ta gây ra khổ đau cho nhau. Điều này trong Khởi Tín Luận gọi là "Kế danh tự tướng", còn trong Duy Biểu học thì gọi là "Biên kế sở chấp". Quả đó là một điều rất nguy hại. Hiện chúng ta đang sống trong một thế giới tranh chấp với nhau mãnh liệt. Khác nào như đang sống trong một ngôi nhà lửa. Nhưng khổ nỗi, không ai chịu nhận ra mình đang sống trong ngôi nhà lửa. Mà cứ tưởng mình đang sống trong ngôi nhà ngói nhà lều êm ấm. Thân phận của con người ngày nay, có khác nào thân phận của những người con của ông trưởng giả mà ở phẩm Thí Dụ thứ ba trong Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Có khác chăng là những người con nhờ sự khéo dẫn dụ của ông trưởng giả mà cùng nhau chạy ra khỏi ngôi nhà lửa. Do đó, nên không ai bị chết cháy. Còn chúng ta thì sao? Chúng ta vẫn còn đang say đắm rượt bắt chém giết tranh giành cầu xé lẫn nhau. Như vậy, thử hỏi làm sao tránh khỏi nạn chết cháy?! Ngày nào mà nhơn loại vẫn còn làm nô lệ cho ba độc tố: "**tham, sân, si**" sai khiến, thì ngày đó nhơn loại vẫn còn phải chịu đựng nhiều nỗi tang thương hệ lụy.

Phật Đản về như nhắc nhở chúng ta hãy trở về nhận diện lại chính mình. Chỉ có một phương cách là nhận diện và chuyển hóa những hạt giống xấu ác gây khổ đau cho mình và người, có thể, thì mới mong thế giới này trở nên an ổn. Được vậy, thì mới đúng ý nghĩa kính mừng Phật ra đời. Bằng không, thì cũng chỉ phô trương rầm rộ trên mặt hình thức nặng phần tín ngưỡng hời hợt ngoài da mà thôi. Ước mong sao mỗi người chúng ta nên ý thức được sự khổ đau chung của cộng đồng nhơn loại mà trở về nhận diện sâu sắc lại chính mình. Muốn trở về để nhận diện, tất nhiên chúng ta phải có phương pháp. Phương pháp đó, theo tôi, thì không ngoài ba yếu tố thiết yếu: "**Niệm, Định, Tuệ**". Trong niệm đã có giữ giới, và chính nhờ giữ giới nên mới có định và từ định phát sanh tuệ. Khi đã có được tuệ giác rồi, thì mọi khổ

đau sẽ lập tức chấm dứt ngay.

Nói thế, không có nghĩa là chúng tôi phủ bác việc phô trương hình thức. Vì những hình thức lễ nghi ngoại diện cũng rất cần thiết để trang nghiêm cho buổi lễ. Đó cũng là một hình thức cúng dường. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi muốn nói là mọi lễ nghi hình thức chỉ là những phương tiện bên ngoài, nó chỉ có tác dụng nhứt thời mà thôi. Chính cái nhận diện chiều sâu bên trong, để chuyển hóa vô minh phiền não và để tìm lại con người chơn thật của chính mình, chính đó mới là điều quan trọng cho sự giác ngộ giải thoát. Và như thế, thì mới thực sự tương hợp với bản hoài của đức Phật ra đời vậy./.



Buông Xả

*Nếu ai bức tức giận buồn ta
Ta hãy bình tâm giữ ôn hòa
Không nên tranh cãi gây thù hận
Chớ trách lỗi người, xét lại ta.*

*Học hạnh từ bi tánh vị tha
Mở rộng lòng thương khéo thuận hòa
Dẹp lòng ích kỷ tâm sân hận
Gắng chí tu hành, khổ thoát ra.*

*Giận trách chi người khổ lụy sâu
Nhiều đêm không ngủ, tóc bạc đầu
Sao bằng hoan hỷ tâm buông xả
Thoát khỏi giam mình giữa vực sâu.*

Tịnh Đức

Ngợi khen Phật

Mắt Phật sáng trong đẹp lạ thường,
Ngài nhìn thấu suốt khắp mười phương.
Từ bi hiện rõ trong đôi mắt,
Khuôn mặt hiền lành thật dễ thương!

Tai Phật lớn dài thấy thật xinh,
Ngài nghe rõ biết các âm thanh.
Mười phương chư Phật đang truyền pháp,
Ba cõi luân hồi các chúng sinh.

Mũi Phật thẳng ngay đẹp khác thường,
Ngài luôn ngửi được các mùi hương.
Mùi trời, mùi Phật, mùi cảm thú,
Cây cỏ, núi rừng, khắp đại dương.

Lưỡi Phật rộng dài đến Phạm Thiên,
Nói lời chân thật, nghĩa vô biên.
Môi thường tươi thắm như hoa phượng,
Miệng nở nụ cười thật hữu duyên.

Giọt nước ngọt trong
Từ quê hương trái tim màu nhiệm
Tan trong đêm dài
Ngân lên khúc nhạc từ bi.

Giọt nước ngọt trong
Động dăng lời nguyện ước
Bao kiếp số xa xăm
Chảy ngược biển vô thường.

Giọt nước và vì sao
Long lanh cùng nhật nguyệt
Sáng chiếu - mềm nổi đau
Thắm sâu cội nguồn tâm tưởng.

Giọt nước cành dương
Khơi nguồn tình thương lớn
Gieo hạt mầm vô lượng
Quyết tan xóa luân hồi.

Gọi tên người trong miền viễn
Phật, Bồ tát hay Thánh nhân
Trên cung đàn tử sinh
Học hạnh uống tròn trong giọt nước.

Người là ánh sáng vô cùng
Kết tinh từ những giọt nước
Hội tụ thành kim cương
Sáng soi đêm dài tăm tối.

Thân Phật sạch trong luôn tỏa hương,
Phát ra ánh sáng chiếu mười phương.
Chúng sanh nhìn thấy đều quy ngưỡng
Thoát kiếp trầm luân khổ đoạn trường.

Ý Phật sáng ngời tợ lưu ly,
Lòng luôn dứt sạch tham, sân, si.
Như vàng trắng giữa trời trong sáng,
Rọi khắp muôn nơi chẳng ngại gì.

Thị hiện vào đời cứu chúng sinh,
Độ người thoát khỏi kiếp vô minh.
Nhận ra tánh Phật mình đang có,
Nhẫn nhục tu hành Thường Bất Khinh.

Nhiều kiếp Ngài tu mới đạt thành,
Như hoa sen ở chốn bùn tanh.
Vào đời Ngài chẳng hề ô nhiễm,
Hạnh nguyện muôn đời độ chúng sanh.

Trí Thâm

Ngày Phật hiện
Muôn loài hân hoan chào đón
Lịch sử sang trang
Lòng người còn mãi kính hoài.

Báo thân Phật quá khứ
Tròn dung xá lợi năm màu
Cuộn theo dịch chuyển vô thường
Hiện linh bằng trái tim tuệ giác.

Có ai biết mặt Phật
Là biển cả hay mặt trời
Là trái tim hay nhân diện
Là hạnh phúc hay niết bàn.

Đừng hoài công tìm biết
Sẽ thất vọng đến tận cùng
Thà nhìn dòng sông chảy
Quán thấy giọt nước trong tâm hồn.

Phật từng ngắm dòng sông Ni Liên
Để thấu suốt nội tâm
Lẽ thật của khổ đau
Chưa bao giờ có thật tánh.

Dòng sông là những giọt nước
Dệt thành từ biển tình thương
Tri kiến Phật thường hằng
Nằm ngoài cơn mê ý thức.



Giòng
Sông
Tình
Thoông

Chuồn
Thanh

Mỗi một con người là một vũ trụ thu hẹp đầy năng động. Đời sống là nơi giao hội giữa các tiểu vũ trụ. Tính sáng trong của các cá nhân đều có nền tảng giống nhau. Dựa trên khả năng hiểu biết không cho ra kết quả đúng như nền tảng. Ý thức là dòng vận hành liên tục, nó có tính cách “động” khi tiếp xúc với cảnh hay với dòng tâm thức nội tại. Trong khi khám phá sự trong sáng tinh nguyên của mình phải được dẫn nhập từ chân trời của các bậc giác ngộ và phương tiện qua giáo pháp mà các Ngài đã khai thị cho. Sự khai thị được diễn tả với hai cách: trực tiếp và gián tiếp.

Trực tiếp là con đường nhanh nhất và cũng rất nhiệm mầu do vị chân sư chỉ bày, đưa hành giả vào con đường thể nghiệm dưới sự kiểm chứng và nâng đỡ của vị Thầy. Còn gián tiếp thường đi qua kinh văn, sau khi nghiên cứu tường tận, phát huy nó trên Văn – Tư – Tu lần hồi thể nhập được vào tự tánh tâm một cách khẳng quyết.

Con đường tiến bộ tâm linh và có tri kiến sự thật về các pháp hữu vi, trong chu trình ứng dụng thường nhật, hình ảnh và nhân cách của Đức Phật thuở xa xưa không phải là một khoảng không lạnh ngắt hay khoảng cách xa vời vợi dựa trên thời gian mà phát biểu về định nghiệp của mình hay cộng đồng. Nuôi dưỡng đời sống tâm linh bằng ký ức rồi ra chẳng có giá trị gì. Ký ức chỉ là vòng quay của hoài niệm. Đôi khi ký ức trở thành trò chơi về ảo tưởng của bản ngã. Sự đánh lừa dài ngày như thế là cái bẫy, rập khuôn công thức vận hành đời sống biến thành thói quen và xa vắng trí tuệ thật sự.

Một kiếp người trôi đi tạm phân làm ba giai đoạn. Mỗi giai đoạn biểu minh cho sự vượt lên nhưng đồng thời bao hàm sự tàn lụi theo đó. Thuở ấu thơ của đèn sách; thuở vào đời kiếm sống; và thuở bắt đầu bên kia triền dốc, tức là thuở lực bất tòng tâm, thân xác không còn năng động, hành hoạt cùng dòng sinh ý thức. Ba giai đoạn đó trôi theo chiều thẳng, đến khi chấm dứt chu trình này, ngoại trừ bậc thánh nhân, kỳ dư đều mờ mịt như đi trong đêm đen

mờ ảo, chẳng rõ sẽ hóa thân về đâu.

Phát biểu như thế không phải là thảo chương về một chu kỳ nhất định đời người mang tính cố định. Hãy vượt ra ngoài cảm xúc bị quan cố định hết sức tai hại đó để thấy sức sống mầu nhiệm hiện diện ngay nơi hơi thở và cử động nhỏ nhiệm nhất.

Khi còn nhỏ theo mẹ lên chùa, cảm giác của trẻ thơ chỗ nào cũng đông, vui, không có giận dữ, thù hận, đấu tranh, nơi đó bước chân chim tha hồ tung nhảy. Bên cạnh đó, âm vang của những lời ca, tiếng nhạc, chẳng thể hiểu lời, song sự rung động bởi cảm xúc, lâng lâng như ngày mới, nắng ấm nghe tiếng chim chuyền cành. “Ca ca vang, ta hát mừng ngày Đản sinh”. Bất chợt ngày Phật Đản, qua tiếng nhạc và lễ hội trở thành ngày phấn khích của con trẻ. Như một nốt nhạc lặp lại, chiều buông xuống, ra về hỏi lại Mẹ chừng nào có ngày vui trở lại.

PHẬT ĐẢN



TRONG TRÁI TIM TÔI

Khung cảnh và không gian của tuổi thơ khi được tham dự lễ hội Phật Đản hoàn toàn không có sự dính chấp vào cảnh. Bước đến đâu, hướng đến đâu rung cảm dâng tràn hòa quyện cùng bản sắc ngoại cảnh. Tâm hồn nhiên, thanh thang đó là tâm của sự tự do. Nắm bắt ý niệm và điều kiện hóa ngoại giới không có chỗ sinh cứ trong lòng con trẻ. Thế nên không có thái độ để chọn vào hoàn cảnh bi tráng như thế.

Lớn lên trong chiếc nôi Phật giáo, những bước học hỏi căn bản đầu tiên về bốn điều chắc thật mà Đức Phật đã thuyết giảng cho năm anh em ông Kiều Trần Như. Giáo pháp đó phù hợp với tâm cảnh và nghiệp thức thuộc về thế giới Tục đế. Lăn khân trong cảnh trạng biến loạn mộng tưởng, đang mơ mà cứ ngỡ là thật, đắm chìm trong cảm xúc, khi chứng kiến nỗi tang thương đày do chiến tranh và thiên tai mang lại mới nhìn nhận quả đời là khổ đau và đầy dẫy hệ lụy. Hình ảnh đức Phật chứng kiến sanh, lão, bệnh, tử là một chu trình bất định. Hướng đến niềm đau của con người và các cảnh giới đọa lạc khác, Ngài lập đại hạnh thẳng tiến trên đường đạt ngộ tối thượng và cứu độ muôn loài. Nhân cách và

giáo pháp của Ngài không thể dựa trên hình tượng chiêm ngưỡng. Hóa thân thị hiện chẳng phải là khung trời tuyệt đối. Vì thế Phật Nhập Niết bàn để chúng sanh thấy rõ hai chiều: Chiều sanh diệt của sanh thân Phật giống chúng ta và chiều bất diệt là pháp thân vô tướng.

Hiểu Phật, biết Phật, hành động như Phật và tâm thức như Phật đều từ trái tim mà ra. Trái tim đó gọi là trái tim tuệ giác. Đức Phật lúc lâm phạm tay chỉ lên trời và tay chỉ xuống đất, biểu thị trên, dưới chỉ có ta, tức tuệ giác là cao cả. Đại Bồ tát thị hiện khai mở, chỉ bày cho chúng sanh làm thế nào giác ngộ, thể nhập vào tri kiến vô lậu của Phật. Mục đích đó được chiết giải qua bốn phạm trù:

Quán tất cả các pháp nguyên không.

Không lìa bỏ chúng sanh.

Việc làm đúng như khẩu quyết.

Toàn thể chư Phật hộ niệm.

Điểm thứ nhất, quán tất cả các pháp nguyên không. Đức Phật quán thấy các pháp vốn không có tự tánh. Ngay bản thân mình là cấu trúc của đất, nước, gió, lửa tạo thành. Bốn hợp chất này hay ngũ uẩn là giai đoạn tạm thời nối kết. Hết duyên chúng phân rã, tan hoại theo thời gian. Do nhận ra bản chất của các sắc thể, nên nhân hạnh bước đi trên vô tướng. Tâm không dính mắc, bám trụ trên ngũ ngôn và hành động, thuật ngữ gọi là vô tác, không thấy mình làm, không thấy cảnh được làm, không rời bỏ bất kỳ chúng sanh nào.

Điểm thứ hai, không lìa bỏ chúng sanh, luôn thân cận với chúng sanh, gia hộ cho chúng sanh không được gia hộ. Làm nơi nương tựa cho chúng sanh không chỗ dựa nương. Cứu độ chúng sanh chưa được cứu độ.

Điểm thứ ba, việc làm đúng như khẩu quyết, do việc làm đúng như khẩu quyết, tương hợp, không bao giờ sai khác tạo thành con đường hoàn thiện, rớt ráo cho chúng sanh không thấy rõ đường đi. Làm chỗ tin cậy cho chúng sanh tin cậy tìm về không bị điên đảo. Là ánh sáng chỉ đường cho kẻ tối tăm; cho người mù được sáng mắt và cho những ai chưa một lần nhận ra trí tuệ từ tâm sanh.

Điểm thứ tư, toàn thể chư Phật hộ niệm, nhờ công đức thực hành trí tuệ rớt ráo đạt đến vô lượng nên được chư Phật trong mười phương

hộ niệm, tán dương sự thành toàn phẩm hạnh.

Trái tim của Đức Phật luôn hướng đến nhịp đập con tim đau khổ của muôn loài. Đối với chúng sanh lạc trong vô minh thì không làm chủ được mình, mặc cho sóng nghiệp lôi đi. Với bậc giác ngộ, theo kinh Thụy Ứng Bản Khởi, Đức Phật vốn là Bồ Tát Thiện Huệ ở cõi trời Đâu Suất. Trước khi lâm phạm xem xét năm điều: chúng sanh, thời kỳ, chủng tộc, quốc độ, nhân sinh phù hợp. Theo đó để biết chúng sanh đã đến giai đoạn thành thực hay chưa; thời kỳ ra sao; dòng tộc nào quý thạnh; quốc gia nào ở giữa; ai là người chân chính có túc duyên từ nhiều đời. Kết trái đưa đến cho thấy trong tam thiên đại thiên thế giới, thành Ca Tỳ La Vệ ở Diêm Phù Đề là ở chính giữa. Dòng họ Thích Ca, vợ chồng Tịnh Phạn Vương là bậc nhất do nhân duyên chiêu cảm từ quá khứ. Thế nên đủ duyên, Ngài thị hiện.

Giác ngộ như sợi chỉ phân ranh giữa chúng sanh và Đức Phật. Hình ảnh của Ngài không phải để gieo vào lòng đức tin của sự sùng bái, phải biết đi vào con đường chân chánh nhận ra tính chất hãi hùng của cái chết và tái sanh vào đường dữ. Chỉ khi đó mới nỗ lực trong các phương tiện, thoát khỏi sự bám chấp vào bất kỳ hình thức nào và dứt khoát bỏ lại sanh tử ở đằng sau.

Cái gì do tâm thức tạo ra đều nằm trong sự giới hạn. Cắt đứt mọi ý niệm sai lầm phân biệt, khát khao, khiến trừ chúng bằng con tim rộng lượng và an định trong tánh giác thường tại, hòa quang cùng pháp tánh, tánh cách của các pháp bình đẳng, dung thông vô ngại. Đó không phải là quan điểm triết học. Biến lời dạy của Đức Phật thành các vòng hoa trang bị kiến thức, thiếu sự tu tập thì vẫn bị mười hai nhân duyên chi phối.

Nếu là ẩn sĩ trong rừng vắng chưa dứt trừ được tính giả lập của nhị nguyên chỉ kéo dài thêm hư vọng. Ngược lại ở phố thị, năng nỗ hành động vẫn trượt dài trên sự nắm bắt và rung động thì sanh tử vẫn còn nguyên vẹn.

Trong những tiền kiếp xa xăm, tâm hạnh của Phật thường quán đến tất cả chúng sanh trong các cõi là cha mẹ mình. Họ vẫn còn lang thang trong luân hồi. Nghĩ thương vô hạn, với bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỷ, xả) và ứng dụng nhiều phương tiện khác nhau Ngài dẫn dắt họ

ra khỏi sanh tử. Nói một cách khác, Ngài nguyện nỗ lực tu hành, cứu độ cho đến khi sanh tử, các cảnh giới đọa lạc trống không.

Sự tỏa sáng của Đức Phật đánh động tiềm năng hiểu biết trong mỗi nhân sinh. Hiểu biết đó không xây dựng theo kiến thức xã hội thời đại. Giữa tri thức và trí tuệ chân đế là hai phương trời nghịch lý. Thế gian trí là chiều phát triển nâng cao phẩm chất đời sống thuộc dạng thứ yếu. Trí tuệ tuyệt đối phát sinh nhờ giáo pháp của Đức Phật và khả năng hành trì thể nghiệm nó từ tâm thức đến ngoại cảnh. Do thế Phật Đản không thể chỉ riêng chiêm ngưỡng sanh thân phước báo; thấy Phật là đồng nghĩa như thấy năng lượng thẩm nhuận vũ trụ.

Học hạnh Phật, thấu rõ lời Phật dạy để có được trí tuệ như Phật và dùng Đại Bi Tâm chuyển đổi cảnh bất như ý thành bình đẳng phẩm tính từ trong bản thể. Vượt lên trên tri thức thường nghiệm với tâm lực như Phật thì bóng dáng phiền não không còn dấu vết. Thận trọng trong thực hành sẽ được chư Phật ban lành. Hòa trộn tình thương vào tâm khiến thay đổi trạng được mọi người, mọi loài thương mến. Để thoát khỏi thành kiến, hãy cố gắng giữ tâm không thiên lệch, cũng như hoạt động với niềm vui, thiện cảm sẽ đem lại nguồn cảm hứng vô tận trong phương cách thực hành từ tâm.

“Bàn tay chuyển pháp trong hương đêm tinh khiết, Ấn cát tường nở chớm bông hoa, thế giới ba ngàn đồng thanh ca ngợi vang Phật Thích Ca” (Phạm Thế Mỹ - Hoa nở một lần thôi). Trong không gian tĩnh lặng, lời nhạc réo rắt đưa tâm thức trở về với thời hoàng kim. Thời Đức Phật tuyên thuyết, Khai-Thị-Ngộ-Nhập Phật Tri Kiến cho chúng đệ tử. Nhờ chân thật chánh tín vào giáo pháp, thấu hiểu lý mầu, tu hành và đạt đến cảnh giới giải thoát... Ba ngàn thế giới đồng thanh tán dương hạnh quả của Phật. Muốn hiểu vì sao sức thần của Phật chấn động cả pháp giới, chỉ cần nghiên cứu mười món diệu huyền trong kinh Pháp Hoa và khai mở chân trời tâm linh qua sự tương quan với nhau, khi lý và sự đến chỗ tận cùng rất ráo. (Cảnh diệu, Trí diệu, Hạnh diệu, Vị diệu, Tam pháp diệu, Cảm ứng diệu, Thần thông diệu, Thuyết pháp diệu, Quyển thuộc diệu, Lợi ích diệu). Tất cả các pháp diệu, xuất sinh do nơi

chúng ngộ thật tướng mà ra. Ngôn ngữ do Phật thuyết giảng đều là diệu pháp. Chúng sinh nào biết đón nhận tinh hoa pháp Phật, tu hành sẽ thăng chứng tâm linh không còn hồ nghi móng khởi.

Mùa Phật Đản lại về giữa bao cảnh chiến tranh, thiên tai, bệnh tật, mọi tai họa từ thiên nhiên và con người thường trực bủa vây khiến lòng người ta thán. Đành rằng khổ đau do tích nghiệp trong quá khứ chín quả ở hiện tại. Người không am tường Phật lý dễ lạc vào hoàn cảnh khốc hận thiên thu khi bản ngã bị đánh động và những mất mát trên nhiều phương diện trong cuộc sống. Quan trọng hóa vật thể, bám cứng về tư duy theo dạng tinh thần bị phóng đại khiến tâm thức mờ mịt, nên hành động mãi sa lầy vào vô minh.

Quan sát nhân cách, hạnh đức của Phật và giáo lý vi diệu do kim ngôn của Ngài tuyên thuyết. hành giả sẽ dễ dàng nhận ra, Thế Tôn không phải là đối tượng để sùng bái, nắm bắt. Chân lý Ngài thuyết giảng không theo đường một chiều. Chân lý đó không có sự đối biện, đối lập với chúng sanh. Ngài dạy rằng tất cả chúng sanh có khả năng thành tựu quả vị tối thượng như Ngài. Biện phương tiện và trí tuệ Ngài hướng dẫn, nó không thuộc sở hữu của ai. Nói một cách khác nó là con đường đưa đến sự chấm dứt trong sanh tử. Muốn vươn đến bầu trời tự tại không còn bị ràng buộc, trước tiên nhận ra yếu chỉ vì sao Ngài lâm phạm. Thứ đến hành trì bằng tâm niệm không gây tổn hại cho sinh loài, với Đại Bi Tâm thường chiếu, khép kín ba nghiệp từ thân, khẩu, ý. Chuyển hóa tam nghiệp thành động năng quý báu trường dưỡng nội tâm và phong phú ngoại cảnh theo từ tâm không có biên độ.

Tức tâm là Phật. Phật Đản là Phật từ trong con tim. Một đời người không uống hết lời Phật dạy. Một đời người không ứng dụng hết theo nhân hạnh Phật đã trình bày. Một đời người khó trở thành hành giả chân chính nếu không có vị Thầy hướng dẫn. Một đời người có thể trải nghiệm phẩm hạnh tình thương của mình qua khung trời Bồ Đề Tâm. Do thế tôi nguyện mỗi năm kỷ niệm ngày Phật Đản, Phật trong trái tim tôi hằng hiện hay Phật hóa trong trái tim mọi người./.

CHÚC THANH

Hôm nay ngày Phật đản sanh,
Tất cả Phật tử chí thành dâng
hương.

Một lòng lễ bái cúng dường,
Cầu Phật cứu khổ đau thương mọi loài.
Lòng từ Ngài xuống cõi đời,
Tại thành La Vê ở nơi cung đình.
Ngài sanh vào lúc bình minh,
Ngày rằm tháng bốn đầy tình yêu thương.
Vô ưu hoa nở ngát hương,
Tì ni vườn đẹp khác thường cây xanh.
Chim rìng vui hót trên cành,
Dưới sông tôm cá lượn quanh reo cười.
Thú rìng nhảy múa vui tươi,
Côn trùng tấu nhạc vang lời ngợi ca.
Thần dân mừng Phật sinh ra,
Cỏ cây kết trái đơm hoa đầy cành.
Hào quang năm sắc kết thành,
Chiếu soi ba cõi chúng sanh luân hồi.
Con từ nhiều kiếp nổi trôi,
Trong vòng lục đạo luân hồi tử sinh.
May nhờ có chút duyên lành,

Kính mừng ngày Phật đản

Nay được dự lễ đản sanh của Ngài.
Tuy rằng không gặp Như Lai,
Nhưng nhờ giáo pháp của Ngài thậm thâm,
Khiến con dứt hết mê lầm,
Nhận ra Phật tánh trong tâm của mình.
Nhiều đời chôn vùi vô minh,
Chạy theo tà kiến nặng tình ái ân.
Xuống lên sanh tử cõi trần,
Tạo ra ba nghiệp làm thân bốn loài.
Nay con đã tỉnh ngộ rồi,
Sống đời đạo hạnh giúp người lâm than.
Ngài là bậc Thầy mình quang,
Ra đời cứu độ muôn ngàn chúng sanh.
Con nay dâng tấm lòng thành,
Quyết tâm theo Phật tu hành mà thôi.
Phước lành được chút nhỏ nhoi,
Con xin hồi hướng mọi loài chúng sanh.

Văn Thân



Tổ Đình Phước Huệ

Thiệp Mời

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2636

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản lần thứ 2636

được tổ chức tại Tổ Đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

vào lúc 10 giờ sáng, ngày Chủ Nhật 06/05/2012

Sự hiện diện của Quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỷ của Phật giáo đồ

Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc

Kính nguyện kiết tường

Trân trọng

Ban Tổ Chức





PHƯỚC HUỆ SƠN MÔN HỌC PHÁI

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

ĐIỀU TỪ

**của Pháp chúng môn nhơn
Phước Huệ Sơn Môn Học Phái**

Kính dâng Đức Tông Trưởng



- Nam mô Thập phương thường trụ Tam Bảo tác đại chứng minh,
- Nam mô Điều Ngự Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh,
- Nam mô Tiếp dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật tác đại chứng minh,
- Ngưỡng bạch giác linh Đức Tông trưởng thù từ chứng giám.

Chúng con vẫn biết vô thường, già, bệnh, không hẹn với người, kiếp phù sanh như giấc mộng. Tuy nhiên, cảnh sắc Tổ đình Phước Huệ, Đại Tông Lâm Phật Giáo, ngôi Đại Tự Quang Minh, Đạo Tràng Phước Huệ còn hiển hiện, công nghiệp hoằng pháp của Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, đang trong thời kỳ phát triển. Đức Tông Trưởng tùy duyên xả bỏ báo thân, chúng con không sao tránh khỏi nỗi đau xót, ngậm ngùi thương tiếc, trong lễ tịch diệt hôm nay trở thành điều bất diệt.

Suốt chín mươi năm, gần một thế kỷ, Đức Tông Trưởng đã cùng với đạo, với non sông, với quê hương thứ hai trên đất Úc châu này, gắn liền trong những bước thăng trầm của kiếp nhơn sanh; Đức Tông trưởng vui, trong niềm vui của mọi người, Đức Tông Trưởng khổ, cái khổ của nhơn sanh, đạo pháp.

Hơn năm mươi lăm năm, kể từ năm 1955, ở cương vị Giám Viện chùa Ấn Quang và là Giáo Sư kiêm Giám viện Phật học đường Nam Việt, kế đến là Đốc giáo Phật học đường, thành viên trung ương Giáo hội Tăng già Nam Việt, Giáo hội Tăng già Toàn quốc, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và hơn ba mươi năm ở Úc Châu nơi quê hương thứ hai

này, trên con đường đạo hạnh Đức Tông trưởng không quản ngại gian lao khó nhọc, tận tụy phục vụ đạo pháp, nhơn sanh, dân tộc.

Hàng hậu học chúng con không bao giờ quên ơn đức của Đức Tông Trưởng, dưới mái học đường, chúng con không những học hành được tiến bộ, sinh hoạt ngoại khóa đem lại những điều bổ ích cho kiến thức của tuổi trẻ, tuổi ấu thơ, lại còn có được những bữa ăn no đủ, thuốc men khi đau bệnh đều nhờ sự chăm sóc của Đức Tông Trưởng. Ngôi chùa Ấn Quang, Phật học đường Nam Việt mang sắc thái hài hòa giữa kim và cổ, mỹ thuật, trang nghiêm, tươi mát, thích hợp với quảng đại quần chúng, đặc biệt là giới trí thức, nhơn sĩ. Sinh hoạt phát triển tốt đẹp được như vậy, là nhờ sự khéo léo giao tiếp, tổ chức cập nhật, vận động nhơn lực, tài lực của Đức Tông trưởng, trợ giúp một cách đắc lực cho Đức Trưởng lão thượng Thiện hạ Hòa, Giám đốc Phật học đường Nam Việt, Tọa chủ Chùa Ấn Quang trong công tác xây dựng cơ sở; đồng thời thành lập nhà in Sen Vàng, phòng phát hành kinh sách, Ban Bảo trợ Phật học đường Nam Việt, Ban Từ thiện chùa Ấn Quang....

Nhờ lòng nhiệt thành của Đức Tông Trưởng, Phật học đường Nam Việt trở thành cái nôi đào tạo tăng tài của Phật giáo miền Nam thời bấy giờ. Ngôi chùa Ấn Quang tạm có đủ tiện nghi cần thiết tương đối có thể cung ứng cho nhu cầu sinh hoạt Phật sự chung và sự hoạt động của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Giáo Hội Tăng già Toàn quốc, về sau là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, xứng đáng ở vào vị trí trung tâm điểm của Phật giáo Việt

Nam, đặt văn phòng trung ương của Giáo hội, Tổ đình của Phật giáo.

Đức Tông trưởng không phải chỉ là bực Thầy trên bực giảng, nhiếp hóa học chúng ở học đường, điều hành Phật sự ở bốn tự, điều hành giáo vụ ở văn phòng; ngược lại Ngài còn lặn lội đường xa, chịu đựng khó nhọc, vất vả đến các chùa, các đơn vị nơi thôn dã hẻo lánh, ở các tỉnh xa xôi, khuyến khích các bực thầy, các vị Trụ trì cho đệ tử vào học đường, khích lệ nâng đỡ tăng ni lớp nhỏ, tuổi trẻ nên đi học để mở mang kiến thức, bước đường đạo nghiệp mới thăng hoa, tiến bộ. Kể từ giữa thập niên 1950 trở về sau, tăng ni được học hành có trình độ Phật học và đặc biệt là thế học, khả dĩ như ngày hôm nay có thể nói là nhờ sự canh tân cập nhật chương trình giáo dục của Đức Tông trưởng. Ngài là bực đạo sư khai nguyên chương trình giáo dục cấp tiến, chủ trương một tăng sĩ, một ni lưu phải có một trình độ tương đối, hiểu biết căn bản trong sinh hoạt của đời sống con người và xã hội.

Với tư cách thành viên ở cấp trị sự trung ương Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Đức Tông Trưởng vận dụng thuyết minh phác họa hướng tiến hiện tại và tương lai của Giáo Hội Tăng già Nam Việt, một việc làm khá vất vả, đặc biệt là yếu tố đặc nhơn tâm. Nhờ sự tinh cần, đức kham nhẫn, khiêm cung hòa hài, giao tế, thành tín, kiến giải minh triết, Đức Tông Trưởng tranh thủ được nhơn tâm, được sự đồng thuận của chư tôn túc lãnh đạo và đồng sự, trong công trình xây dựng tổ chức Giáo Hội Tăng già Nam Việt thật khả dĩ. Kết quả thật tế, hình thành một qui chế sinh hoạt Giáo Hội thực tiễn, canh tân cập nhật chương trình giáo dục, kiện toàn, hệ thống hóa ni lưu. Qui chế sinh hoạt ni chúng, Ban Quản trị ni bộ Nam Việt được thành lập. Tổ chức huấn luyện cán bộ Trụ Trì, soạn thảo khóa trình huấn luyện, tổ chức hướng dẫn đào tạo giảng viên, thành lập Giáo hội Tăng già các tỉnh, tổ chức Ban Hoằng pháp, bổ nhiệm, tiến cử Trụ trì các chùa theo nhu cầu của từng địa phương, công cử cán bộ giảng viên đi diễn giảng các nơi.

Kể từ năm 1958 sinh hoạt Phật giáo miền nam đã thay đổi, phát triển khả dĩ. Từ đường hướng giáo dục, tổ chức, hoằng pháp, từ thiện, xã hội

v.v.v., đáp ứng xứng hợp trong quảng đại quần chúng; địa vị Phật giáo trong xã hội lúc bấy giờ có cái nhìn khác hẳn của thời gian trước đó.

Kết quả có được như ngày hôm nay, khách quan, công tâm mà nói, là nhờ sự hy sinh, khéo léo của Đức Tông trưởng, Ngài là nhà kiến trúc chính yếu thiết thực, góp phần cùng chư tôn túc đã xây dựng.

Có thể nói đây chính là yếu tố căn bản của nền thống nhất Phật giáo, của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, của các tổ chức Phật giáo Việt nam nói chung.

Cuối năm 1963 và đầu năm 1964 đại hội thống nhất Phật giáo khai diễn, Đức Tông trưởng với tư cách Thơ ký của phái đoàn Giáo hội Tăng già Nam Việt, tham dự đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt nam thống nhất và được thỉnh cử đảm nhiệm Vụ trưởng Nghi lễ vụ đồng thời đảm nhiệm Chánh đại diện GHPGVNTN miền Huệ Quang (miền tây nam phần-vùng 4 chiến thuật Việt nam Cộng hòa).

Trong các đơn vị GHPGVNTN thuộc cấp miền, đơn vị miền Huệ Quang có nhiều sắc dân, nhiều giáo phái và sơn môn; đặc biệt là Phật giáo Theravada người Việt gốc Cambốt đã hiện hữu lâu đời. Số dân cư, Phật tử đông đảo, chư tăng và tự viện sinh hoạt rất nề nếp theo truyền thống từ ngàn xưa. Phật giáo Theravada là một đại bộ phận của nền thống nhất Phật giáo Việt nam, của Giáo Hội PGVNTN. Tuy nhiên muốn kết hợp quả thật không đơn giản, bởi lẽ ngôn ngữ bất đồng, tư tưởng, quan niệm... khác biệt. Nhờ sáng kiến và sự khéo léo tổ chức của Đức Tông trưởng nên hệ thống tổ chức Giáo hội các tỉnh thuộc miền Huệ Quang đều được thành tựu viên mãn.

Qua đề nghị và thành lập phái đoàn Phật giáo Nam tông (Theravada) và Phật giáo Bắc tông đại diện Viện Hóa Đạo GHPGVNTN của Đức Tông trưởng, đến mỗi tỉnh thăm viếng, thuyết trình hướng dẫn Hiến chương, qui chế đường lối sinh hoạt GHPGVNTN, đồng thời thiết lập giáo quyền, tổ chức GHPGVNTN cấp tỉnh. Đức Tông trưởng với tư cách Trưởng phái

đoàn Phật giáo Bắc tông hướng dẫn đoàn, kết hợp với phái đoàn Phật giáo Nam tông Theravada do Ngài Trưởng lão Lâm Em làm Trưởng phái đoàn đi đến các tỉnh có đồng bào và tăng sĩ người Việt gốc Cambốt thăm viếng, thuyết trình hướng dẫn và thành lập GHPGVNTN sở tại.

Suốt mấy tháng liền, sinh hoạt không ngừng, trong mùa hè 1964, mười sáu tỉnh miền Huệ Quang - miền tây nam phần, mỗi tỉnh đều thành lập Ban đại diện, tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt nam thống nhất thật tốt đẹp.

Giáo hội tỉnh An giang do Đức Tông trưởng kiêm nhiệm Chánh đại diện, là đơn vị tiêu biểu về mọi phương diện, tổ chức, cơ sở, nhân sự..., là đơn vị Giáo hội PGVNTN cấp tỉnh được chú trọng trong Ban chỉ đạo - Hội đồng Viện Hóa Đạo viếng thăm đầu tiên vào mùa hè năm 1964, kể từ khi GHPGVNTN vừa thành lập.

Mặc dù đa đoan phật sự trong Giáo hội nhưng Đức Tông trưởng luôn luôn mang niềm hy vọng xây dựng tòa nhà bốn môn mà Ngài được đặc độ truyền thừa - đó là Thiên Thai Giáo Quán Tông. Trên thực tế Thiên Thai Giáo Quán được truyền thừa tại Việt nam đã lâu, nhưng về mặt luật pháp thì chưa có tư cách pháp nhân. Do đó, Đức Tông Trưởng muốn xây dựng Tông phái có đủ cả phương diện hiện thực và pháp lý, pháp nhân. Vào giữa thập niên 1960 Ngài đề xướng với chú tôn túc trong tông phái chung sức chung lòng hệ thống hóa các tự viện, tăng ni, phật tử chính thức xin phép thành lập Tông phái. Nhờ vậy vào đầu thập niên 1970 Tông phái Thiên Thai được phép hoạt động khắp nơi trên toàn quốc Việt nam với danh xưng - Phật Giáo Việt Nam Thiên Thai Giáo Quán Tông, giờ đây tông phái có đủ pháp nhân, pháp lý, phát triển trong nhiều lãnh vực, đem lại niềm vinh hạnh cho tăng ni phật tử bốn môn.

Qua thời gian dài sinh hoạt trong tổ chức, các phật học đường, Tổ đình, Tông phái, Giáo hội, đặc biệt Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất từ cấp cơ sở đến cấp trung ương, đảm nhiệm ngôi vị Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng

sự Đức Tông trưởng không lúc nào ngừng nghỉ, chu toàn công việc một cách tốt đẹp, thật khả dĩ.

Cùng trải qua bao nổi thăng trầm, vinh nhục của kiếp non sanh, của dân tộc, của đạo pháp, sau những ngày tháng cơ cực trên bước đường ly hương tỵ nạn, Đức Tông trưởng được định cư nơi xứ Úc Đại Lợi này, được sự giúp đỡ, bảo trợ của chánh phủ và quốc dân trên phần đất tự do, Đức Tông Trưởng nỗ lực **vận** dụng kiến tạo ngôi nhà Phật pháp, mở mang con đường giác ngộ, thực hiện công tác từ thiện, an sinh xã hội, văn hóa giáo dục, bảo tồn tiếng mẹ Việt nam. Trong vòng mười năm kể từ 1980 đến 1990 Phật giáo Việt nam ở vào hàng thứ ba trong các tôn giáo trên quốc gia Úc Đại Lợi. Không những trên đất Úc châu nơi quê hương thứ hai Đức Tông trưởng đóng góp xây dựng một cách đáng kể, mà Ngài còn chia sẻ với đồng bào đồng hương trong các trại định cư, tỵ nạn trên các quốc gia có các trại tiếp cư tỵ nạn, Ngài đích thân hướng dẫn phái đoàn đến tận nơi thăm viếng. Như các trại ở các nước Mã lai, Nam dương, Thái lan, Hồng Kông và tại quê hương Việt nam, những phần quà, những viên thuốc, những xuất mồ mắt v.v.. tuy khiêm nhường hay đa thiếu, tượng trưng tấm lòng, nhưng rất đáng nhớ, an ủi được ít nhiều quý bà con, những người ở trong hoàn cảnh cần được sự an ủi.

Nhìn lại những công trình xây dựng, phục vụ, những đóng góp, sự phát triển, phát huy đạo nghiệp, công hiến tha nhân của Đức Tông trưởng ở quê hương Việt nam và những nơi khác. Những tổ chức Phật giáo địa phương như Hoa kỳ, Tân tây lan, Tân đảo. Nhìn những ngôi phạm vũ Quang Minh đại tự ở thành phố Braybrook, Victoria, Tổ Đình Phước Huệ thành phố Wetherill park, NSW, Đại tông lâm Phật giáo Sydney và các cơ sở khác cũng như đường hướng sinh hoạt Phật giáo Việt nam trên quốc gia Úc Đại Lợi này của Đức Tông trưởng; đồng thời sự gia tâm và tặng dữ huân chương cao quý của chánh phủ, tình cảm, lòng ngưỡng mộ của quý phật tử, đồng hương đối với Đức Tông trưởng là tấm gương chiếu sáng rực rỡ cho hàng hậu học chúng con.

Một đời Đức Tông trưởng sống với chí nguyện

“Hoàng pháp thị gia vụ - Trí tuệ vi sự nghiệp”
- Lấy việc mở rộng Phật pháp làm việc nhà -
Vận dụng trí huệ làm lợi ích cho đời, thật là
cao cả.

Đức Tông trưởng hóa duyên đã mãn, thuận
theo lẽ vô thường tùy duyên xả bỏ báo thân,
nhưng sự nghiệp trí tuệ, hạnh giải công đức
của Ngài mãi mãi tồn tại.

Chúng con thành kính tưởng niệm công đức và
hạnh nguyện xuất trần đại sĩ của Đức Tông
trưởng, luôn luôn khắc ghi lời giáo huấn từ ái
khiêm cung của đáng nghiêm từ.

*Hình bóng tôn sư nay đã khuất,
Huệ mạng tồn tại nơi thế gian,
Như giọt nước trong xuôi dòng chảy,
Ánh đạo ngàn năm tỏ rạng ngời.*

Thành quả trác việt mà Đức Tông trưởng gặt
hái như đã thấy - phải bằng vào Tâm đức, Trí
thức, Năng lực - phải bằng vào Thâm tín, Chí
nguyện, Lực hành - và phải bằng vào sự Minh
triết, Khiêm cung, Thí xả. Đó là những pháp
hạnh, những đức lý, những yếu tố cần có của
hành giả đại thừa mà Đức Tông trưởng có
được. Đây chính là duyên nhơn Phật tánh thù
thắng mà Đức Tông trưởng đã gieo kết trong

quá khứ cũng như hiện tại nên sự thành tựu
công hạnh tự lợi, lợi tha thật vẻ vang, rực rỡ,
thật đáng kính. Ngài là bậc Pháp điền long
trượng, là bậc Hiền giả Vạn hạnh viên tu - công
viên quả mãn.

Hôm nay chúng con thay mặt toàn thể tăng ni
phật tử khắp các nơi và pháp chúng Phước
Huệ Sơn Môn Học Phái trân kính đốt nén
hương thành cung tiễn Đức Tông trưởng đăng
vân lộ về báo sở liên hương, thành kính cầu
nguyện Đức Tông trưởng cửu phẩm cao cư,
hồi nhập Ta bà rộng độ chúng hữu duyên và
hướng dẫn chúng con trên đường đạo hạnh.

Ngưỡng mong Đức Tông Trưởng thù từ
chúng giám.

Nam mô Thiên Thai Giáo Quán Tông Phước
Huệ Sơn môn học phái Tông trưởng đại bảo vị
thượng Phước hạ Huệ Thượng nhơn Trưởng
lão Hòa thượng đại sư liên tọa tiền tác đại
chứng minh.

Hòa Thượng Thích Phước Bản



Trăng mờ treo đầu núi
Giòng suối lạnh qua khe
Đôi bờ chim vỗ cánh
Ra đi một chuyến về

Phước Huệ còn đây vắng bóng Thầy
Vắng người trưởng tử của Như Lai
Dung nghi khuất bóng nơi trần thế
Pháp quyến môn đồ luống ngậm ngùi.

Khuất bóng Bản Sư trời giá lạnh
Vắng lời giáo huấn gió điu hiu
Phước Huệ Tông môn lòng se thắt
Phật tử muôn phương lệ thấm đều.

Hôm nay nhìn lại Thầy trong ảnh
Sao nhớ Tổ đình quá đi thời
Chân dung Thầy vẽ từ bi ấy
Giới đức tịnh nghiêm để lại đời.

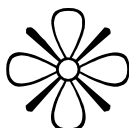
Tin viên tịch tỏa khắp muôn nơi
Ai nấy hướng Tổ đình Phước Huệ
Chuông Tổ đình sào ngân vĩnh biệt
Bao con tìm nước nở bên người.

Hoài

Niêm

Ân

Số



Thầy nhập thế hành Bồ tát đạo
Thuyền từ trầm lặng bến sông mê
Nắng mưa sóng cả không dừng mái
Quyết chí ngày đêm vẹn nguyện thề.

Nhân thế khen chê tâm vẫn lặng
Một lòng diu dặt lớp người sau
Tắm gương đạo hạnh sao khôn sánh
Đức độ không bờ kiếp khổ đau.

Hạnh nguyện trăng tròn trả nợ xong
Mím cười Bát nhã cánh buồm dong
Đông, Tây, Nam, Bắc dâng hương nguyện
Thượng phẩm sen hồng tỏa ngát hương.

Con thuyền tách bến sông sâu
Trăng mờ nhỏ lệ bến cầu ngăn ngõ
Môn đồ nhớ bóng thuyền đi
Đêm ngày thao thức đôi mi ngán hồng.

Kính lạy Giác linh Hòa Thượng Bản Sư
Con Tỳ Kheo Thích Phước Hội
Ngày 01 tháng 02 năm 2012

Gioit Mõa Muøa Hai



Sanh, già, bệnh, chết, là một quy trình luật định không ai tránh khỏi. Tuy nhiên, tùy theo trình độ nhận thức của mỗi người mà những sự việc xảy ra có khác. Đời người ai rồi cũng phải một lần vĩnh viễn ra đi. Nhưng hướng đi của mỗi người có khác. Những hướng đi đó tùy nghiệp nhân của mỗi người gây tạo mà chiêu cảm hướng đến khác nhau. Nhân thế nào thì quả thế đó. Nhân quả báo ứng, như vang theo tiếng, như ảnh tùy hình. Nghiệp nhân gây tạo của chúng ta trong hiện tại sẽ quyết định cho hướng tương lai. Tương lai đó có thể tốt hơn hiện tại hoặc là xấu hơn. Tùy nghiệp nhân gây tạo tốt, xấu mà kết quả môi trường tái sinh có tốt, xấu. Cái chết đối với con người là một điều quan trọng mà ai cũng phải nghĩ đến. Dù người ta không biết trạng thái trong khi chết ra sao. Nhưng nghĩ đến cái chết ít nhiều gì, cũng đều gây cho người ta nhiều nỗi băn khoăn lo âu sợ hãi. Cái lo nhứt là không biết sau khi chết mình sẽ thác sanh đi đâu và ở cảnh giới nào? Trong gia đình mất đi một người thân người ta rất đau khổ. Buồn khóc như mưa. Khác nào như đang cơn nắng hạ, trời quang mây tạnh, bỗng nổi cơn giông gió bão bùng mây đen vần vũ kéo đến rồi cơn mưa đổ trút xuống. Đó là hiện trạng của cuộc đời, có người đang sống yên vui bỗng cái chết bất ngờ xảy đến. Trong đời ít nhiều gì chúng ta cũng đã từng chứng kiến những khổ cảnh sinh ly tử biệt. Ân ái biệt ly, đó là một trong những nỗi thống khổ lớn của kiếp nhân sinh. Dù người ta vẫn biết cõi đời là phù du tạm bợ, là nơi quán trọ dừng chân. Đời là vô thường, có có, không không, không có gì tồn tại lâu dài. Biết vậy, nhưng người ta cũng vẫn nơm nớp lo sợ cơn vô thường xảy đến.

Không phải chỉ có người đời mới sợ chết, mà ngay cả những người tu hành biết chút ít đạo

lý vô thường Phật dạy, nhưng khi đau yếu bệnh hoạn hoặc là lúc đang cận kề với tử thần, thì người ta cũng vẫn đâm ra hoang mang lo âu sợ hãi. Chỉ trừ phi những bậc chân tu đạo hạnh cao thâm, coi vạn pháp giai không, sanh tử như trò đùa, khác nào như hoa đóm lãng xăng chợt có chợt không, thì mới không sợ hãi. Đó là những bậc đạo cao xuất cách coi sanh tử như trò đùa huyền mộng, sống tự tại mà chết cũng tự tại an vui. Thấu hiểu được lẽ sanh tử thường nhiên, nên các Ngài bình thản ra đi không một chút luyến tiếc.

Đọc sách thiền ta thấy có những vị Thiền sư ngộ đạo, các Ngài ra đi một cách tự do, muốn sống thì sống, muốn chết thì chết. Bởi các Ngài đã làm chủ được hơi thở, muốn thở hay muốn ngừng lúc nào cũng được. Hiện tượng này, ta thấy rất nhiều sách sử ghi lại. Ngoài ra, đối với chúng ta sự tu hành còn non kém chưa có thâm hậu, sức huân tu đạo lực chưa có tới đâu, dĩ nhiên, ai trong chúng ta mà không rung động sợ hãi trước cái chết?! Bất cứ một sự ra đi nào cũng để lại cho người thân một mất mát lớn lao. Trong gia đình, nếu cha hoặc mẹ mất đi, thì đó là điều bất hạnh rất lớn cho con cái. Hòa Thượng Nhất Hạnh có nói, ngày mà thân mẫu của Hòa Thượng mất, Hòa Thượng ghi một câu ngắn gọn vào trong quyển nhật ký: "*Đời tôi đã mất tất cả*". Thật vậy, mất mẹ là mất đi tất cả tình thương. Mất đi một cái gì to lớn, mà cả cuộc đời này không bao giờ ta tìm lại được.

Đối với trong đạo pháp, Thầy Tổ mất đi, đó là niềm bất hạnh cho người đệ tử. Dù cho chúng ta có trưởng thành đến đâu, chúng ta cũng vẫn cảm thấy như bị hụt hẫng lạc lõng bơ vơ, mất

đi một cái gì quý giá quá lớn lao trong cuộc đời. Đọc Kinh Đại Bát Niết Bàn, trong đó diễn tả những nỗi đau thương của các hàng đệ tử, khi các Ngài nhận được tin đức Thế Tôn sắp vào Niết bàn. Có người khóc lóc nức nở, tiếng động trời đất, nước mắt như mưa. Đau phải chỉ có những vị Ưu bà tắc hay Ưu bà di mới khóc la thảm thiết, mà ngay cả những vị Tỳ kheo lớn, như trong Kinh diễn tả: "*Các Ngài đều là những bậc vô lậu A la hán, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, rời các phiền não, điều phục các căn, có oai đức lớn, thành tựu không huệ, đã khỏi sanh tử, tất cả đều là chơn Phật tử*". Thế mà khi các Ngài biết được Phật sắp nhập diệt, toàn thân của các Ngài run lên, hai mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ. Cái khóc của các Ngài có thể khác hơn chúng ta. Có thể các Ngài khóc vì thương tưởng đến chúng sanh không được Phật tiếp tục trụ thế để cứu độ họ. Các Ngài tự than: "Phật nhập diệt thì cả thế gian này trống rỗng!" Mất đi một bậc Thầy vĩ đại, đức hạnh cao siêu, không còn chỗ để tựa nương. Đó là cái khóc vì người không phải vì mình. Bởi các Ngài không còn phiền não, nên việc bi lụy khóc than như người đời trần tục chắc chắn là không có. Còn chúng ta có thể nói, khóc vì mình hơn là vì người. Vì mất đi một người mà mình thương nhớ, thì mình cảm thấy bơ vơ lạc lõng. Nếu còn người đó bảo bọc che chở lo lắng cho mình, thì mình cảm thấy an vui và tất nhiên sẽ không có cô đơn khổ sở. Nhưng dù khóc vì người hay vì mình cũng là một sự mất mát lớn lao, không sao bù đắp lại cái khoảng trống quá lớn đó.

Nói thế, để thấy rằng sự ra đi của Hòa Thượng Tông Trưởng Tổ Đình Phước Huệ là một mất mát lớn lao không những cho các hàng đệ tử trong Tông Môn mà còn cho tất cả mọi người. Dù vẫn biết ngũ uẩn giai không, pháp thân bất sanh bất diệt. Hay "*hữu sanh hữu tử hữu luân hồi, vô sanh vô tử vô khứ lai, sanh tử khứ lai đô thị mộng...*" Vâng! tất cả đều là mộng. Nhưng ngặt vì chúng ta chưa thoát khỏi con mộng, nên việc sống chết đâu có thể được coi là an nhiên tự tại! Người học Phật nào ít nhiều gì cũng hiểu đời là ảo mộng, kiếp phù sanh tụ tán mây lam hồi, nhưng trước sự ra đi của một bậc Thầy đạo cao đức trọng, trọn đời chỉ biết hy sinh phụng sự cho đạo pháp và dân tộc, tâm

nguyện thì lúc nào cũng nghĩ đến tha nhân, tiếp dẫn hậu lai, phò trì mật vận. Ngài đã dày công giáo huấn, hun đúc nuôi lớn pháp thân huệ mạng cho các hàng đệ tử xuất gia, một ân đức sánh tợ non cao bề cả thử hỏi làm sao không buồn đau cho được?!!!

Ân Thầy sánh tợ bằng non

Đức Thầy cao lớn vuông tròn ngoài trong.

*"Chim non sao sớm buồn xa mẹ
Muôn dặm từ nay ai dẫn đầu?"*

*Nắng hạ mưa rơi khóc tiễn Thầy
Đường về Cực Lạc đã đắp xây
Bao năm độ chúng không mòn mỏi
Xây dựng tông lâm một áng mây*

*Nắng hạ mưa rơi nhớ đến Thầy
Trọn đời vì đạo quyết đắp xây
Khổ cực gian lao Thầy chẳng quản
Pháp lợi chúng sanh quyết chẳng nản
Nắng hạ mưa rơi nhớ đến Thầy
Độc hành độc bộ vững như cây
Bão táp phong ba Người vững lái
Con thuyền đạo pháp vượt sông lay*

*Nắng hạ mưa rơi nhớ đến Thầy
Nhấn nại âm thầm mặc gió lay
Tuyết phủ sương rơi nào sá kể
Tinh sư nghĩa đệ vẫn đông đầy.*

*Nắng hạ mưa rơi nhớ đến Thầy
Lời Thầy di chúc vẫn còn đây
Lãng Nghiêm trì niệm không xao lãng
Chánh pháp an hòa nhớ đắp xây.*

Nhớ lại, khi hay tin Hòa Thượng không may bị trượt té trong nhà tắm và rồi sau đó được chở vào bệnh viện để điều trị. Tất cả đệ tử trong Tông Môn ai nấy cũng đều quan tâm lo lắng cho sức khỏe của Hòa Thượng. Nhất là đối với các vị đã được Hòa Thượng giao phó trách nhiệm. Lúc đầu, ai cũng nghĩ, Hòa Thượng sẽ không đến đời trầm trọng lắm. Dù biết rằng, Hòa Thượng đã trọng tuổi, ở vào cái tuổi chín mươi, tất nhiên sức khỏe rất kém. Hơn thế nữa, Hòa Thượng cũng đã có bệnh sẵn. Tuy nhiên, dù mọi người có tỏ vẻ lo lắng, nhưng ai cũng tin rằng, Hòa Thượng sẽ điều dưỡng chỉ một thời gian ngắn rồi sẽ hết. Đó là niềm tin tưởng

ở nơi các đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài. Khi nhận được tin, chúng tôi có vào bệnh viện thăm Hòa Thượng. Tuy thấy sức khỏe của Ngài có phần hơi sút kém, nhưng tinh thần của Ngài thì vẫn còn rất minh mẫn sáng suốt, không lẫn lộn một điều gì. Ngài nhớ mọi việc rất rõ. Hòa Thượng còn bảo chúng tôi ráng lo hướng dẫn cho khóa tu. Đó là khóa tu xuất gia ngắn hạn. Lần sau cùng, khi chúng tôi đến thăm để xin phép tạm biệt Hòa Thượng trở về Melbourne, chúng tôi thấy sắc diện của Ngài rất tươi tỉnh, không lộ chút gì có triệu chứng ra đi cả. Nhưng... than ôi! vô thường không ai có thể biết trước được. Sớm còn, tối mất, đó là chuyện thường tình của thế nhân. Song có điều đối với những bậc tu hành đức hạnh cao thâm, duyên trần đã mãn, thì đối với các Ngài:

*Thành thời xả bỏ báo thân
Trở về cõi Phật an thần định tâm
Cõi trần tạm sống bao năm
Ra đi nhẹ gánh thặng đàng về quê.*

*"Trần duyên nay đã dứt
Từ già cõi vô minh
Sáng soi đèn trí tuệ
Bờ giác ngộ đang trình".*

Được biết, Hòa Thượng đã an nhiên viên tịch trong bệnh viện giữa tiếng niệm Phật âm thanh vang dội của mọi người.

Điều bất hạnh cho tôi là lúc Hòa Thượng ra đi, tôi không có mặt ở Úc. Vì có việc cần giải quyết gấp, nên tôi phải về Việt Nam. Một điều không may nữa là tôi bị tai nạn vào ngày mùng hai Tết. Cho nên bốn ngày sau, khi nhận được tin thầy Phước Viên cho hay là Hòa Thượng đã viên tịch, thì lúc đó xương sống của tôi rất đau nhức nên không thể về được. Tôi có viết lá thư trình bày bệnh trạng của tôi gửi cho quý Thầy, quý huynh đệ trong Tông Môn được biết. Viết lên điều này, để thấy rằng tình Thầy trò, lúc sống thì lại thường gần gũi chuyện trò bàn bạc thân thiết với nhau, nhưng đến giây phút cuối cùng của cuộc đời thì lại thiếu nhân duyên không gặp mặt nhau!

Sau khi trở lại Úc, gần đến ngày chung thất, dù cơn đau nhức của tôi cũng chưa hoàn toàn hết hẳn, nhưng tôi nhờ Thầy Phước Viên đặt vé máy bay giùm và tôi lên Phước Huệ trước đó

một ngày. Nghe nói, ngày làm lễ đưa kim quan Hòa Thượng lên Đại Tông Lâm Phật Giáo, ngày đó mưa rơi tầm tã. Kim quan nhục thân của Hòa Thượng được an trí trên một khu đất rộng rãi ở Đại Tông Lâm. Được biết, nhục thân của Ngài chỉ an trí tạm nơi đây, sau khi xây bảo tháp xong sẽ đưa vào trong bảo tháp. Đúng ngày làm lễ cúng tuần chung thất (17/3/2012) cho Hòa Thượng, nơi an trí tạm, trời lại đổ mưa lâm râm. Đó là những giọt mưa của đất trời hòa tan vào những giọt mưa của lòng người. Những giọt nước mắt nào tuôn rơi khi hay tin Thầy về cõi Phật. Những giọt nước mắt chung tình trong niềm đau trọn vẹn nào đã len lén khóc thầm trong đêm vắng trời khuya! Đó là những "giọt mưa mùa hạ" của những người con tinh thần của Hòa Thượng.

Than ôi! Kể từ nay:
*Tông Lâm, Phước Huệ vắng Thầy
Mây sâu che lối trăng đầy khuyết hao
Lời Thầy giáo huấn ngọt ngào
Âm vang còn đó biết bao nhiêu tình
Phù du trong kiếp nhơn sinh
Dung nghi đức độ an bình Thầy trao
Đất bằng sóng dậy ba đào
Vô thường chia cắt buồn đau khôn cùng!*

*Núi cao biển rộng đức Thầy
Tâm từ độ chúng nơi này xứ kia
Bắc Nam chẳng ngại phân chia
Vạn duyên Phật sự chẳng lìa bản tâm
On Thầy gầy dựng bao năm
Xây chùa, độ chúng tông lâm vững vàng
Oai nghi đi đứng nghiêm trang
Gương soi đệ tử muôn vàn nhớ thương.
Thành kính dâng lên Thầy, bằng tất cả tâm
lòng hoài vọng:*

*Khép kín tâm tư một cõi lòng
Thầy về cảnh Phật bước thong dong
Gương xưa Thầy dạy luôn vâng giữ
Sư đệ nguyện tròn một ước mong.*

Thích Phước Thái

*Kỷ niệm ngày tuần chung thất của Hòa
Thượng tại Đại Tông Lâm Phật Giáo.
17/3/2012*





Hoài Niệm Ân Sư



Phi trường Bangkok, 17g00 thứ bảy,
ngày 28.01.2012

Kính lạy Ân Sư! Con kính lạy muôn vạn triệu
lạy Ân Sư!!

Người đã tái tạo cuộc đời Con từ đời cho đến
Đạo.

Người đã cho Con Pháp Thân Huệ Mạng.

Người đã giáo dục Con bằng thân giáo, thể
hiện qua một đời phụng sự chúng sanh, cúng
dường chư Phật.

Kính lạy Thầy! Pháp Thân Thầy giờ đang hiển
hiện trên tòa Thượng Phẩm Lạc Bang, trụ một
bên báo thân Từ Phụ Di Đà cùng Thánh Chúng
Liên Trì hải hội.

Con thì đang lơ lửng giữa những tầng mây
bồng bênh, để kịp về một lần cuối cùng chiêm
ngưỡng báo thân tứ đại của Thầy.

Kính lạy Thầy! Dẫu biết rằng thế gian là vô
thường, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã....
Nhưng lòng Con không khỏi ngậm ngùi xót
xa và không ngăn được dòng nước mắt chảy
dài giữa dòng người xuôi ngược của những phi
trường chờ đợi.

Vừa tới phi trường Helsinki - Phần Lan từ phi
trường Oslo - Na Uy để chuyển chuyến bay
sang Bangkok và từ Bangkok sang Sydney.
Con liền mở mobile để liên lạc về Sydney để
biết tình hình của Thầy. Thì nhận được tin
Thầy đã an nhiên thị tịch vào lúc 5g38' sáng
ngày 28.01.2012 (nhằm ngày mùng 06 tháng
Giêng năm Nhâm Thìn). Lúc bấy giờ, bước
chân Con như có vật gì đeo nặng, khiến đôi
chân lê lê nặng nề và lòng chùn xuống, bao
nhiều ý nghĩ chợt lóe lên rồi mất hút. Cứ thế
mà ý niệm sanh diệt thay nhau xuất hiện rồi
mất hút trong tâm thức của Con. Cổ họng Con
như ngậm viên thuốc đắng.. Con ước gì có đôi
cánh bay được, để sớm đến xứ Úc, thành phố
Sydney để được quỳ bên thân xác của Thầy.

Con không còn suy nghĩ được gì.. Khi chuyển

bay Helsinki - Bangkok cất cánh, Con muốn
niệm Thần Chú Vãng Sanh cho yên lòng và
cũng để nguyện cầu Thầy gia hộ cho Con đến
nơi được bình an để dành lễ báo thân Thầy lần
cuối. Nhưng, kính bạch Giác Linh Thầy! Con
niệm hoài mà không được. Cái Thần Chú dễ
nhất, mà con Phật Việt Nam ai cũng thuộc
lòng. Thế mà lúc này Con niệm hoài không ra
và cứ lòng vòng mãi mãi thôi cái câu: Nam mô
A Di Đà Bà Già, Đa Tha Già Đa Dạ, A Ra Ha
Đế Tam Miệu Tam Bồ Đà Da.... Câu đó mà
Con cứ tụng hoài không ra thần chú Vãng
Sanh. Mặc dầu Con đã cố gắng hết sức để nhớ,
nhưng suốt cả một đêm trên chuyến bay dài 14
tiếng đồng hồ, Con không tài nào niệm ra được
thần Chú Vãng Sanh... Con tự hỏi tại sao vậy?
Tại sao tâm thức Con tẻ mạt quá vậy?? Giờ
phút quan trọng, thì niệm không ra được một
thần chú thật đơn giản. Kính lạy Giác Linh
Thầy từ bi tha thứ cho một đệ tử hư đốn, mà
Thầy đã đặt nhiều kỳ vọng vào Con. Con đã
phụ lòng Thầy hơn 20 năm, cho đến những
ngày cuối đời của Thầy, mà Con đây vẫn còn
phụ lòng Thầy. Để trước khi giờ phút lâm
chung của Thầy, Con vẫn không có mặt, để
cùng các huynh đệ niệm Phật tiễn đưa Thầy về
với Từ Phụ Di Đà.

Kính bạch Thầy! Từ bi tha thứ cho Con. Con
biết Thầy rất từ bi với các đệ tử. Thầy đã coi
hàng đệ tử như con ruột của Thầy. Mặc dù
Thầy không biểu lộ tình cảm thiêng liêng ra
bên ngoài. Nhưng Con biết bên trong Thầy lúc
nào cũng sung sướng và hãnh diện có những
đệ tử đã trưởng thành trong cửa Đạo.

Cách đây 4 tuần, Con đã qua thăm Thầy 3
tuần. Hình ảnh ghi đậm khắc sâu trong lòng
Con. Đó là khi Con vừa vào quỳ dưới chân
Thầy, Thầy đã khó khăn lắm mới nhắc cánh
tay gầy guộc của Thầy ra khỏi tấm chăn, rồi
thoa đầu Con, Thầy nói với tất cả bằng một

giọng điệu yêu thương của cha lành đối với con thơ rằng: Thầy tưởng Thầy không còn gặp mặt Con nữa rồi chứ ! Kính lạy Giác Linh Thầy, lúc ấy Con muốn khóc òa lên rồi, nhưng Con đã nén lại những dòng nước mắt, không cho phép chảy ra. Mà lúc ấy con chỉ nhoen miệng cười một cách khó khăn và con cũng không dám mở miệng nói một lời nào. Vì Con e sợ rằng lúc ấy Con không ngăn được dòng nước mắt với âm thanh nghẹn ngào trong cổ họng. Kính lạy Thầy! Lúc này Con thật hối hận, tại sao lúc ấy Con không khóc cho thỏa lòng như đứa con thơ bên cạnh cha lành. Để rồi bây giờ vĩnh viễn không bao giờ được khóc bên Thầy nữa!!! Dẫu biết rằng, khóc là một trạng thái yếu đuối, mà người đời thường cho rằng là của nhi nữ thường tình. Với con đường Thánh thì cho rằng là ách nhiễm... Nhưng kính bạch Thầy! Tình cảm thiêng liêng của thầy trò, cha con..., còn trong vòng tử sinh, thì làm sao tránh khỏi sự ách nhiễm của cõi Dục. Cho nên Con mặc tình cho dòng nước mắt chảy với tất cả sự nghẹn ngào ray rứt cả cõi lòng tan nát... Con nghẹn ngào, vì con biết từ nay Con sẽ không còn nghe âm thanh nhẹ nhàng trong suốt của Thầy nữa!

Con nghẹn ngào, vì từ đây còn đâu nữa những lời dạy bảo ngăn ngừa, mỗi khi Con điện thoại qua thăm Thầy!

Con nghẹn ngào, vì từ đây Con không còn được nghe những lời thăm hỏi thật dễ thương đáng kính của Thầy!

Con ray rứt, vì từ đây Con không còn diễm phúc được đánh lễ và quỳ dưới chân Thầy để hỏi han việc này việc khác!

Con ray rứt, vì từ đây Con không được xoa bóp đôi chân già yếu và bàn tay mềm mại ngồi bết của Thầy!

Con ray rứt, vì từ đây Con không còn cái hạnh phúc đứng sau lưng Thầy và được Thầy dạy: An Chí! Con xướng lễ Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cho đại chúng lạy!

Con ray rứt, vì từ đây Con không còn cơ hội ngàn vàng theo Thầy dự Lễ đó đây các đạo tràng do công lao Thầy xây dựng!

Con ray rứt, vì từ đây Con không còn được Thầy dạy bảo lên thuyết pháp cho đại chúng!

Và Con ray rứt rất nhiều trong tâm khảm, vì Con là đứa đệ tử bất hiếu và phụ lòng Thầy nhất! Con đã không nghe lời Thầy dạy bảo, nhận lãnh những Phật sự mà Thầy giao phó! Nỗi khổ niềm đau của Con nhất là không bao giờ được ở gần Thầy. Từ thuở mới xuất gia tại quê nhà, cho đến khi ra tới hải ngoại, cũng không được ở bên Thầy để hầu hạ Thầy! Cuộc đời Con vĩnh viễn xa Thầy thật rồi! Nỗi khổ đau này chỉ có một mình Thầy thấu hiểu được lòng Con mà thôi!

Kính lạy Thầy! Tuy Con bạc phước ở xa Thầy, nhưng mỗi ngày Con đều hướng vọng về Thầy chân thành đánh lễ Bốn Sư gia hộ cho Con được thành tựu đạo nghiệp! Mỗi một việc làm lý tưởng của người Trưởng Tử Như Lai, Con đều nghĩ về Thầy và cầu xin Thầy gia trì nhiếp thọ Con!

Cuộc đời Thầy là tấm gương sáng chói cho Con nương theo để làm tròn bổn phận của Trưởng Tử Như Lai, là làm việc không biết mệt mỏi. Thật vậy, Thầy đã không ngừng làm Phật sự cho đến giờ phút lâm chung của cuộc đời!

Kính lạy Thầy! Con xin chân thành sám hối với Thầy cả một đời của Con đã và còn lại về sau.

Kính bạch Thầy còn nhớ cách đây 21 năm về trước. Lúc ấy Con đang ở trại tị nạn đảo Galang – Indonesia. Trước khi rời đảo, đi định cư nước Nauy, Con đã thức trắng một đêm, để viết một bức tâm thư dài nhiều trang giấy học trò, viết tới đâu nước mắt Con đã chảy dài và thấm qua nhiều trang giấy, mắt Con lệ nhòa, khiến chữ viết không còn ngay thẳng. Con đã viết vượt ra ngoài ngữ nghĩa văn chương, chỉ còn lại tâm niệm ray rứt hối hận của Con mà thôi. Nghĩ đến đâu Con viết đến đó! Và Con nhớ không lầm, là đã viết 10 trang giấy học trò hai mặt. Đến bây giờ, Con cũng không nhớ Con đã viết gì và chỉ biết viết mà thôi! Một điều duy nhất, Con nhớ được là Tâm Niệm Sám Hối với Thầy, vì Con không định cư xứ Úc Châu. Con đã phụ lòng Thầy làm giấy tờ bảo lãnh Con từ bên đảo. Con khóc vì ân hận, vì ray rứt, vì không được sống bên Thầy để hầu hạ, ngõ hầu đền đáp ân Thầy trong muôn một. Không ai hiểu được nỗi lòng của Con lúc bấy giờ.

Rồi Con cứ nghĩ rằng: Sau khi sang đến Na Uy ổn định rồi, Con sẽ di cư sang Úc châu. Con còn nhớ lúc ấy, Con vừa qua tới Na Uy được ba ngày sau, là nhận được điện thoại của Thầy từ Úc Châu gọi sang và bảo Con lên văn phòng bộ Di Trú Úc trình diện là Con sẽ đi định cư bên Úc Châu liền, vì giấy tờ bảo lãnh đã hoàn tất từ lâu... Con đã dạ vâng rằng Con sẽ lên gặp Bộ Di Trú Úc tại Na Uy. Nhưng rồi chính Con không hiểu, ngày tháng dần trôi, hết năm này sang năm khác, để đến bây giờ Con cũng chưa biết văn phòng Di Trú Úc tọa lạc tại đâu, trên thủ đô Oslo – Na Uy. Lần nào điện thoại thăm Thầy, là Thầy hỏi Con lên gặp Bộ Di Trú Úc chưa? Và Con cứ hẹn lần hẹn mãi. Và trải qua 20 năm rồi, mà Con vẫn còn xa Thầy. Và bây giờ vĩnh viễn xa hẳn luôn rồi!!!

Con cảm nhận được rằng: Thầy đã giận Con và đã quên lãng về Con, đũa đẽ tử không vâng lời Thầy. Nhưng tình thương bao la của Thầy không bỏ được đũa đẽ tử như Con. Để rồi vào dịp một năm mới nào Con đã quên, Con điện thoại để đánh lễ chúc Tết Thầy. Và Thầy cũng thăm hỏi chúc nguyện cho Con. Rồi Thầy bảo rằng: Thôi Con đã không có duyên ở với Thầy, thì dù ở bất cứ nơi đâu, Con cũng phải tinh tấn tu học và hoằng dương Phật Pháp, thì Con đã báo ơn chư Phật Bồ Tát Tam Bảo là được rồi. Kính bạch Thầy! Lúc ấy Con thật cảm động vô vàn, lời dạy từ bi vô lượng của Thầy đối với đũa đẽ tử bất hiếu như Con.

Và Thầy dạy thêm rằng: Con hãy về Tổ Đình Phước Huệ hằng năm để giúp Thầy hướng dẫn tứ chúng Phật pháp. Nhưng rồi Con cũng vâng vâng dạ dạ, mà chưa bao giờ có cơ hội về được như lời giáo huấn của Thầy! Năm nào Con cũng hứa hẹn trong lòng và tìm cơ hội có thời gian để sang Tổ Đình trước là thăm và đánh lễ Thầy, sau là thăm viếng các huynh đệ và giúp đỡ công việc Phật sự giảng dạy!

Nhưng kính bạch Thầy! Khi Con có thể sắp xếp được, thì cơ hội gần Thầy đã không còn và vĩnh viễn không còn nữa! Kính bạch Thầy! Rơi vào hoàn cảnh của Con đây, làm sao Con không ray rứt và đau khổ cho được! Và phải cả một đời còn lại của Con luôn sống với nỗi niềm ân hận ray rứt khổ đau! Con biết Thầy cũng không muốn Con phải như vậy! Do đó, Con mới nói rằng: Con đã và sẽ Sám Hối với

Thầy cuộc đời còn lại của Con!

Kính bạch Thầy! Hôm nay đây, Con đang lơ lửng giữa bầu trời, để bay sang thăm Thầy. Hay nói đúng hơn là tiễn biệt Thầy trở về quê cũ, nơi ấy Từ Phụ Di Đà đang chờ đợi Thầy trở về, sau 90 năm thời gian Thầy trụ nhân thế. Thầy đã hoàn thành bốn nguyện của Từ Phụ Di Đà giao phó. 90 năm trần thế, có thể là 90 ngày, có thể là 9 tiếng đồng hồ, có thể là 9 phút hoặc 9 giây thời gian của cõi Tây Phương Phật Quốc Di Đà.

Nhưng trần thế trải qua 90 năm thật không ngắn ngủi chút nào. Thầy phải chịu đựng bao sự thăng trầm của cuộc đời và thế sự. Vì đại nguyện thượng cầu hạ hóa, mà Thầy phải thọ nghiệp Ta Bà trần sa phiền não. Thầy phải chịu chung số phận nước non dân tộc biến thiên, gánh vác vận mệnh của Đạo pháp, của Giáo hội. Để rồi cuộc đời Thầy nổi trôi trên xứ người với 30 năm cuộc đời còn lại.

60 tuổi đời Thầy còn phải cật lực phấn đấu xây dựng xiển dương Phật pháp, từ thượng tầng cơ sở đến hạ tầng cơ sở của Đạo pháp trên xứ người. Trải qua 30 năm, cho đến những ngày cuối đời nằm trên giường bệnh, Thầy vẫn còn thao thức, việc này chưa xong, việc khác vẫn còn dang dở. Thầy ước mong sức khỏe sớm hồi phục, để Thầy được tiếp tục dịch bộ Giáo Quán Cương Tông của Ngài Trạng Nhiên và những bộ luận khác của Thiên Thai Giáo Quán Tông, cho hàng đệ tử nói riêng và hàng con Phật Việt Nam nói chung, có tài liệu tu học và góp phần cho kho tàng văn hóa triết lý Phật Giáo Việt Nam thêm phong phú.

Kính lạy Thầy! Một đời vừa qua, Thầy đã tròn bốn phận làm người con hiếu thảo, một đũa đẽ tử đã đền đáp ân sư với sứ mệnh của một người xuất gia. Một bậc Thầy đã tận tụy với hàng đệ tử tứ chúng. Một Trưởng Tử Như lai đã không phụ ân Tam Bảo Từ Phụ Thích Ca và Di Đà. Một người con đất Việt, một công dân xứ Úc, Thầy đã đóng góp rất nhiều và duy trì phát triển truyền thống văn hóa Việt Nam và Phật Giáo Việt Nam trên xứ người.

Kính lạy Thầy! Dưới nhãn quan của Con, thì Thầy là bậc Bồ Tát thị hiện giữa cõi đời ô trược, để hoằng dương Pháp Phật tại nhân gian. Như Bồ Tát A Nan đã phát nguyện: Ngủ

trước ác thế thế tiên nhập, như nhứt chúng sanh vị thành Phật, chung bắt ư thử thủ Nê Hoàn... Và đúng vậy, Thầy đã bước theo hạnh nguyện của Ngài A Nan và chư đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Tự Tại. Thầy đã không ngại ái nhiễm phiền não cõi Dục, mà trôi lăn vào biển ái để gần gũi chúng sanh, để giáo hóa và dẫn dắt từng chúng sanh một gieo duyên Tam Bảo. Những chúng sanh nào đã từng gặp Thầy trong đời nay, thì tương lai cũng đều thành Phật. Vì đại nguyện của Thầy là mong cầu thành Phật, độ chúng sanh. Do đó, sự nhẹ nhàng ấm áp hay lạnh lùng nghiêm khắc của Thầy trong cư xử với mọi người, tất cả thầy cũng không ngoài sự gieo duyên Tam Bảo. Mà đã có duyên Tam Bảo, thì hạt nhân Giác Ngộ bắt đầu trưởng thành. Dù thuận hay nghịch trong mọi hoàn cảnh, có người ủng hộ, có người không v.v.. đi chẳng nữa, cũng đều nằm trong bồn hoài của Thầy.

Thầy đã hy sinh cái thế Thanh Tịnh Thánh Đạo cá nhân, để hòa cùng nghiệp báo của chúng sanh, mà chịu đựng trôi lăn trong biển nghiệp Dục Giới trầm luân. Ngoại trừ chư Phật Bồ Tát, thì ai hiểu được tâm nguyện của Thầy đây? Cái nhìn của thế gian thì làm sao nhìn thấu được những bản hoài vĩ đại của chư Phật Bồ Tát. Và hiểu như thế nào là sự hy sinh của các bậc Đại Sĩ. Vì thế gian thì phân biệt thiện ác trắng đen rõ ràng. Nhưng xuất thế gian thì vượt lên trên những phẩm tánh thường tình ấy của thế gian.

Kính lạy Thầy! Ngôn ngữ trần gian hữu hạn, Con không thể nói hết được, những cảm xúc của Con về Thầy, về bản nguyện của Thầy xuất thế trong kiếp sống vừa qua. Con chỉ biết thành tâm kính lạy Thầy, muôn vạn ức triệu lạy Thầy. Thầy đã sanh Con ra trong ngôi nhà Phật pháp, giữa thời đại u tối của quê hương đất nước. Chính Thầy lúc ấy, cũng không có một đời sống yên ổn để hoằng đạo. Thế mà Thầy đã đại từ đại bi, dắt Con vào cửa Đạo và sanh Pháp Thân Huệ Mạng cho Con. Để cuộc đời Con được hưởng thụ sự ngọt ngào cam lồ mát dịu của Pháp Phật. Từ đó, Con cảm nhận được rằng: Dù sống trong bất cứ hoàn cảnh nào, thế giới nào chẳng nữa, mà có Phật Pháp trong tâm thức là một suối nguồn hạnh phúc vô biên.

Kính lạy Giác Linh Thầy! Từ trên cao Thượng Phẩm Thượng Sanh, ngưỡng mong Thầy từ bi gia hộ cho Con và hàng đệ tử tứ chúng tại trần gian đau khổ này, luôn được tín tâm Tam Bảo Kiên Cố và chân cứng đá mềm, đầy đủ năng lực trí tuệ để tiếp nối hạnh nguyện lương lợi tự tha của Thầy. Và hứa nguyện hoàn thành những sứ mệnh mà Thầy đã giao phó để lại cho hàng đệ tử chúng con thực hiện.

Nam Mô Tự Thiên Thai Giáo Quán Tông nhị thập tam thế hựu thượng Lăng hạ Điện, tự Tắc Phước, hiệu Phước Huệ Giác Linh Trưởng Lão Hòa Thượng Bản Sư thù từ chứng minh lòng đệ tử đời thứ 24 pháp danh Chiêu Dũng, tự An Chí, hiệu Phước Hoàng.

Kính Bái Ân Sư.

Tỳ kheo Thích An Chí .

Vườn thiên Ta la rụng
Phước Huệ Thầy ra đi
Trong lòng con chợt hiểu
Từ nay con mất Thầy!

Thầy đến rồi Thầy đi
Bóng hình sao ở lại?
Tiếng cười theo ánh mắt
Lưu mãi trong tâm con.

Hỏi gió gió vụt bay
Hỏi mây mây ngơ ngác
Thầy đi chưa từ biệt
Tan nát một hồn nhiên.

Giác ngủ Thầy bình yên
Như không còn khái niệm
Giả thật với giả danh
Cũng chẳng hề lưu dấu.

Hoa nở rồi lại tàn
Hương thơm còn giữ mãi
Trăng tròn trăng lại khuyết
Ánh sáng vẫn chưa tan.

Con tiễn Thầy lần cuối
Nhẹ bước giữa trời mây
Vui buồn trong đáy mắt
Sen nở đỡ chân Thầy!

Gia đình đệ tử Viên Chiêu kính bái.

Con
tiễn
Thầy!



Phaùp Söi Nieát Baøn

Nöùc Toàng Tröôûng thöôïng Phoôùc hai Hueä

Vào lúc 5 giờ 38 phút sáng thứ Bảy ngày 28 tháng Giêng năm 2012 (nhằm ngày mồng 6 tháng Giêng năm Nhâm Thìn), Đức Tông Trưởng Tổ đình Phước Huệ - thượng Phước hạ Huệ - đã viên tịch tại Sydney - Australia, hưởng thọ 91 tuổi với 70 Pháp lạc.

1/ Lễ nhập Kim Quan (Thứ Hai 06/02/2012 nhằm ngày Rằm tháng Giêng năm Nhâm Thìn) Vào lúc 14 giờ 30, toàn thể môn đồ pháp quyến Phước Huệ Sơn Môn Học Phái đã vân tập về tại chánh điện Tổ Đình Phước Huệ-Sydney để tham dự lễ Nhập Kim Quan của Đại lão Hòa Thượng Tông Trưởng thượng Phước hạ Huệ. Ngoài ra còn có sự hiện diện của quý Tăng-Ni và Phật tử đến từ các chùa, tự viện trên toàn lãnh thổ Úc châu.

Trong trọng trách Trưởng ban Tang lễ, Hòa Thượng Thích Phước Bồn - Trưởng tử, đến từ Hoa Kỳ - đã hướng dẫn chư Tăng Ni và Phật tử cùng hành lễ.

Sau lễ Tác bạch chư Tổ, nhục thân Hòa Thượng đã được rước lên chánh điện trong sự cung nghinh của chư Tôn Đức Tăng, Ni và Phật tử - đang xếp hàng dọc hai bên lối đi - từ trước cửa Phương trượng vào đến chánh điện. Tiếng chuông mõ đều đặn cùng tiếng niệm Phật chân thành, cung kính với những đóa hoa vàng, những búp sen xanh trên tay chư Tăng Ni, Phật tử là những tỏ bày rõ nét nhất về tấm lòng của những người đến tham dự lễ hôm nay.

Chánh điện đã được thiết trí với những lẵng hoa tươi quanh tòa sen của Đức Phật Thích Ca. Ngay chính giữa là bàn thờ mới tôn trí, trên có khung ảnh chân dung Đức Tông Trưởng được kết viền bởi dây hoa thắt bằng vải vàng rất nhu nhã - càng làm tăng sự sống động trong ánh

nhìn của Ngài đến mọi người -

Nhục thân Hòa Thượng được đặt ngay giữa chánh điện.

Không một tiếng nói, tiếng cười; ai nấy đều cung kính, trang nghiêm và ít nhiều nhuốm nỗi bi thương cố nén lại - nhất là quý Ni sư và các nữ Phật tử đang đứng kín cả chánh điện trong trang phục áo Tràng tươm tất.

Những đóa hoa trên tay chư Tăng Ni và Phật tử được thay thế bằng những nén hương để chuẩn bị cho lễ Nhập Kim Quan.

Sau thời Kinh lễ Phật, quý Thầy tuần tự dâng hương lễ lạy.

Tất cả chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng-Ni cùng tiến vào đánh lễ Giác linh Đức Tông Trưởng.

Tiếp theo, chư Tăng Ni trong môn đồ pháp quyến dâng hương đánh lễ.

Hòa Thượng Thích Phước Bồn dâng hương, chú nguyện Kim quan - được an vị theo chiều ngang, ngay dưới chân tượng Đức Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật - trong tiếng trì chú Đại Bi đều đặn của đại chúng.

Những nghi thức chú nguyện đã được Hòa Thượng Thích Phước Bồn thực hiện hết sức trang trọng, nhẹ nhàng, kính cẩn trên Kim Quan và tất cả khay đựng những tấm khăn gấm, lụa... chuẩn bị cho cuộc lễ.

Sau đó, bốn vị Tăng và bốn vị Ni được mời lên đứng cạnh Kim quan theo sự hướng dẫn của Hòa Thượng Sám chủ để thực sự tiến hành đưa nhục thân của Hòa Thượng vào Kim quan.

Cùng thời gian này, toàn thể môn đồ pháp quyến đồng quỳ trước bàn thờ tụng kinh và niệm Phật.

Sau một thời Kinh ngắn, sáu vị Tăng cùng hai nhân viên nhà quản đã kính cẩn đặt nhục thân của Hòa Thượng vào Kim Quan.

Hòa Thượng Thích Phước Bồn và Thượng Tọa Thích An Chí - đến từ Na Uy - tự tay xếp lại từng nếp y, áo ...trong tiếng niệm Phật A Di

Đà thiết tha, chân thành của đại chúng.
Cũng với sự hướng dẫn của Hòa Thượng Thích Phước Bồn, bốn vị Ni đã dâng cúng một tấm khăn đắp màu vàng, sau đó đứng bốn góc để cùng đắp tấm khăn lên nhục thân Hòa Thượng Trưởng Lão.

Tiếp theo là bốn vị Tăng dâng cúng tấm mền Quang Minh, được phủ lên trên Kim Quan.
Các tấm khăn và mền chỉ được phủ lên phần thân của nhục thân Hòa Thượng Trưởng Lão cho nên sau khi nhân viên nhà quản đặt tấm mica trong suốt lên trên Kim quan, chúng ta vẫn có thể chiêm bái Ngài như đang nằm yên giấc.
Sau khi hoàn tất mọi nghi thức cho lễ Nhập Kim Quan, quý Tăng Ni bái lạy, lui ra; nhường chỗ cho chư Tăng Ni và Phật tử tuần tự lên lễ lạy, nhiều qua Kim Quan của Hòa Thượng Tông Trưởng.

Sau nghi thức lễ lạy lần này, chư Tăng Ni và Phật tử thuộc môn đồ pháp quyến, đồng quỳ trước bàn thờ Giác linh của Đức Tông Trưởng thượng Phước hạ Huệ để cùng tụng Kinh.
Nghi thức bái lạy tại bàn thờ Tổ cũng đã được diễn ra ngay sau đó.

Lễ Nhập Kim Quan Đức Tông Trưởng thượng Phước hạ Huệ đã hoàn mãn vào lúc 18.00
Không gian trở lại im ắng trong băng lãng bóng chiều đang dần rơi xuống ngoài hiên ngôi Tổ đình còn in đầy dấu chân người đã ra đi.

2/ Lễ Truy Niệm (Thứ Tư 08/02/2012 nhằm ngày 17 tháng Giêng năm Nhâm Thìn)

Vào lúc 10 giờ 30, lễ Truy Niệm cố Đại lão Hòa Thượng Thích Phước Huệ, Tông Trưởng Tổ Đình Phước Huệ, đã được long trọng tổ chức tại chánh điện Tổ Đình Sydney Australia.
Đến dự lễ Truy Niệm, chúng tôi thấy có:

- * Hòa Thượng Sudham Sudhammo, Chủ tịch Tổng Hội Phật Giáo Úc châu.
- * Hòa Thượng Thích Phước Bồn, Tọa Chủ Phước Huệ Đạo Tràng Hoa Kỳ, Trưởng ban tổ chức Tang lễ.
- * Hòa Thượng Thích Phước Nhơn, đại diện Văn phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVNTN
- * Thượng Tọa Thích Trường Sanh đại diện Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt

Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan

* Hòa Thượng Thích Trí Hải, đại diện Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn Thế Giới.

* Thượng Tọa Thích Phước Tấn, OAM, Trụ trì chùa Quang Minh Melbourne, Phó BTC Tang lễ.

* Chư Tôn Đức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan.

* Chư Tôn Đức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan.

* Chư Tôn Đức thuộc Văn Phòng II Viện Hóa Đạo.

* Chư Tôn Đức thuộc Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn Thế Giới.

* Chư Tôn Đức thuộc Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn tại Mỹ châu.

* Chư Tôn Đức Tăng-Ni thuộc các chùa và các tự viện trong và ngoài nước Úc.

* Chư Tôn Đức Tăng-Ni đại diện các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài Úc châu.

* Chư Tôn Đức Tăng Ni đại diện các tông, phái Phật Giáo khác nhau tại Sydney.

* Chư Tôn Đức Tăng Ni đại diện các chùa và tự viện tại Úc châu và thế giới.

* Các chính khách đại diện chính quyền liên bang, tiểu bang; hội đồng thành phố địa phương.

* Quý vị lãnh đạo và quý đại diện các tôn giáo bạn.

* Đại diện các hội, đoàn, cơ sở tôn giáo, kinh tế và truyền thông tại Sydney.

* Cộng đồng Phật tử Việt Nam tại Sydney.

* Và toàn thể môn đồ, pháp quyến thuộc tổ đình Phước Huệ.

Sau hồi chuông trống bát nhã cung nghinh chư tôn đức quan lâm lễ đường, thay mặt ban tổ chức lễ Truy Niệm, cô Ngọc Hân và luật sư Lưu Tường Quang (người dẫn chương trình) đã ngỏ lời chào đón chư Tôn Đức Tăng-Ni, quý vị quan khách và toàn thể cộng đồng Phật tử.

- Chương trình lễ Truy Niệm được bắt đầu với nghi lễ tụng kinh Phật giáo truyền thống do quý Tăng-Ni Việt Nam thực hiện. Chư Tôn Đức Tăng Ni thuộc các tông, phái cũng tụng những thời kinh theo truyền thống riêng.

- Thượng Tọa Thích Phước Tấn và Luật sư

Lưu Tường Quang đọc tiểu sử Hòa Thượng Thích Phước Huệ (xem phần tiểu sử).

- Hòa Thượng Sudham Sudhammo, Chủ tịch Tổng Hội Phật Giáo Úc Châu: "...Vô cùng đau buồn khi hay tin Hòa Thượng Thích Phước Huệ viên tịch, chúng tôi đã có những kỷ niệm sâu sắc khi cùng làm việc chung với nhau tại các kỳ Đại Hội Phật Giáo Thế Giới, chúng ta hãy cùng nhắm mắt lại để hồi tưởng công đức của Ngài..."

- Dân biểu Chris Bowen, Bộ trưởng Di Trú và Quốc Tịch Sự Vụ: "...Những lần thăm viếng chùa Phước Huệ trong suốt 20 năm qua, tôi nhận thấy chùa càng ngày càng phát triển, điều đó nói lên công lao khó nhọc của Hòa Thượng Thích Phước Huệ. Nếu không có Hòa Thượng Thích Phước Huệ thì nơi này cũng chỉ là một mảnh đất khô cằn từ 20 năm trước. Không những thế, các công trình cùng những mối quan hệ cộng đồng cũng được Hòa Thượng xây dựng ngày một lớn hơn..."

Dân biểu Chris Bowen cũng đại diện bà Thủ tướng Úc, Julia Gillard, đọc điệu văn ca ngợi công lao của Hòa Thượng: "...Hòa Thượng đã có công xây dựng nhiều chùa và tự viện trên đất Úc; cộng đồng Úc châu đã mất đi một người đức hạnh, một sự mất mát lớn vì những đóng góp lớn lao vào sự nghiệp Văn Hóa Đa Nguyên của xã hội Úc Châu..."

- Dân biểu Philip Ruddock, đại diện Đảng Tự Do Quốc Gia (cựu Bộ trưởng Tư Pháp, Cựu Bộ Trưởng Di Trú và Văn Hóa Đa Nguyên), thay mặt lãnh tụ đối lập Tony Abbott, đọc điệu văn : "...Trong đêm giao thừa vừa qua, khi không có sự hiện diện của Hòa Thượng, tôi đã cảm nhận một điềm không lành...vì từ nhiều năm qua, tôi thường xuyên đến chùa và đây là lần đầu tiên tôi không gặp được Hòa Thượng. Tôi rất quý mến Hòa Thượng và xem Ngài như một người bạn lúc nào cũng hoan hỉ đón nhận những ý kiến của tôi... Thay mặt lãnh đạo đối lập Tony Abbott, tôi thành thật chia buồn với sự mất mát không chỉ đối với cộng đồng Phật Giáo Việt nam mà cả với nước Úc vì Hòa Thượng đã xây dựng Phật Giáo Việt Nam, đóng góp vào công cuộc phát triển chủ nghĩa Đa văn Hóa của nước Úc. Điều này đã ảnh

hưởng rất lớn đến cộng đồng chính mạch nên công lao của Hòa Thượng đã được công nhận với huy chương OAM vào năm 1995"

- Dân biểu Andrew Rohan, thay mặt Bộ Trưởng Văn Hóa Đa Nguyên, Victor Dominello và Thủ Hiến NSW, Barry O'Farrell bày tỏ lòng ngưỡng mộ và chia buồn với cộng đồng Phật tử Việt Nam: "...Hòa Thượng không chỉ là một vị lãnh tụ Tôn Giáo lớn lao của cộng đồng mà còn là người đã có nhiều đóng góp vào sự nghiệp Văn Hóa Đa Nguyên của nước Úc..."

- Dân biểu Nick Lalich, Thị Trưởng thành phố Fairfield; "...Với tư cách là thị trưởng, nhân danh cộng đồng thành phố Fairfield, là thân hữu của chùa Phước Huệ, tôi đã đến nơi đây nhiều lần để dùng cơm cũng như thỉnh ý Hòa Thượng về những vấn đề cộng đồng. Hòa Thượng là một nhân vật lớn của cộng đồng Việt Nam và là người đã đóng góp nhiều công sức vào cộng đồng chính mạch...Hôm nay, chúng ta đến đây, không chỉ chia buồn với cộng đồng Phật tử mà còn vui mừng vì những di sản mà Hòa Thượng đã để lại cho chúng ta..."

- Ông Nguyễn Văn Thanh, đại diện cho cộng đồng người Việt tại NSW: "...Xin được chia buồn với Thượng Tọa Thích Phước Tấn và toàn thể quý Tăng-Ni, Phật tử thuộc Tổ Đình Phước Huệ. Sự ra đi của Hòa Thượng không chỉ là sự mất mát của cộng đồng Phật tử mà của cả cộng đồng người Việt do NSW. Ngài là một vị Thầy đáng kính, đã hi sinh suốt cuộc đời cho Phật Giáo, đã có công duy trì, phát triển Giáo Hội Phật Giáo Úc Châu ngay từ những ngày đầu của người Việt tỵ nạn đặt chân đến Úc. Qua đó, nhiều người Việt tỵ nạn đã tìm được sự bình an sau những mất mát đau khổ trên bước đường trốn chạy tìm tự do... Nguyện cầu Giác linh cố Đại Lão Hòa Thượng sớm cao đăng Phật quốc"

- Điệu từ của Hòa Thượng Thích Phước Bản, đại diện Sơn Môn học phái, do luật sư Lưu Tường Quang diễn đọc bằng Anh ngữ trong lúc Hòa Thượng Thích Phước Bản cung kính đứng trước bàn thờ Giác Linh Đức Tông

Trưởng.

- Thượng Tọa Thích Thiện Tâm đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan đọc điều văn.

- Hòa Thượng Thích Phước Nhơn, đại diện Văn Phòng II GHPGVNTN đọc điều văn.

- Thượng Tọa Thích Trường Sanh, Phó Hội chủ GHPGVNTN Hải Ngoại tại UDL & TTL thay mặt toàn thể Hội Đồng Giáo Phẩm, Tăng-Ni và Phật tử thuộc các chùa và tự viện.

- Đức Tổng Giám Mục giáo phận Sydney, Terry Brady, đọc điều văn của Đức Hồng Y George Pell thuộc giáo hội Thiên Chúa Giáo Úc (Đức Cha Chu văn Chi, đại diện cộng đồng Thiên Chúa Giáo Việt Nam-NSW, diễn dịch).

- Ông Nguyễn Chánh Giáo, đại diện Phật Giáo Cao Đài đọc điều văn và bày tỏ thâm tình huynh đệ trước Giác Linh Hòa Thượng Trưởng Lão Thích Phước Huệ.

- Huynh trưởng Huỳnh Kim Hóa, thuộc Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Úc Đại Lợi đại diện Gia Đình Phật tử nói lên lòng biết ơn sâu xa đối với Hòa Thượng Thích Phước Huệ trong sự quan tâm sâu sắc của Ngài đối với hàng hậu học.

- Ngoài ra, ban tổ chức lễ Tang cũng nhận được rất nhiều điện thư phân ưu của cá nhân và đoàn thể từ khắp nơi trên thế giới; đặc biệt có các điện thư phân ưu của:

- Hòa Thượng Liễu Trung, Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới tại Đài Loan.

- Hòa Thượng Thích Như Huệ, Hội Chủ GHPGVNTN Hải Ngoại tại UDL & TTL.

- Hòa Thượng Thích Minh Thông cùng chư Tăng, Phật tử chùa Vĩnh Nghiêm, California, Hoa Kỳ.

- Ông Phan Wannamethee Chủ Tịch Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới.

- Ông Phallop Thaiarry Tổng Thư Ký Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới

* Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada.

* Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

* Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam toàn Thế

Giới.

* Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới

* Hội Đồng Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ.

* Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu.

* Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu.

* Cộng Đồng Phật Giáo Á Châu tại Hoa Kỳ.

* Và nhiều điện thư, điều văn phân ưu của các chùa, tự viện tại Việt nam và Hoa Kỳ mà Ban Tổ Chức chưa kịp cập nhật.

- Sau cùng, được sự đồng ý của ban tổ chức, luật sư Lưu Tường Quang, với tư cách cá nhân, đã nói lên lời cảm niệm của ông đối với Hòa Thượng Thích Phước Huệ.

Ngoài ra còn có nhiều cá nhân và đại diện đoàn thể muốn nói lên lời tri ân đối với Hòa Thượng nhưng do thời gian quá giới hạn, ban tổ chức đành phải cảm ơn tấm lòng của quý vị này.

- Chương trình được tiếp nối với lời cảm tạ của ban tổ chức thông qua Đại Đức Thích Phước Đạt: "...Xin được cảm niệm công đức của Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng-Ni đã quang lâm tụng kinh cầu nguyện cho Giác linh Hòa Thượng chúng con được cao đăng Phật quốc. Xin được cảm niệm công đức quý vị đại diện các cấp chính quyền Liên bang, Tiểu bang và địa phương; nhất là cảm niệm công đức của ngài Thị trưởng Hội Đồng thành phố Fairfield, Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Tự Do NSW, các thân hào nhân sĩ thuộc các tôn giáo bạn; Đài phát thanh Việt ngữ, Anh ngữ đã đăng tải tin tức về ngày lễ trong mấy tuần qua...Nếu không có sự tham dự và giúp đỡ của quý vị, chắc chắn buổi lễ sẽ không thể thành tựu như hôm nay. Cảm niệm công sức của quý Phật tử trong BTC; toàn thể đồng hương Phật tử tham dự đông đủ - thể hiện tinh thần hiến dâng trọn vẹn cho buổi lễ này cũng như góp phần cầu nguyện cho Đại Lão Hòa Thượng được cao đăng Phật quốc - Nguyện cầu hồng ân tam bảo gia hộ quý chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng-Ni và quý Phật tử được vạn sự kiết tường và mãi mãi gần nhau trong tinh thần xây dựng..."

- Tiếp theo là phần viếng Kim Quan Hòa Thượng Trưởng Lão của chư Tôn Đức Tăng-Ni và quý đồng hương Phật tử.

Từng bước chân nối tiếp nhau trong yên lặng, nhiều qua Kim Quan để kính cẩn chiêm bái, đánh lễ Ngài trong tiếng niệm Phật thành tâm, đều đặn.

- Lễ truy niệm đã hoàn mãn lúc 14.00 cùng ngày.

Không gian yên tĩnh được trả lại cho chánh điện Tô Đình Phước Huệ, nơi Hòa Thượng Trưởng Lão đang như ngủ yên trong Kim Quan giữa muôn hoa dâng cúng.

3/ Lễ Cung Tống Kim Quan (Thứ Năm 9/2/2012)

Vào lúc 9g sáng, lễ Cung Tống Kim Quan Đức Trưởng Lão Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ đã diễn ra vô cùng long trọng tại Tổ đình Phước Huệ, Sydney Australia.

* Đúng 7 giờ, chư Tăng-Ni vân tập chánh điện trong tiếng chuông trống bát nhã ngân vang.

Trước thềm chánh điện, đông đảo Phật tử trong trang phục áo tràng lam đứng thành đội hình ngay ngắn, chuẩn bị đón chào chư Tăng-Ni; phía trước cổng chính, hàng trăm Phật tử yên lặng chờ đợi Cung tiễn Đức Tông Trưởng. Bên trong chánh điện, nơi đặt Kim Quan Hòa Thượng, được thiết trí thêm nhiều lẵng hoa tươi cùng những vòng hoa - được dâng cúng từ các đoàn thể chính quyền, tôn giáo, cá nhân... - đặt san sát nhau gần như kín cả lễ đài và hai bên lối đi.

* 7g30 nghi thức dâng cúng trà bắt đầu do Tăng-Ni và Phật tử thuộc Tổ đình Phước Huệ thực hiện (đặc biệt có sự hiện diện của phái đoàn Phật tử chùa Quang Minh-Melbourne).

* 8g 30 chư Tôn Đức Tăng-Ni từ các nơi trong và ngoài Sydney bắt đầu vân tập về chánh điện để cùng tham dự lễ Cung Tiễn Giác Linh (do chánh điện không đủ rộng nên hầu hết đồng hương Phật tử phải đứng trước thềm và ngoài sân để dự lễ).

* Đại diện Phật tử Melbourne bày tỏ lòng tri ân và tiếc thương đối với Hòa Thượng Thích Phước Huệ và mong ước được thực hiện một

buổi lễ truy niệm ngay tại chùa Quang Minh để toàn thể Phật tử Melbourne được tham dự.

* Đại diện Phật tử các chùa ở trong và ngoài nước Úc lần lượt nói lên cảm tưởng của mình với lòng kính trọng và biết ơn Đức Tông trưởng trong nhiều năm qua.

* 9g30, trong lúc bên trong chánh điện, chương trình lễ vẫn đang tiếp diễn thì bên ngoài, trước sân chánh điện, với sự điều động của ban tổ chức, anh chị em Phật tử đang đứng vào hàng ngũ với những tràng hoa - được chuyển dần ra từ chánh điện - chờ đợi đưa tiễn Giác Linh và Kim Quan Hòa Thượng Trưởng Lão.

* 9g50, chấm dứt lễ, những tràng hoa sau cùng được chuyển ra ngoài, Phật tử xếp thành hai hàng từ phía ngoài cổng chùa - ra đến tận hai chiếc xe hoa đang đậu sẵn ở đầu sân - trên tay ai cũng đều có những cành hoa tươi dâng cúng cho Hòa Thượng lần cuối cùng.

* 10g, tất cả Phật tử rời chánh điện chỉ còn lại chư Tăng Ni. Một chiếc bàn dài có gắn bánh xe được trang trí như một xe hoa nhỏ, có bốn Phật tử cầm lọng vàng đứng bốn góc, được đặt ngay chính giữa lối lên chánh điện, cùng quý Phật tử khăn áo chỉnh tề đứng chung quanh, chờ đợi đặt Kim Quan của Hòa Thượng lên chiếc xe nhỏ này.

* Cùng lúc, có thêm phái đoàn chư Tăng Ni tiếp tục vào lễ đài trong tiếng chuông trống bát nhã, trên tay chư vị cầm hương để lễ Giác Linh Hòa Thượng Trưởng Lão (có khoảng 100 vị Tăng-Ni tham dự Tang lễ hôm nay)

* 10g45, xong thời Kinh, quý Tăng Ni bắt đầu nhiều qua Kim Quan trong tiếng niệm Phật liên tục. Sau đó, quý Tăng Ni về dự lễ bắt đầu rời chánh điện, đi thẳng ra tận xe chở Kim Quan, đứng thành hai hàng, chờ đợi đón Kim Quan. Bên trong chánh điện trong thời điểm này chỉ còn lại quý Tăng Ni thuộc Tổ đình Phước Huệ.

* 11g15, theo hướng dẫn của Hòa Thượng Thích Phước Bổn, trưởng ban Tang lễ, một số ít quý Tăng-Ni cùng lên bái lạy Kim Quan và đặt những tấm khăn phủ nhục thân Hòa Thượng Thích Phước Huệ sau khi Hòa Thượng Thích Phước Bổn đã đích thân đắp tấm mền quang minh.

* Sau đó quý Tăng-Ni và một vài Phật tử sau

cùng đều rời chánh điện, chỉ còn lại một nhóm nhỏ vài vị, cùng nhân viên nhà quán làm công việc dọn dẹp Kim Quan.

* 11g45, Kim Quan đã được dọn kín với những giải hoa vàng thắt nút rất đẹp bao quanh. Quý Tăng-Ni thuộc chùa Phước Huệ lại vân tập trở lại chánh điện, cùng bái lạy trước Giác Linh Hòa Thượng lần cuối cùng trước khi Cung tiễn Kim Quan ra khỏi chánh điện.

* 12g, sau khi sắp xếp đội hình ngay trong chánh điện, Kim Quan của Hòa Thượng Trưởng Lão đã được cung tiễn ra khỏi chánh điện. Bên ngoài, dù trời đang mưa nhưng anh chị em cùng quý đồng hương Phật tử vẫn đứng vào hàng ngũ đầu ra đẩy để nghinh đón Kim Quan.

* Sau khi được đặt Kim Quan lên chiếc xe hoa nhỏ, đội hình được sắp xếp ngay ngắn và Kim Quan được di chuyển vòng quanh chùa trước khi ra khỏi cổng chùa để được đặt vào trong xe hoa.

Trời đã hừng nắng nhưng vẫn còn mưa lất phất.

* 12g15, Kim Quan được đặt vào xe riêng. Phía trước là hai chiếc xe hoa được kết hoa tươi rất công phu và xinh đẹp. Một chiếc được thiết trí bàn thờ Phật A-Di-Đà, chiếc thứ hai dùng để chở bài vị và khung ảnh Hòa Thượng Tông Trưởng. Quý Tăng-Ni và Phật tử lần lượt vào các xe buýt, bắt đầu cho cuộc hành trình đến Đại Tông Lâm, nơi mà nhục thân Hòa Thượng Tông Trưởng sẽ được đời đời lưu giữ.

* 12g25, đoàn xe chuyển bánh hướng ra xa lộ. Mưa càng lúc càng nặng hạt.

* 2g chiều, chúng tôi đến Đại Tông Lâm, mưa tạnh dần. Ban trai soạn của chùa đã chuẩn bị cơm chay chu đáo cho toàn đoàn.

* 2g40, toàn thể Phật tử, tay cầm hoa, xếp thành hai hàng, đứng từ cổng Đại Tông Lâm vào tận Trú Xứ của Hòa Thượng - đã được xây sẵn từ nhiều ngày trước -

Chung quanh khu vực Tịnh Xứ, những mái lều đã được chuẩn bị, bên dưới được trải thảm nilon và sắp sẵn các dây ghế dành cho việc hành lễ tại đây.

* 3g, xe chở Kim Quan của Hòa Thượng vừa đến Đại Tông Lâm.

* Đội hình cung tiễn Kim Quan được sắp xếp

nhANH chóng và di chuyển về phía Tịnh Xứ trong tiếng niệm Phật A-Di-Đà vang khắp khu rừng Đại Tông Lâm. Các thanh niên trong đồng phục gia đình Phật tử phụ trách việc di chuyển Kim Quan dưới táng của bốn chiếc lọng vàng ở bốn góc.

* Kim Quan Hòa Thượng được đặt ngay trước một bệ đá lớn, bên trên được xây dựng như một khối hình hộp chữ nhật bằng đá hoa mài bóng đã được xây kín chỉ chừa cửa trống để chuyển Kim Quan vào. Nghi thức lễ Nhập tháp được bắt đầu ngay sau đó.

* 3g20 Kim Quan của Hòa Thượng đã hoàn toàn an vị trong tháp (Nói là tháp nhưng trên thực tế, tháp sẽ được xây dựng ở khu đất bên kia suối trong tương lai. Sau đó sẽ chuyển Kim Quan Ngài qua đó. Đây chỉ là nơi tôn trí tạm thời)

Tất cả các vòng hoa lớn, những cành hoa nhỏ đều được Toàn thể Phật tử cung kính đặt chung quanh chân tháp như một lời giã biệt đối với Hòa Thượng Trưởng lão Thích Phước Huệ.

* 3g30, thời Kinh cuối cùng chấm dứt lễ Nhập tháp. Chư Tăng-Ni và toàn thể Phật tử vân tập về phía sau tháp cùng bái lạy Giác Linh Hòa Thượng và được Thượng Tọa Thích Phước Tấn hướng dẫn nhiều quanh tháp ba vòng.

Sau đó, Thượng Tọa Thích Phước Tấn, với tư cách phó ban Tang lễ, đã nói lời cảm ơn đến tất cả Tăng Ni và Phật tử đã cúng dường công sức, tài vật; đã vất vả suốt thời gian qua - từ chùa Phước Huệ cho đến Đại Tông Lâm - để hoàn tất cho Pháp Sự Niết Bàn của Đức Tông Trưởng.

* 4g00 Hoàn mãn

* 5g00 Lên xe buýt trở lại chùa.

Bóng chiều đang đổ dài trên lối về.

Vậy là Hòa Thượng đã thực sự ra đi.

Còn chẳng là những công trình Phật giáo, là sự nghiệp Hoàng Pháp lớn lao mà Người đã tạo dựng trong suốt cuộc đời đã qua.

Ban Tin Tức



ASIAN BUDDHIST COMMUNITY CONGREGATION OF AMERICA
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO Á CHÂU TẠI HOA KỲ
CULTURAL, EDUCATIONAL, MEDICAL & SOCIAL SERVICE CENTERS
CHÙA VĨNH-NGHIÊM

1476-1488 S. Reservoir St., Pomona, CA 91766 Tel.: (909) 620-7041

www.vinhnghiemusa.org / Email: vinhnghiemtemple@yahoo.com

Pomona ngày 2 tháng 2 năm 2012

**Kính gửi Hòa Thượng Trưởng Ban Tang Lễ Đại Lão Hòa Thượng Thích Phước Huệ,
Tăng Giáo Trưởng GHPGVNTN TẠI ÚC CHÂU & TÂN TÂY LAN
369 Victoria St Wetherill Park, NSW 2164 AUSTRALIA**

Bạch Hòa Thượng,

Được tin Đại Lão Hòa Thượng Tăng Giáo Trưởng Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Châu và Tân Tây Lan vừa viên tịch ngày mùng 5 tháng giêng năm Nhâm Thìn (tức ngày 27 tháng 1 năm 2012) , niềm tình đồng đạo, tôi và chư tăng ni Phật tử chùa Vĩnh Nghiêm kính gửi tới HT trưởng ban tang lễ lời phân ưu cùng Giáo Hội và pháp quyến môn đồ lời cầu nguyện Giác Linh, Cố Đại Lão Hòa Thượng được cao đăng Phật Quốc, trọng thừa Phật lực gia hộ cho pháp quyến môn đồ tiếp nối công trình tiến tu Phật đạo của Cố Hòa Thượng đã lưu lại danh thơm, hoằng dương Phật Pháp.

Xin có đôi lời cảm niệm

Cảm niệm

Từ Hoa Kỳ hương sang nước Úc,
Hòa Thượng Thích Phước Huệ nhập Niết Bàn,
Xa lìa cõi thế trần gian,
Thăng hoa Phật quốc an nhàn thanh thoi.
Tình đồng đạo đôi lời cảm niệm,
Kính điều bậc đạo hạnh cao tăng.

Nhớ Hòa Thượng xưa:
Dung nhan thanh nhã,
Tín tình vui vẻ,
Đức hạnh khiêm cung,
Dáng vẻ kính thương,
Phật lý cao siêu,
Dạy cho tứ chúng,
Đốc chí tu hành,
Hoằng dương Phật đạo
Đào tạo tăng tài,
Phát huy chính pháp.

Lúc thiếu thời, Ngài là một đồng tử giáng sinh vào gia đình nho giáo thâm tín Phật học,
Khi trưởng thành, Hòa Thượng là Tỷ Khưu tăng tài, chôn tở Liễu Thiên thuộc giòng phái Thiên Thai.

Công đức Ngài chôn trần gian:
Giám Viện, Đốc Giáo Tăng Đoàn Ấn Quang
Giáo Hội Nam Việt huy hoàng,
Một trong bốn vị mở mang công đầu:
Thiện Hòa, Trí Tịnh cùng nhau,
Thiện Hoa, Tắc Phước kế sau nhập hàng,
Tăng già Nam Việt kết đoàn,
Khai tràng thuyết pháp khắp làng miền quê.
Tăng Ni, Cư Sĩ hướng về
Ấn Quang hoàng pháp một bề phùng hưng,
Phật tử cả nước vui mừng,
Giáo Hội Thống Nhất hòa cùng lập nên,
Ngài là thành viên xây nền,
Chánh Đại diện, Giáo hội miền Huệ Quang.

Sang Úc lập cảnh già lam,
Dựng chùa thuyết pháp truyền ban đạo mầu,
Tăng đoàn kết hợp cùng nhau,
Thỉnh Ngài Tăng Trưởng khởi đầu hoàng dương
Chùa Phước Huệ Phật đường xứ Úc,
Khách quan chiêm đông đúc hằng ngày,
Tùng lâm Phước Huệ đẹp thay,
Công Thầy tạo dựng đức Ngài lưu danh,
Tuổi tuy cao, chí nguyện chưa toại,
Mấy ai cưỡng lại luật vô thường.
Ngài về Phật cảnh Tây Phương,
Người ở lại, bao vấn vương ngậm ngùi,
Miền Cực Lạc đón mời khân thiết,
Chôn Sa Bà tiễn biệt nhớ thương.
Chúc Ngài thắng cảnh Tây Phương,
Cao đăng Phật Quốc Tây Phương nhiệm mầu.
Tăng, Ni, Phật Tử cúi đầu,
Nhất tâm niệm Phật nguyện cầu thăng hoa.

Nam mô Ma Ha Tỳ Kheo Bồ Tát Giới Huý Trần văn Cảnh, Đạo Hiệu Tắc Phước, pháp hiệu Thích Phước Huệ, hóa thân Bồ Tát, Thiên Sư tọa hạ, lai lâm chứng giám, tác đại chứng minh.

Kính niệm,

Hòa Thượng Thích Minh Thông.

Trụ Trì Tổ Đình Vĩnh Nghiêm Hoa Kỳ



- Nam mô A Di Đà Phật
- Nam mô Từ Thiên Thai Giáo Quán Tông Đệ Nhất Thiên Tôn.
- Ngưỡng bạch Giác linh Tôn Sư !

Thời gian thấm thoát tuần thất thứ bảy Tôn sư lại đến chúng con chạnh nghĩ:

*“On giáo dưỡng một đời nên huệ mạng
Nghĩa Tôn Sư muôn kiếp khó đáp đền”*

Kính lạy Sư Ông, Chùa Thiên Tôn I. Hôm nay ngày 25-2 âm lịch năm Nhâm Thìn. Hàng Môn Đồ tứ chúng chúng con cúi ngời ngen ngào nhớ về Thầy, long trọng tổ chức lễ cầu nguyện 49 ngày của Ân Sư, dưới màu cờ ngũ sắc cùng muôn hoa xinh tươi trang nghiêm thanh tịnh, hòa lẫn vào bóng huỳnh y rực rỡ của chư Tôn Giáo Phẩm nhị bộ Tăng Già cung nghiêm cầu nguyện trước Phật điện, nguyện *Tôn sư về nước Phật Di Đà, nguyện Tôn Sư thượng phẩm thượng sanh, nguyện Tôn Sư tiêu dao tự tại*.

Kính lạy Giác linh Sư Ông! giờ đây Sư Ông đang ở cõi Liên Trì hải hội, còn chúng con đang quanh quẩn chốn Ta Bà, biết tìm đâu ra tôn dung người Thầy đã che chở cho chúng con suốt cuộc đời, con những tưởng cây đại thọ còn chưa ngã nên hững hờ trước sự viếng thăm. Bao năm qua nơi quê nhà Việt Nam, con mãi đắm mình trong việc lo trùng hưng chốn Tổ, theo kỳ vọng của Sư ông đã đặt niềm tin giao phó. Mùa Thu năm 2004, Sư ông gọi điện về dạy con: “Vạn Huệ, con hãy thu xếp về trông nom chùa Tổ làm sáng láng chốn Tổ cho Ông”, mặc dù lúc đó con đang lo thủ tục xuất ngoại du học ở Đài Loan, đây là nguyện vọng của con sau khi học xong HVPG-GSCC. Con thiết nghĩ: “Cung kính bất nghi phụng mạng”, con không dám trái lời Sư Ông dạy. Thế rồi con đành xếp lại việc bút nghiên, quay về nhận trùng hưng chốn Tổ, nhìn nếp rêu phong nơi chốn Tổ đã lâu chưa được tu sửa hoàn chỉnh, con xúc động nguyện cố gắng làm cực lực không ngừng nghỉ để Sư ông vui và an tâm lo Phật sự nơi phương xa. Những tưởng Sư Ông sẽ thấy được chốn Tổ trùng hưng mỹ mãn. Nào ngờ đâu hôm nay Sư ông đã rời khỏi

chốn Ta Bà, để lại nỗi lạc lõng cô đơn của con khi vĩnh viễn mất Sư ông.

Kính lạy Giác linh Sư ông! con vẫn biết:

*Thế gian là vô thường
Duyên sanh như huyễn.*

Nhưng Sư ông ôi! sao con vẫn thấy lòng như thắt lại. Nghẹn ngào nuốt lệ vào tim để khỏi phụ lời Di huấn của Sư ông.

Cuối tháng 12 năm 2011, con được quý Sư Thúc Chùa Phước Huệ báo tin tình trạng bệnh Sư ông mỗi ngày một nặng con liền lo thủ tục sang Úc để thăm Sư ông. Ngày 02-1-2012 con được diễm phúc gặp lại Sư ông, thấy con vào Sư ông xúc động hỏi: “Con đến rồi à?”, con cố gắng cười nói huyền thuyên để ngăn dòng nước mắt. Nhìn Sư ông gầy gò ốm yếu, lòng hồi hận tràn ngập nơi con, bao năm qua con thật là khờ, mãi lo việc Phật sự chốn Tổ quên đi sự viếng thăm Sư ông, con thật có lỗi. Con nghĩ, điện thoại thăm biết Sư ông khoẻ là con yên tâm rồi, càng nghĩ lòng con càng đau thắt.



Ca từ niệm Toàn Sở

Cách đây không lâu, vào buổi chiều gần xế bóng, có hai vợ chồng người Úc lai Tây, mặt mày rử rượi đầy mồ hôi vì lạc đường đi bộ gần 4 cây số đến tìm con. Con chưa hề quen hai anh chị Phật tử này, quê hương xưa đã thay đổi nhiều. Sư ông chỉ đường đi bằng xe lam làm sao có, anh chị tìm không được, hỏi lần về đến Thiên Tôn I đã xế chiều. Anh chị bảo từ Úc về Việt Nam đi công tác, cô vợ tên Yên nói trước khi về Việt Nam cô có hỏi Hoà thượng “có muốn con làm gì cho Hoà thượng không?”. Sư ông nói “Về thăm giúp Thầy đưa cháu trụ trì chùa Thiên Tôn I”. Sư ông ơi! Con cảm động muốn khóc, Sư ông thương con nhiều quá, con chưa một ngày đáp tạ Ân Sư. Càng nghĩ con càng nghẹn ngào, hồi hận tràn đầy, Sư ông luôn thương mến tất cả những đệ tử, từ trong cũng như ngoài nước, ai cũng có những kỷ niệm và thâm ân đối với Thầy. Với con, làm sao quên được hình ảnh năm xưa con vào chùa xuất gia, Sư ông sợ con ở chùa quê hẻo lánh



Lễ Cúng dường Trai tăng tại Chùa Thiên Tôn 1 nhân ngày chung thất

không am hiểu được Phật pháp, Sư ông đem gởi con cho Ni Sư thượng Đạt hạ Cung là Giám luật của Tông phái Thiên Thai, Sư ông xoa đầu con nói: “Sư ông bận đi dạy xa không ở chùa thường dạy con được, nay gởi con cho Ni Sư dạy giúp”, rồi bảo con lạy Ni Sư ba lạy, Sư ông dặn con rất nhiều: “Ở với Ni Sư ráng học nghe con”. Con “Mô Phật” lí nhí trong miệng, bởi con đang khóc, con chưa hề biết Ni Sư như thế nào, có hiền như Sư ông không? Sư ông ơi con cảm thấy con bất hiểu với Sư ông nhiều lắm. Mặc dù lúc Sư ông còn sanh tiền thường hay làm cái mũi con nở phình, tán thán việc này việc kia của con. Nhưng con vẫn cảm thấy lòng hối hận vì không thường thăm viếng Sư ông đợi lúc cuối đời con mới sang thăm thì muộn quá rồi. Sư ông ơi! con không còn cơ hội được nghe Sư ông dạy cách giáo dục đệ tử: “Nuôi dạy phải nghiêm, đừng dễ quá sau rồi khó dạy nghe con”. Ngày cuối đời Sư ông vẫn còn cho con món quà tình thương cao quý, trong phòng bệnh viện rất yên lặng, chợt Sư ông khẽ mở mắt hỏi “Vạn Huệ đâu con?”, Sư Chú Phước Lạc ra dấu bảo Sư ông gọi, con chạy đến, Sư ông nói bằng giọng rất mệt, Sư ông dạy con rất nhiều nhưng con nghe được câu nói cuối cùng với lòng thương mến của Sư ông “Con à! về bên đừng ham làm nữa nghe con”. Sư ông ơi! Làm sao con đáp nỗi ân này, vào lúc sức khỏe Sư ông khó bình phục được mà vẫn còn lo nghĩ đến con, dù cho con có làm Phật sự hết đời cũng không đáp nỗi ân Thầy!

Kính lạy Giác linh Sư Ông ! Sư ông đã để lại cho chúng con một gia tài Phật pháp mà Sư ông đã uơm mầm và vun đắp cả cuộc đời. Chúng

con giờ đây đã trưởng thành khôn lớn, nguyện theo gương Sư ông vì Phật pháp không hề mệt mỏi, độ chúng sanh không ngại gian lao, mỗi bước hoàng pháp của con đều tưởng niệm về Sư ông. Nguyện cầu Sư ông gia hộ cho tất cả chúng sanh sớm biết Phật pháp li khỏi chấp mê, bất ngộ. Nguyện cho ngôi nhà Phật pháp được trường tồn mãi mãi ở thế gian. Nguyện cho toàn thể Môn đồ tứ chúng của Sư ông Đạo Nghiệp Viên Thành.

Nam mô Tự Thiên Thai Giáo Quán Tông nhị thập tam thế huý thượng Lăng hạ Điền, tự Tác Phước, hiệu Phước Huệ Giác Linh Trưởng Lão Hòa Thượng Tôn Sư .

Pháp duệ Thích Nữ Vạn Huệ.

Kính bái Tôn Sư.

Lời Nguyện
Vạn Huệ



*Trăng thiên
Rơi ở đầu non
Chợt nghe!
Gió lặng bàng
hoàng Thầy đi
Tắm thân
Ngũ uẩn sá chi
Vượt dòng sanh tử sâu bi
Niết Bàn
Biển xanh
Sóng vỗ gấm vang
Luân hồi ảo mộng
Thênh thang đi về
Tây Phương
Đức Phật đề hẽ
Đón người
Sứ giả lời thề năm xưa*

Hậu học Thích Vạn Huệ thành kính tưởng niệm giác linh cố Trưởng lão Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ viện chủ Tổ đình Phước Huệ Úc Châu chứng minh .



HÒA THƯỢNG THÍCH PHƯỚC HUỆ (1922-2012) VIÊN TỊCH TẠI SYDNEY, AUSTRALIA

**Ngoài Chư Tôn Đức Lãnh Đạo Phật Giáo, Thủ tướng Úc,
Lãnh tụ đối lập liên bang và Đức Hồng Y Giáo Hội Công Giáo
Úc Châu đều ngỏ lời phân ưu**

*** Ngọc Hân, Đài VOA Washington DC**



Hòa Thượng Thích Phước Huệ, một trong những lãnh tụ Phật Giáo quan trọng nhất tại Australia vừa viên tịch trong sự thương tiếc của nhiều giới chính trị, tôn giáo và cộng đồng. Lễ Truy Niệm đã được cử hành rất trọng thể tại Tổ Đình Phước Huệ ở Sydney ngày 08-02-2012, trước sự hiện diện đông đảo của đại diện chính giới liên bang, tiểu bang, hội đồng thành phố địa phương, đại diện các tôn giáo và cộng đồng.

Về phía chính phủ Lao Động liên bang và liên đảng Tự Do Quốc Gia ở thế đối lập, Dân biểu Chris Bowen, Bộ trưởng Di Trú và Quốc Tịch Sự Vụ đã đại diện Thủ tướng Julia Gillard đọc diếu văn và ghi nhận những đóng góp quan trọng của Hòa Thượng Thích Phước Huệ vào sự phát triển của Phật Giáo và xã hội văn hóa đa nguyên Úc Đại Lợi. Lãnh tụ Tony Abbott cũng có phát biểu tương tự qua một thông điệp phân ưu mà Dân biểu Philip Ruddock, cựu Bộ trưởng Tư Pháp và cựu Bộ Trưởng Di Trú và Văn Hóa Đa Nguyên, đã tuyên đọc. Dân biểu Philip Ruddock còn hồi tưởng những kỷ niệm mà Ông đã chia sẻ cùng Hòa Thượng Thích Phước Huệ trên 20 năm qua trong tiến trình xây dựng tu viện Phật giáo Việt nam và sự phát triển nhanh chóng của cộng đồng Phật tử thuộc nhiều nguồn gốc sắc tộc tại Australia.

Ở cấp tiểu bang, dân biểu Andrew Rohan đã phát biểu phân ưu thay mặt cho Bộ Trưởng Văn Hóa Đa Nguyên Victor Dominello và Thủ Hiến NSW Barry O'Farrell. Về phía đối lập

tiểu bang, Lãnh tụ John Robertson cũng chuyển lời phân ưu và Dân biểu Nick Lalich kiêm Thị trưởng thành phố Fairfield cũng đến viếng tang và phát biểu.

Rất nhiều lãnh tụ tôn giáo đã có mặt để phân ưu và tán thán công đức của Hòa Thượng Thích Phước Huệ. Đức Giám Mục Terry Brady đã đọc diếu văn của Đức Hồng Y George Pell của Giáo Hội Công Giáo Australia. Rất nhiều chư tôn đức lãnh tụ Phật Giáo Đại Thừa, Phật Giáo Tây Tạng và Phật Giáo Theravada, cũng có mặt và tụng niệm thời Kinh theo truyền thống của mỗi tông phái. Hòa Thượng Sudhamo, Chủ tịch Liên Hiệp Phật Giáo Úc Châu đã phát biểu cảm niệm và nhắc nhở những kỷ niệm cùng làm việc với Hòa Thượng Thích Phước Huệ tại những đại lễ Phật Giáo ở Sydney và Bangkok.

Về phía cộng đồng Việt Úc, Linh mục Chu Văn Chi, Cộng đồng Công Giáo Việt Nam, Tổng Giáo Phận Sydney, quý Ông Nguyễn Chánh Giáo và Nguyễn Thành Nghiệp, đại diện Cao Đài Giáo Úc Châu và Ông Nguyễn Văn Thanh, Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại Tiểu Bang NSW đã tham dự và phát biểu cảm tưởng.

Rất đông chư tôn đức Phật Giáo Việt Nam tại Australia cũng đã có mặt tham dự và diễn đọc diếu văn. Đại diện cho Văn Phòng 2 Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là Hòa Thượng Thích Phước Nhơn, và đại diện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi-Tân Tây

Lan là Thượng Tọa Thích Trường Sanh, Phó Hội Chủ, đại diện Hòa Thượng Hội Chủ Thích Như Huệ. Ngoài ra, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Tôn cũng đến viếng tang tại Tô Đình Phước Huệ, cũng như Thượng Tọa Thích Phước Ân từ Auckland, New Zealand và Thượng Tọa Thích An Chí từ Oslo, Na Uy ở Bắc Âu.

Tô Đình Phước Huệ cũng đã nhận được rất nhiều thông điệp phân ưu từ các tổ chức Phật Giáo Thế Giới và các tự viện Phật Giáo Việt Nam ở hải ngoại và Việt Nam, chẳng hạn như Hòa Thượng Liao Chung, Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới, Cư sĩ Ngài Phan Wannamethee, Chủ tịch Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới, Hòa Thượng Thích Minh Thông, Viện Chủ Tô Đình Vĩnh Nghiêm, Hoa Kỳ. Và tất nhiên hàng ngàn lượt Phật tử người Việt đã đến viếng tang trong 3 ngày Tang Lễ mà Trưởng ban tổ chức là Hòa thượng Thích Phước Bôn, Khai sơn Trụ trì Phước Huệ Đạo Tràng tại Los Angeles, California Hoa Kỳ và Phó trưởng Ban là Thượng Tọa Thích Phước Tấn, Trụ trì Chùa Quang Minh ở Melbourne. Hòa thượng Thích Phước Bôn là môn sinh của Đại Lão Hòa Thượng Thích Phước Huệ trong thập niên 1950 tại Việt Nam và Thượng tọa Thích Phước Tấn là môn sinh trong thập niên 1980 tại Australia.

Hòa Thượng sinh năm 1922 tại Gia Định. Ngài đã xuất gia năm 13 tuổi, 16 tuổi thọ giới Sa Di và năm 20 tuổi thọ cụ túc và đắc giới Tỳ Kheo nơi Sơ Tổ Liễu Thiên.

Sau Phật học Đường Liên Hải, Hòa Thượng tiếp tục theo học khóa Cao Đẳng Phật Học đầu tiên ở Chùa Ấn Quang, Sài Gòn. Ngài trở thành giáo sư giảng dạy tại Ấn Quang là cơ sở giáo dục đại học Phật Giáo hàng đầu của Việt Nam.

Sau khi tốt nghiệp các khóa Cao Đẳng Phật học và trở thành bậc thức giả, Ngài chú trọng vào việc đào tạo Tăng tài cho Phật Giáo Việt Nam. Từ năm 1954, hoạt động Phật sự chính yếu của Ngài diễn ra tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, bên cạnh những trọng trách khác. Hòa Thượng đã sáng lập và làm Giám

Đốc trường Trung học Bồ Đề Long Xuyên. Khi trở lại Sài Gòn, Ngài được cử làm Đốc Giáo Phật Học Đường Nam Việt. Đầu thập niên 1960, là Tổng Thư Ký Phái đoàn Giáo hội Tăng già Nam Việt tham dự Đại hội thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Cố Hòa Thượng đã giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mà chức vụ sau cùng trước khi rời Việt Nam là: Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Giáo Hội này đã bị nhà cầm quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cấm hoạt động.

Tại Việt Nam, Hòa Thượng đã trùng tu, tiếp nhận và kiến lập nhiều ngôi chùa tại vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long và các tỉnh quanh Sài Gòn.

Hòa thượng Thích Phước Huệ là vị tăng sĩ Phật Giáo Việt Nam đầu tiên thường trú tại Australia, khi Ngài đặt chân đến Melbourne năm 1980 từ một trại tị nạn ở Hong Kong. Trong suốt 3 thập niên, Hòa Thượng đã xây dựng được nhiều tự viện tại Sydney và Melbourne. Ngài là Chủ tịch sáng lập Hiệp Hội Phật Giáo Việt Nam năm 1981 và là Viện Trưởng Viện Hoàng Đạo từ năm 1987 đến năm 2008, khi Hiệp Hội được cải danh và trở thành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Châu-Tân Tây Lan.

Trong Điều Từ, Hòa thượng Thích Phước Bôn nói: “Hàng hậu học chúng con không bao giờ quên ơn đức của Đức Tông Trưởng, dưới mái học đường, chúng con không những học hành được tiến bộ, sinh hoạt ngoại khóa đem lại những điều bổ ích cho kiến thức của tuổi trẻ, tuổi ấu thơ, lại còn có được những bữa ăn no đủ, thuốc men khi đau bệnh đều nhờ sự chăm sóc của Đức Tông Trưởng...”

Trong một phỏng vấn ngắn với chúng tôi tại Tang Lễ, Thượng tọa Thích Phước Tấn kể lại kỷ niệm đối với Hòa Thượng Thích Phước Huệ, khi Thầy Phước Tấn lúc bấy giờ là một cậu bé tị nạn 13 tuổi và được Hòa Thượng chăm sóc dạy dỗ từ năm 1981:

TT Phước Tấn: “Xin chào Cô Ngọc Hân, kính chào toàn thể quý vị thính giả của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ. Vừa đặt chân đến Úc, hay tin Hòa Thượng ở Sydney trong khi tôi được định cư tại Nam Úc nên sáu tháng sau, tôi lên Sydney để cư trú tại Chùa Phước Huệ cuối năm 1981. Vừa đến Chùa thì Chùa đang tổ chức mừng Chu Niên 1 năm tại Hamilton Road, Fairfield NSW. Hồi tưởng lại những năm đầu tiên đó, tôi thấy mình rất may mắn và hạnh phúc vì trực tiếp được Hòa Thượng dạy dỗ mỗi ngày một. Tôi nhớ rằng buổi sáng thì xách cặp đi học ở trường, lúc đó tôi đang học Lớp 7 trung học, về đến thì lo việc Chùa rồi tối lại thì Hòa Thượng trực tiếp dạy dỗ.

“Tôi nhớ rằng những bài Kinh đầu tiên, Hòa Thượng vừa dạy chữ Hán và chữ Việt. Những năm đó tôi nhớ là học rất hồn nhiên và vô tư bởi vì lúc đó tập trung vào việc học các bài Kinh và học một cách rất nhanh chóng. Lúc đó không biết chúng đã trở thành vốn liếng Hán ngữ cũng như Kinh điển mà tôi đã huân tập được trong tiến trình học hỏi của mình. Rất nhiều điều trong khoảng thời gian đó kể cả Nghi lễ và một trong những điểm phúc rất lớn là được ở gần Hòa Thượng vì cách làm việc của Hòa Thượng có một phong thái rất đặc biệt mà sau đó khi được bổ nhiệm đến các trụ xứ như Chùa Quang Minh ở Melbourne, tôi hồi tưởng lại giai đoạn học hỏi trước đây đáp ứng với môi trường mới lạ khi được bổ nhiệm”.

Trong số rất nhiều cá nhân và tổ chức đã đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và hoằng pháp của Hòa thượng Phước Huệ, Bà Nhu Hòa, Hội trưởng Hội Phụ Nữ Phật Tử Việt Úc, cũng nhắc lại:

Bà Nhu Hòa: “Dạ thưa quý vị thính giả Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ. Tôi đem tâm về phục vụ cho Chùa vì hai nguyên nhân: thứ nhất là phụng sự Đạo Pháp, thứ nhì là tạ ơn Hòa Thượng. Về sau Hòa Thượng có khuyến khích chúng tôi lập nên một Hội gọi là Hội Phụ Nữ Phật tử Việt Úc tại NSW để có tiếng nói của Chùa vì ngày đó Chùa chưa có đất để xây, phải phấn đấu nhiều lắm. Từ đó tôi đã quanh quẩn liên tục với Chùa cũng đã 25 năm rồi. Sau đó Hòa Thượng giao cho tôi liên lạc với Bộ Di

Trú, phải nói là Hòa Thượng đã bảo lãnh tất cả 40 vị Tăng tổng cộng do chính tay tôi làm hồ sơ.

“Sự thực vào năm 1984, Phật giáo Việt nam chưa có tiếng nói tại Úc. Về sau chính Ông Thủ Hiến Tiểu Bang NSW Barry Unsworth có tổ chức một bữa tiệc để giới thiệu Phật giáo Việt Nam tại Úc cho các cơ quan chính quyền và cộng đồng Phật tử tại Úc.

“Người ta khuyên tôi nên tiếp xúc với ba tờ báo lớn của Úc. Mới đầu họ không chịu nhưng sau khi tôi nói chuyện rồi thì ba ngày sau trên tờ Sydney Morning Herald có đăng ‘free’ một bài khoảng 1/3 trang báo. Ông Barry Unsworth sau khi đọc bài này đã cử ngay hai nhân viên thân tín đến gặp tôi và nói rằng hiện nay Phủ Thủ Hiến đã tìm được mấy miếng đất nhưng hãy còn rừng cây, như thế có nhận không? Tôi trình lại Hòa Thượng và sau đó họ đến gặp Hòa Thượng. Miếng đất đó hiện nay là Chùa Phước Huệ bây giờ, hồi đó giá đất rẻ lắm. Nhờ thế mà Hòa Thượng khánh thành ngôi chùa vào năm 1987.”

Đại Lão Hòa Thượng Thích Phước Huệ 1922-2012, còn được huân chương Order of Australia vào ngày Quốc Khánh Úc năm 1995, vì những đóng góp của Ngài vào sự phát triển Phật Giáo Việt Nam và xã hội văn hóa đa nguyên tại Australia.

Sau Lễ Truy Niệm, Tang Lễ Đại Lão Hòa Thượng Pháp Chủ Tổ Đình Phước Huệ và Tông trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái đã được cử hành ngày 09-02-2012, trong bầu không khí trang nghiêm và rất cảm động, với sự tham dự đông đảo của chư tôn đức tăng ni, gia đình Phật Tử Việt Nam tại Úc và đồng hương Phật tử.

Ngọc Hân tường trình Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA từ Sydney Australia.

(*Nguồn:* Chương trình Tiếng Việt Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA, lúc 10 giờ tối Thứ Hai 13 -02-2012)



Cảm ơn cuộc sống

Lời Tòa Soạn: *Như đã thông báo trong đặc san Phước Huệ số 49, tòa soạn có mở thêm mục: “Cảm Ơn Cuộc Sống”, để cho quý độc giả có thể tham gia viết bài nhằm cảm niệm thâm ân mà do hoàn cảnh chung quanh đã đem lại nguồn sống an vui hạnh phúc cho chính mình. Bài viết sẽ được giới hạn tối đa chỉ một trang giấy đánh máy thôi. Mong quý độc giả hoan hỷ cùng nhau tham gia để chia sẻ tâm tư vào tiết mục hữu ích này. Những bài viết của quý vị gửi đến, chúng tôi sẽ lần lượt cho đăng theo thứ tự vào mỗi kỳ báo.*

Kính thưa quý độc giả,

Lại một lần nữa, để đáp ứng lời kêu gọi của Đại Đức Thích Phước Thái, mỗi kỳ báo chúng tôi xin viết một đoạn văn công hiến quý độc giả với đề tài “**cảm ơn cuộc sống**”.

Trong suốt cuộc đời làm người của chúng ta, có ai mà không chịu ơn cuộc sống. Riêng trong bài này chúng tôi xin viết về đề tài cảm ơn cuộc sống qua lăng kính của Phật giáo.

Tôi xin bắt đầu như sau: Tôi sinh ra đời trong một gia đình trung lưu. Ba tôi là một công chức Sở Bưu Điện kiêm thêm nghề viết văn, làm báo. Mẹ tôi là một người nội trợ đảm đang. Gia đình tôi có năm anh em mà tôi là út.

Đáng lẽ ra gia đình tôi sống rất hạnh phúc an nhàn thanh thoi vì ngày xưa đồng lương công chức cũng đủ nuôi sống một mái ấm gia đình.

Nhưng cuộc đời không phải lúc nào cũng bình yên như ý mình mong ước. Ba tôi tuy làm việc cho Sở Bưu Điện của Pháp nhưng lúc nào ông cũng căm thù người Pháp và hướng về quê hương.

Trong những buổi lễ chào quốc kỳ Pháp ông thường lánh mặt. Ban Giám Đốc Sở Bưu Điện bắt đầu để ý và cảnh cáo ông. Ông đã dám nói

thật và nói thẳng tư tưởng chống đối của mình. Và hậu quả cuối cùng là ông bị đuổi sở.

Gia đình chúng tôi lâm vào cảnh túng thiếu. Mẹ tôi nhờ có nghề thêu nên bà đã thêu từng chiếc áo trẻ em và đem ra chợ bán để nuôi cả gia đình. Điều làm cho chúng tôi thán phục là Bà dám can đảm động viên Ba tôi đi ra bưng kháng chiến chống Pháp. Ba tôi là đảng viên của đảng Xã hội Pháp S.F.I.O.

Ba tôi cũng cùng có tư tưởng như Mẹ tôi nhưng ông không dám quyết định một mình. Ông chỉ đợi Mẹ tôi đưa ý kiến ra là ông tán đồng ngay.

Thế là ba tôi ra đi. Lúc đó tôi mới có 5 tuổi. Ba tôi dẫn theo Anh Hai tôi. Gia đình tôi còn lại 5 người gồm Mẹ tôi, Anh Ba, Chị Tư, Anh Năm và tôi là út.

Năm mẹ con chúng tôi sống rất chật vật. Đôi khi trong bữa ăn chỉ có một tô nước mắm ớt dầm vào đó một quả trứng luộc và cả nhà chỉ chan nước mắm mà ăn với cơm. Thế mà Mẹ tôi vẫn cố gắng chạy cơm từng bữa và vẫn cho chúng tôi đến trường học.

Sau khi ba tôi đi kháng chiến rồi, thì bạn bè của ba tôi thường quan tâm chăm sóc đến chúng tôi. Anh chị tôi được cho vào học miễn phí tại một trường tư thục do bạn ba tôi làm hiệu trưởng. Anh chị tôi rất thông minh. Cả hai anh chị tôi đều thi đậu bằng Brevet élémentaire của Pháp, nhưng vì hoàn cảnh gia đình quá nghèo nên hai anh chị đều phải nghỉ học ra đi làm sớm. Hai anh chị tôi rất buồn nhưng cũng đành phải hy sinh để phụ với Mẹ tôi nuôi hai đứa em còn lại, đó là anh kế tôi và tôi.

Anh kế tôi may mắn thi đậu vào Trường Cán Sự Công chánh ở Phú Thọ. Còn tôi thì lại càng may mắn hơn là thi đậu được vào Trường Marie Curie của Pháp. Lúc này gia đình tôi đỡ vất vả vì hai anh chị lớn của tôi đi làm có đồng lương đắp đổi phụ với Mẹ tôi. Tội cho Mẹ tôi vẫn còn phải còng lưng thêu từng chiếc áo trẻ con để bỏ mồi ở chợ Bến Thành.

Thời gian cứ thế trôi qua. Năm mẹ con chúng

tôi vẫn đùm bọc với nhau mà sống. Ba tôi và anh Hai tôi vẫn biên biệt đi theo tiếng gọi của núi sông. Sau 3 năm học ở Phú Thọ, anh kể tôi tốt nghiệp và tìm được việc làm ở Nhà Máy Xi Măng Hà Tiên. Anh tôi bèn đề nghị hai anh chị lớn của tôi phải đi học lại, anh sẽ thay thế hai anh chị phụ với Mẹ lo cho gia đình.

Sau 3 năm đèn sách, hai anh chị tôi đều đỗ đạt thành danh cả. Anh lớn thì đậu Đốc sự Quốc gia hành chánh; còn chị kế thì đậu ngành Nữ Hộ sinh quốc gia. Chỉ còn có một mình tôi đi học cho nên gia đình rất “dễ thở”, thoát được cảnh nghèo cùng.

Hôm nay, sở dĩ tôi ngồi hồi tưởng lại quá khứ nghèo nàn của gia đình tôi lúc xưa để thấy rằng tôi chịu ơn gia đình của tôi nhiều quá. Tất cả những người thân của tôi đều là ân nhân của tôi cả. Tấm gương hy sinh của Mẹ và anh chị tôi thật là hiếm có và cao quý vô cùng.

Riêng đối với Ba tôi, tôi hết lòng thán phục. Ông đã dám từ bỏ hạnh phúc cá nhân để dấn thân vào cuộc sống kham khổ trong bụng biên theo tiếng gọi của núi sông. Mẹ tôi lại còn anh dũng hơn ba tôi nữa. Bà dám động viên Ba tôi ra đi để rồi một mình Bà phải vất vả nuôi con, vừa làm cha, vừa làm mẹ.

Riêng tôi chỉ biết hưởng thụ. Tất cả mọi sự hy sinh của gia đình đều dồn cho tôi. Cũng may là tôi cũng học hành đỗ đạt, không đến nỗi phụ lòng những người thân nhất đời tôi.

Hỡi ôi! Sự vô thường đã lần lượt cướp đi mạng sống của tất cả những người thân của tôi! Mỗi khi nghĩ tới đây tôi đều ngậm ngùi thương cảm. Mẹ ơi, Ba ơi, tất cả các anh chị ơi, sao nữa nào rũ áo ra đi bỏ lại một mình con đơn độc sống trên cuộc đời này!!! Bây giờ con muốn báo đáp ân sâu thì cũng không còn cơ hội!

May mắn thay, khi tôi lớn lên, tôi nghe ông bà ta thường nói: **“Nhứt nhơn hành đạo cứu huyên thăng”**. Tôi suy nghĩ như thế này, nếu bây giờ tôi không còn cơ hội để báo đáp ân sâu của những người thân theo phương cách của người đời, có nghĩa là áp lạnh, quạt nòng, cung phụng vật chất cho thật đầy đủ, thì ít ra cũng

còn một phương cách trong đạo, đó là **“Nhứt nhơn hành đạo cứu huyên thăng”**. Đó cũng là một phương cách báo hiếu và đền đáp ân sâu rất là hay!

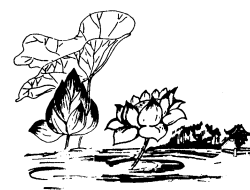
Thế là tôi quyết định xuất gia. Có lẽ việc xuất gia của tôi nó nằm trong tiền định, cho nên tôi gặp được mọi điều suông sẻ. Tôi được Thầy Trụ Trì Thích Phước Tấn giới thiệu tôi với cố Hòa thượng Tông Trưởng thượng Phước hạ Huệ. Sư Phụ đã chấp nhận tôi một cách hết sức dễ dàng và kể từ đây tôi đã có nơi nương tựa. Tôi theo Sư Phụ học Đạo hơn mười năm nay. Lúc nào tôi cũng ở bên cạnh Sư Phụ. Sư Phụ tận tình dạy dỗ chỉ bảo cho tôi từng chút. Lúc nào tôi cũng nghĩ rằng Sư Phụ vừa là Thầy, vừa là cha của tôi.

Than ôi! Tôi đâu có ngờ, lại một lần nữa vô thường đã cướp mất mạng sống của Sư Phụ quý kính của tôi. Tôi buồn đến ngẩn ngơ! Mỗi khi tôi ngồi làm việc trên phòng vi tính, tôi đều nhớ đến Sư Phụ đến phát khóc. Trước đây mỗi lần đánh xong một bài báo tôi đều in chữ thật to, size 20, để trình cho Sư Phụ duyệt. Bây giờ tôi không in chữ to nữa, vì Sư Phụ có còn đâu nữa mà duyệt, mà xem!!!

Thôi thì, bây giờ, con chỉ còn biết lo tu và làm theo những gì Sư Phụ đã dạy bảo để báo đáp thù ân! Con bây giờ cảm thấy rất bơ vơ trống vắng sau sự ra đi của Sư Phụ. Con hoàn toàn giống như một kẻ mồ côi. Những người thân trong gia đình đều lần lượt bỏ con mà đi. Cuối cùng còn lại một mình Sư Phụ, Sư Phụ cũng nỡ bỏ con vĩnh viễn ra đi về với Phật. Ôi còn đâu những ân tình, ân nghĩa! Còn đâu những giây phút thiêng liêng đậm đà tình cảm với người thân!!!

Thôi thì con chỉ còn biết chí thành cầu nguyện, trước là cho Sư Phụ được Cao Đăng Phật Quốc, thượng phẩm thượng sanh; sau nữa là cầu nguyện cho Ba, Mẹ, và tất cả các anh chị đều được vãng sanh về miền Cực Lạc!!!

Phước Thanh



Kinh Phaùp Cuù

LTS: Nhân kỷ niệm một trăm ngày Hòa Thượng Bốn Sư viên tịch, để tưởng nhớ và cảm niệm ân đức của ân sư, chúng tôi xin đăng lại bài viết của Hòa Thượng Bốn Sư trên kỷ yếu nhân Đại Hội Khoáng Đại Kỳ 1 năm 1973 của Phật Giáo Việt Nam Thiên Thai Giáo Quán Tông và Hòa Thượng là chủ biên.

Phỏng dịch

Bài 4:

CÂU CHUYỆN NÀNG LIÊN HOA

Ngày xưa, lúc Đức Phật ngự tại non Kỳ Xà Quật, thành La Duyệt Kỳ.

Trong thành có nàng Kỹ nữ tên Liên Hoa, tu mạo đoan trang, hoa nhường, nguyệt thẹn. Các hàng Vương tôn, Công tử trong thành ai ai cũng gắm ghé, tìm hết cách để cầu thân. Nhờ được cái sắc đẹp mê hồn của trời ban, nàng sống đầy đủ trong sự nuông chiều, dật lạc của những kẻ chơi hoa cho biết mùi hoa.

Bỗng một hôm nọ, nàng nghe chán chường với cuộc sống sa đọa, tội lỗi hiện tại, nhớ đến dung nghi rực rỡ, tự tại, giải thoát của Đức Phật và đồ chúng, hàng ngày đi khát thực ngang qua. Tâm lành tự nhiên vụt hiện ra trong đầu óc nàng. Nàng muốn trốn chạy, chôi bỏ tất cả đam mê trần lụy, để đi tu. Nàng nghĩ: chỉ có đi tu, sống đời sống trong sạch, không màng danh lợi, phù hoa, mới mang đến cho nàng được sự thoải mái, dứt được những ưu tư đang làm cho đầu óc nàng bị quay cuồng xáo trộn.

Thực hành ngay ý định, nàng sửa soạn lên đường đi vào non Kỳ Xà, để tìm gặp Đức Phật, cầu mong được xuất gia tu niệm.

Trên đường vào non, nhân ngồi nghỉ mệt dưới bóng cây bên vệ đường, thấy có giòng suối mát, nước trong xanh, nàng liền đến bên suối, lấy tay khoác nước rửa mặt. Chợt thấy bóng mình in trên mặt nước, mặt hoa, da phấn, mắt nhưng đen huyền, tóc dài óng ả, vóc dáng đẹp xinh, tư dung yếu diệu, nét trẻ chưa tàn, nơi nàng vẻ đẹp tươi chưa mất. Nàng sanh lòng hối hận, tự bảo: Người đời dễ có mấy ai được tạo hóa ban cho một vóc hình kiều diễm như

Phaảm Voà Thồøng

Tịnh Lạc

ta. Tại sao ta lại có ý nghĩ ngu xuẩn đến nỗi muốn bỏ cả cuộc đời hoa mộng xinh đẹp thế này mà cắt tóc đi tu ? Ôi! Lạ lùng cho mình chưa ? Tại sao ta không hưởng tất cả những lạc thú của cuộc đời, trong khi ta vẫn còn đủ đầy xuân sắc ? Nàng suy nghĩ miên man, cuối cùng lý trí bị dòn vào ngõ tối, dành chỗ cho lòng ham muốn đang nổi dậy mãnh liệt trong tâm hồn nàng. Nàng nhất định: trở về để sống với cuộc sống quay cuồng, vật chất như cũ.

Đang ngồi tọa thiền trong Tịnh thất, Đức Phật biết ý ấy của nàng, vội hóa hiện ra một người đàn bà trẻ, đẹp hơn nàng thập bội, ngược chiều đi lại.

Nàng Liên Hoa vừa trông thấy cô ta là có cảm tình ngay, liền vội đến làm quen và bắt đầu gọt chuyện

- Thưa cô, cô từ đâu lại ? Gia đình cô ở đâu ? Tại sao cô xinh đẹp thế này, quý phái thế này, mà lại đi có một mình nơi rừng vắng?

Nàng nọ liền trả lời:

- Tôi từ trong thành đến và sắp trở về nhà, vì quen sống tự do phóng khoáng nên không cần ai hầu hạ. Chúng ta tuy mới quen nhau, nhưng xin mời cô vui lòng đến bên bờ suối ngồi nghỉ và chúng ta sẽ cùng nhau đàm đạo. Nàng nhận lời ngay và cùng kéo nhau đến bên bờ suối cùng hàn huyên tâm sự.

Câu chuyện đang đến hồi tương đắc, bỗng nàng kia kêu mệt, nằm ghé đầu trên đùi nàng Liên Hoa và thiếp đi. Bỗng đôi mắt nàng ta trợn trừng, thất sắc, đôi tay quờ quạng trong khoảng không, hơi thở đứt nối, mặt nhợt, trông thật thê thảm, rồi cuối cùng nàng thở hắt ra và đi xuôi. Giây lâu toàn thân cứng đờ, thân sắc đổi từ màu trắng bệch, đến màu xám ngoát, rồi sinh chướng lên, dần dần tứ chi rời rã, da nứt, thịt rữa, hôi thúi không thể tưởng. Quá đời

sợ sệt, nằng hốt hoảng mắt cả hồn vía, bỏ chạy bỏ càng. Đến lúc không còn trông thấy xác chết nữa mới hoàn hồn, nằng nghĩ: người đẹp dễ thế kia, quý phái thế kia mà chỉ trong phút chốc lại chết đi, trạng thái hình thể đổi thay một cách nhanh chóng và dễ sợ như vậy, thân thể của ta đây rồi sau sẽ ra sao? Qua phút kinh hoàng đến mắt cả hồn vía đó, nằng mới tự suy nghĩ và ăn năn, hối hận về những ý tưởng xấu xa khi trước.

Nằng liền quày quả theo đường lên núi, tìm ngay đến chỗ Phật. Khi gặp được Đức Phật, nằng dập đầu đánh lễ, khóc lóc đem tự sự vừa qua thuật lại cho Phật nghe.

Đức Phật cứ để yên cho nằng thuật. Thuật xong nằng kêu cầu sự cứu rỗi của Ngài. Bằng cấp mắt từ bi thương xót, Phật bảo:

Con người có bốn việc không thể nương cậy:

**Trai trẻ rồi sẽ già nua,
Mạnh khỏe rồi sẽ bệnh hoạn, chết chóc,
Bà con hội họp rồi sẽ chia ly,
Của cải chứa nhiều rồi phải phân tán.**

Phật liền tiếp nói bài kệ:
**Già yếu thời sắc suy,
Mạnh bị bệnh tự hoại,
Thế xác sẽ rã rời,**

**Mạng thác chắc như vậy.
Thân này dùng được gì ?
Tuông chảy những nhớp nhơ,
Bị bệnh khổ ép ngặt,
Rồi mang hoạn già, chết,
Thèm muốn tự buông lung,
Tăng trưởng điều phi pháp,
Không nghĩ: sẽ tan biến,
Mạng sống không còn hoài,
Không thể cậy cháu con,
Chẳng nhờ được cha, anh,
Khi thân chết đã đến,
Không nương cậy ai được.**

Nằng Liên Hoa nghe Phật thuyết kệ xong, vui mừng tự quán sát và hiểu rõ được lẽ vô thường của sự vật, biết thân như huyễn hóa, mạng sống không dừng lâu, chỉ có Đạo Đức mới là thường an. Nằng liền bạch Phật xin nguyện xuất gia làm Tỳ Khuru Ni.

Phật bảo: Lành thay, hay thay, người thiện nữ ! Tức thời nằng được ở trong Đạo pháp xuất gia, rồi nhờ tinh tiến chánh quán, tư duy thành A La Hán (1). Những người có mặt trong pháp hội ấy thấy đều vui mừng.

Giải thích: (1) A La Hán: Quả vị cuối cùng của Thanh Văn Tiểu thừa. Tàu dịch là Vô Sanh, nghĩa là diệt hết ngã chấp phiền não, giải thoát

*(Kính dâng giác linh cố Hòa Thượng
Trưởng lão thượng Phước hạ Huệ)*

Thầy ơi! Thầy đã đi rồi!
Vàng trắng mây phủ, đất trời buồn thay!
Phật kỳ buông rủ gió lay,
Tiếng chim nức nở trên cây đoạn trường!
Chuông chùa kêu tiếng bi thương,
Côn trùng thỏn thức vấn vương bóng Thầy.
Quanh chùa hoa cỏ héo gầy,
Biết bao đệ tử khóc Thầy nhớ thương.
Thầy là ngọn đuốc soi đường,
Thầy mang gió mát tình thương cho người.
Bao năm sống ở trên đời,
Thầy lo đào tạo khắp nơi tăng tài.
Hoằng truyền giáo pháp Như Lai,
Lập chùa xây tháp, tượng đài nhiều năm.
Quyết tâm xây Đại Tông Lâm,
Để cho Phật tử dưỡng tâm tu hành.
Công trình chưa được hoàn thành,
Vô thường ập đến phải đành xuôi tay.

Khoàic Thaày



Tuổi già sức yếu ốm gầy,
Làm sao tránh được thân này bệnh đây?
Đời người nào khác đám mây,
Như hoa xuân rụng gió bay khắp đường.
Thầy đi về cõi Tây phương,
Để bao kỷ niệm nhớ thương nơi này.
Xác thân lưu lại nơi đây,
Nằm yên trong tháp cỏ cây buồn rầu.
Tông lâm tang tóc một màu,
Suối tuôn dòng lệ, vạc sầu kêu sương!
Mái chùa buồn bã thể lương,
Lời kinh trầm bổng mùi hương ngạt ngào!
Cuộc đời như giấc chiêm bao,
Có không, không có khác nào mây trôi.
Cửa chùa vắng bóng Thầy rồi,
Chuông ngân chậm chậm đây lời tiếc thương!

Trí Đạt

Quaùn Kinh Tôù Thieáp Sôù

Tập ký: Đường, Sa Môn Thiện Đạo

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc



(tiếp theo)



Quyển bốn:

PHÂN TÁN THIỆN

Từ đây về sau giải về nghĩa ba bậc 9 phẩm thêm hậu phần tán thiện. Khi nói về phần tán thiện này, chúng ta cần xác minh lại ba phước, vì ba phước là chánh nhơn, còn ba bậc chín phẩm là chánh hạnh. Chánh nhơn đã thành tựu, chánh hạnh chắc chắn dễ thành công. Thế nào là Ba Phước? Phước thứ nhất thuộc về thế tục thiện căn, hành giả chưa hiểu Phật pháp, nhưng tự thật hành trọn đạo nhân luân như hiếu dưỡng, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín nên gọi là thế tục thiện. Phước thứ hai thuộc về trì giới thiện căn. Trong giới này gồm có các giới như trời, người, Thanh văn, Bồ tát. Trong ấy, hoặc có giới đầy đủ, giới không đầy đủ, hoặc trì đầy đủ, hoặc không đầy đủ, chỉ cần phát nguyện hồi hướng đều được vãng sanh. Phước thứ ba thuộc về xuất thế gian thiện căn, hành giả phát tâm Đại thừa, dù là phàm phu muốn thật hành hạnh này, chính tự mình làm, lại khuyên những người có duyên cùng làm, bỏ ác theo thiện, hồi hướng vãng sanh về Tịnh độ.

Trong ba phước này, hoặc có người chỉ thật hành thế gian thiện căn hồi hướng cũng được vãng sanh, hoặc có người chỉ hành trì giới phước hồi hướng cũng được vãng sanh, hoặc có người chỉ hành xuất thế thiện căn hồi hướng cũng được vãng sanh. Hoặc có người thật hành hai phước trước hồi hướng cũng được vãng sanh, hoặc có người thật hành hai phước sau hồi hướng cũng được vãng sanh, hoặc có người thật hành đủ ba phước hồi hướng cũng được vãng sanh. Trái lại, người

không hành ba món phước này gọi là hàng thập ác, tà kiến, xiển đề. Sau đây là chín phẩm ba bậc tán thiện.

14. Thượng Bồi Quán Hạnh Thiện

Gồm có 3:

- Thượng phẩm Thượng sanh,
- Thượng phẩm Trung sanh và
- Thượng phẩm Hạ sanh.

a. Thượng Phẩm Thượng Sanh

Kinh văn: Phật bảo: A Nan và Vi Đề Hy! Thượng Phẩm Thượng sanh là thế nào? Nếu có chúng sanh muốn sanh về cõi kia nên phát 3 thứ tâm:

- Tâm chí thành.
- Tâm sâu thiết.
- Tâm hồi hướng phát nguyện, tất sẽ được vãng sanh.

Lại có 3 hạng hữu tình được sanh về Cực lạc:

- Hạng có lòng xót thương, không giết hại, giữ tròn các giới hạnh.
- Hàng đọc tụng kinh điển Đại thừa (phương đẳng);
- Tu hành lục niệm hồi hướng phát nguyện sanh về An Dưỡng.

Nếu đủ các công đức như thế, từ 1 ngày cho đến 7 ngày liền được vãng sanh về nước kia. Do kẻ ấy tinh tấn dũng mãnh, nên khi sanh, Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỷ kheo, đại chúng Thanh văn, vô lượng chư thiên, vô lượng thất bảo đều hiện đến. Khi ấy Quán Thế Âm Bồ tát bưng đài kim

cang, cùng Đại Thế Chí Bồ tát, tới trước hành giả. Phật A Di Đà phóng đại quang minh, chiếu đến thân người vãng sanh, rồi cùng chư Bồ tát đồng đưa tay tiếp dẫn. Hai vị Đại Thánh Quán Thế Âm, Đại Thế Chí lại cùng vô số Bồ tát, đồng thanh khen ngợi, khuyến tấn. Hành giả mục kích cảnh ấy rồi sanh tâm vui mừng khắp khởi, tự thấy mình ngồi trên đài kim cang theo sau Phật và Thánh chúng, trong khoảng khảy móng tay sanh về Cực lạc. Khi đã sanh về cõi kia, lại thấy kim thân của Phật đầy đủ các tướng. Chư Bồ tát sắc tướng cũng đầy đủ trang nghiêm, các ánh sáng và rìng báu đều diễn thuyết pháp mầu. Hành giả nghe xong liền ngộ Vô sanh pháp nhẫn. Trong giây lát, phụng thờ chư Phật khắp mười phương, được thọ ký trước chư Phật, rồi trở về bốn quốc, chứng vô lượng trăm ngàn môn đà ra ni. Đây gọi là Thượng phẩm Thượng sanh.

Giảng yếu: Đoạn này nói về Thượng phẩm Thượng sanh. Đây là chỉ cho những người phàm phu thuộc thượng thiện Đại thừa tu học gồm:

- Phải là người có lòng tin sâu về Tịnh độ.
- Phải thiết tha cầu nguyện vãng sanh về cõi Phật A Di Đà.
- Phải phát tâm Bồ đề, tùy theo nhiều hay ít.
- Phải biết lợi ích của người được sanh về Tịnh độ.

Trước nói về ba thứ tâm của người bậc thượng. Đoạn này đức Thế Tôn tự hỏi và tự giải bày, vì ý mật khó biết, nên Ngài tùy theo căn cơ mà đem đến lợi ích. Thế nào là tam Tâm?

1- **Chí Thành Tâm:** Chữ chí là chơn, chữ thành là thật. Ý muốn nói hành giả chỗ tu giải hạnh, dùng thân, miệng và ý phải hoàn toàn chơn thật từ trong tâm, không được bên ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn, mà bên trong lại ôm lòng hư giả, tham sân, tà ngụy, gian trá trăm mối, tánh ác không bỏ, lòng như rắn rít. Tuy có khởi tam

ngiệp thân, khẩu, ý đều gọi là cái thiện tạp độc, cũng gọi là hạnh hư giả, không gọi là nghiệp chơn thật. Nếu người an tâm và khởi hạnh như vậy, dù rằng có khó nhọc thân tâm, ngày đêm 12 giờ, chạy gấp, làm gấp như lửa cháy đầu, đều gọi là cái thiện tạp độc. Nếu muốn lấy cái hạnh tạp độc này, cầu sanh về Tịnh độ, chắc chắn không sanh được. Vì sao? Bởi vì đức Phật A Di Đà kia, lúc tu nhơn làm hạnh Bồ tát, trong mỗi niệm, mỗi sát na, ba nghiệp tu hành đều từ tâm chơn thật mà ra. Vì thế, hành giả muốn cầu sanh về, trước tiên phải có tâm chơn thật. Lại nữa chơn thật có 2 thứ:

- Tự lợi chơn thật: Trước tiên chúng ta phải ngăn ngừa và dứt bỏ các thứ ác phân biệt mình người và nhằm chán cõi uế ác. Hằng ngày, lúc đi đứng ngồi nằm, tưởng bỏ tất cả việc ác đồng như các Bồ tát.

- Lợi tha chơn thật: Đồng thời dùng tâm chơn thật siêng tu các thiện của Bồ tát. Trong tâm chơn thật, khẩu nghiệp ngợi khen Phật A Di Đà và y chánh trang nghiêm. Lại trong tâm chơn thật, miệng nói việc nhằm chán khổ ác của ba cõi, sáu đường. Đồng thời khen ngợi tất cả chúng sanh ba nghiệp làm việc thiện. Nếu người không làm việc thiện thì ta phải kính mà xa lánh, cũng không tùy hỷ. Dùng tâm chơn thật, thân nghiệp chấp tay lễ kính, tứ sự cúng dường Phật A Di Đà và hai báo y, chánh. Dùng tâm chơn thật, trong kinh chê thân nghiệp, chán bỏ việc sanh tử trong tam giới. Dùng tâm chơn thật, trong ý nghiệp tư tưởng, quán sát ức niệm Phật A Di Đà và y báo, chánh báo cõi kia như ở trước mắt. Dùng tâm chơn thật trong ý nghiệp kinh chê, chán bỏ sanh tử trong tam giới. Ba nghiệp bất thiện này phải dùng tâm chơn thật dẹp bỏ. Nếu khởi ba thiện nghiệp, cần phải trong tâm chơn thật, từ ngoài vào trong, chỗ tối chỗ sáng đều chơn thật. Được như thế gọi là tâm chí thành.

2- **Thâm Tâm:** Nói thâm tâm là chỉ lòng tin sâu. Tin sâu có 2 thứ:

- Tin sâu thân mình hiện là phàm phu tội

ác trong sanh tử, từ vô lượng kiếp đến nay, thường chìm đắm, lưu chuyển, không có duyên ra khỏi.

- Tin sâu Đức Phật A Di Đà có 48 nguyện lớn tiếp dẫn chúng sanh, không nghi, không lo ngại, cứ nương vào sức nguyện kia, chắc được vãng sanh. Quyết định tin sâu Phật Thích Ca nơi Quán kinh này nói ba phước, chín phẩm, hai thiện định và tán, khen ngợi y báo, chánh báo cõi Phật kia làm cho người ưa mến. Quyết định tin sâu trong kinh A Di Đà, chư Phật hằng sa ở mười phương đều chứng minh và khuyên bảo tất cả phàm phu niệm Phật chắc được vãng sinh.

Tin sâu là mong tất cả hành giả một lòng chỉ tin lời Phật, không tiếc thân mạng, quyết định vãng làm. Phật bảo bỏ thì bỏ, Phật bảo làm thì làm, Phật bảo ra khỏi liền ra, đây gọi là tùy thuận theo lời Phật dạy, tùy thuận theo ý Phật, gọi là tùy thuận theo ý nguyện của Phật, mới gọi thật là con của Phật. Tất cả hành giả phải y theo kinh này. Người có lòng tin sâu thì không mê hoặc chúng sanh. Vì sao? Vì Phật là đấng Đại Bi, nói lời chơn thật. Trừ đức Phật ra, những bậc trí và hạnh chưa đủ, ở trong học địa vì có hai chướng chưa trừ, quả nguyện chưa tròn, các bậc phàm hoặc thánh ấy, dù có so lường giáo ý của Phật cũng không thể quyết đoán rõ ràng, dù có bình luận cũng phải thỉnh Phật chứng chắc. Nếu đúng với ý Phật tức chấp thuận như vậy như vậy. Nếu không phải là ý Phật, phải nói lời ông nói ra nghĩa đó không đúng. Không được chấp nhận những lời đồng với vô ký, vô lợi ích! Phật chấp thuận là tùy thuận chánh giáo của Phật. Lời nói của Phật là chánh giáo, chánh hạnh, chánh nghĩa, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí. Lời nói của trời, người, cho đến Bồ tát là lời phải quấy. Lời Phật gọi là liễu giáo, Bồ tát, trời, người nói đều gọi là bất liễu giáo. Vì thế, chúng tôi kính khuyên tất cả những người có duyên vãng sanh, chỉ nên tin sâu lời Phật, chuyên chú vãng làm, chẳng nên tin dùng Bồ tát và giáo lý bất tương ưng, làm nghi ngại,

mê lầm, bỏ mất lợi ích vãng sanh. Lại nữa, tin sâu là quyết định kiến lập tự tâm, thuận lời Phật dạy tu hành vĩnh viễn trừ được mê lầm, không bị tất cả việc chấp hiểu riêng, làm riêng, học khác, thấy khác làm lui sụt loạn động.

Hỏi: Phàm phu trí cạn, hoặc chướng sâu dày, nếu gặp sẽ khởi giải và hành chẳng đồng, dẫn nhiều kinh luận, để vấn nạn, họ chứng minh rằng: Tất cả phàm phu tội chướng không được vãng sanh, thì làm sao đối trị với vấn nạn này để được thành tựu tín tâm, quyết định thẳng tiến, không sanh lòng lui sụt?

Đáp: Nếu có người dẫn nhiều kinh luận chứng minh phàm phu không được vãng sanh. Hành giả liền đáp rằng: Các vị tuy đem kinh luận chứng minh rằng phàm phu không thể vãng sanh, theo ý tôi thì hoàn toàn không nhận chỗ đã phá của các vị. Vì sao? Thật ra tôi không phải không tin các kinh luận mà các ngài nói là không đúng. Nhưng lúc Phật nói kinh đó, riêng thời, riêng chỗ, riêng đối với căn cơ ấy, riêng lợi ích cho người đương cơ, lúc nói kinh ấy không phải là lúc nói Quán kinh, Vô Lượng Thọ kinh, A Di Đà kinh. Phật nói giáo lý tùy theo thời gian và căn cơ không đồng nhau, có chỗ Phật chỉ nói chung cho hành và giải của Bồ tát và nhơn thiên. Hôm nay nói định thiện và tán thiện của Quán kinh này là vì Bà Vi Đề Hy và tất cả phàm phu ở trong đời dữ năm trước, năm khổ, sau khi Phật diệt độ, mà chúng nhận tu pháp này sẽ được vãng sanh. Vì nhơn duyên này, tôi nay một lòng y theo lời dạy này của Phật, quyết định vãng làm. Dù ông dùng trăm ngàn muôn ức lý thuyết chứng minh phàm phu chẳng được sanh, chỉ làm tăng trưởng thành tựu tín tâm vãng sanh của tôi mà thôi.

Nếu họ chứng minh thêm, hành giả nên nói: Này nhơn giả lắng nghe: tôi nay vì ông mà nói sự quyết định của tướng tin sâu. Giả sử, các bậc địa thượng Bồ tát, Thanh văn, Bích chi... hoặc một người, hoặc nhiều

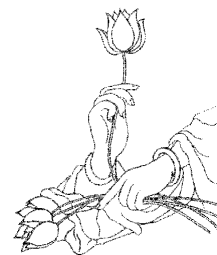
người, cho đến khắp cả 10 phương đều dẫn kinh luận chứng minh phàm phu không thể vãng sanh. Tôi cũng không khởi một chút niệm nghi ngờ, chỉ tăng thêm thành tựu tín tâm. Vì sao? Vì lời Phật chắc chắn thành tựu liễu nghĩa, không bị bất cứ học thuyết nào phá hoại được.

Hành giả nên biết, dù các vị thập địa về trước, hoặc từ thập địa về sau, hoặc nhiều hoặc ít, cho đến khắp 10 phương, khác miệng cùng lời đều nói: Đức Phật Thích Ca khen ngợi Phật A Di Đà, khuyên chúng sanh nhằm chán ba cõi sáu đường, chuyên tâm niệm Phật và tu các thiện, chỉ một đời này, lâm chung được sanh về cõi kia, những lời nói đó đều là hư dối không thể tin được. Tôi dù nghe lời nói ấy, cũng không sanh một chút niệm nghi ngờ, chỉ tăng trưởng thành tựu tín tâm cao nhưt của tôi. Vì sao? Vì lời Phật là liễu nghĩa chơn thật quyết định. Phật là người thật biết, thật hiểu, thật thấy, thật chứng, không phải là lời nghi hoặc trong tâm, không bị dị kiến, dị giải của Bồ tát phá hoại. Nếu thật là Bồ tát đều không trái lời Phật dạy.

Lại còn việc này nữa, hành giả nên biết. Họ đặt giả sử hoặc có Hóa Phật hay Báo Phật, hoặc một hoặc nhiều cho đến đầy đủ mười phương. Mỗi vị đều phóng hào quang, hiện tướng lưỡi che khắp 10 phương đều nói: Phật Thích Ca khen ngợi, khuyên tất cả phàm phu chuyên tâm niệm Phật và tu các việc lành, hồi hướng nguyện sanh Tịnh độ, đó là lời nói hư dối, chắc chắn không có việc này. Tôi dù có nghe chư Phật đã nói, hoàn toàn không khởi một chút nghi hoặc thối lui, lo sợ không được vãng sanh về cõi kia. Vì sao? Vì một Phật cũng như tất cả Phật, tri kiến, hạnh giải, chứng ngộ, quả vị, đại bi của các ngài, không có chút sai khác, cho nên một đức Phật chế ra, tất cả Phật đồng chế ra. Như Phật trước chế ra đoạn sát sanh, thập ác, đệ tử không được phạm, không làm là nghĩa 10 thiện, 10 điều thật hành theo lục độ. Nếu có đức Phật sau ra đời, đâu có thể khuyên đời 10 thiện làm 10 điều ác. Cùng một đạo lý này, suy nghiệm ra biết rõ rằng: Chư Phật lời

nói và việc làm không trái ngược nhau. Đức Thích Ca Mâu Ni chỉ dạy, khuyên bảo tất cả phàm phu trọn đời chuyên niệm, chuyên tu, khi xả báo thân liên sanh về nước kia, cũng tức là mười phương chư Phật đồng tán, đồng khuyên và đồng chứng minh. Vì sao thế? Vì đồng thể đại bi nên một đức Phật hóa độ là tất cả Phật hóa độ, tất cả Phật hóa độ là một đức Phật hóa độ. Trong kinh A Di Đà, đức Phật Thích Ca tán thán các thứ ở cõi Cực lạc trang nghiêm, lại khuyên tất cả phàm phu, từ 1 ngày cho đến 7 ngày, nhưt tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, quyết định được vãng sanh và đoạn sau cũng nói ở mười phương đều có hằng hà sa số chư Phật đồng khen ngợi. Đức Thích Ca ở cõi Ta bà đời dũ năm trước, thế giới ác, chúng sanh ác, tri kiến ác, phiền não đầy đủ, tà kiến lẫy lừng, mà khen ngợi Phật A Di Đà, khuyến khích chúng sanh xung niệm, chắc được vãng sanh và chứng chắc như vậy. Trong lúc ấy, mười phương chư Phật e chúng sanh không tin Phật Thích Ca nói nên cùng lòng, cùng thời đều hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các người phải nên tin chỗ nói, chỗ khen ngợi, chỗ chứng chắc của Phật Thích Ca. Tất cả chúng sanh, không luận phước đức nhiều ít, thời gian gần xa, chỉ cần nhiều thời trọn trăm năm, ít chùng 1 ngày cho đến 7 ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà chắc được vãng sanh, quyết định không nghi. Thế nên, một đức Phật nói là tất cả Phật đồng chứng, việc ấy đúng như vậy. Đây gọi là đối với người mà lập tín.

(còn tiếp)



(tiếp theo)

64. Ý nghĩa chuông trống bát nhã.

Hỏi: Mỗi khi chùa có lễ lớn, con thường thấy chư Tăng Ni hay đánh chuông trống bát nhã. Con không hiểu đánh chuông trống bát nhã có ý nghĩa gì? Kính xin Thầy hoan hỷ giải đáp cho con.

Đáp: Trong nhà Phật, mỗi một Phật cụ đều có một ý nghĩa đặc biệt. Tiếng trống hay tiếng chuông trong thiền môn khi đánh lên đều ngầm có ý là cảnh tỉnh mọi người nên thức tỉnh tu hành. Mỗi thứ khi sử dụng, đều có pháp thức riêng.

Chuông trống bát nhã rất quan trọng trong thiền môn. Chuông trống bát nhã thường đánh lên vào những buổi lễ pháp sự đặc biệt, như thuyết pháp, truyền giới, Sám hối v.v... Và mỗi khi đánh lên ngầm ý thỉnh Phật thượng đường chứng minh. Đồng thời cung nghinh chư Tôn Đức và cũng để cho mọi người chú ý nhiếp tâm trở về với chánh niệm. Cụ thể là giờ hành lễ quan trọng.

Về cách thức đánh chuông trống bát nhã cho đúng, người đánh cần phải y cứ vào bài kệ:

*Bát nhã hội (3 lần)
Thỉnh Phật thượng đường
Đại chúng đồng vãn Bát nhã âm
Phổ nguyện pháp giới đẳng hữu tình
Nhập Bát nhã ba la mật môn (3 lần)*

Muốn đánh chuông trống bát nhã cho đúng theo bài kệ trên, thì người học cần phải học trực tiếp với những vị đã biết qua. Trống bát nhã, thường chỉ có chư Tăng Ni trong chùa sử dụng thôi. Phật tử tại gia muốn học đánh, cần phải đến chùa nhờ chư Tăng Ni chỉ dạy.

Về ý nghĩa, ngoài âm vang của tiếng trống cảnh tỉnh khách trần ra, nó còn nói lên một ý nghĩa đặc thù siêu việt. Mục đích là nhằm nhắc nhở mọi người cần phải trang bị cho mình có đầy đủ trí huệ sáng suốt. Vì trí huệ rất là quan trọng. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, mà thiếu trí huệ chỉ đạo, thì coi như sự tu hành không có kết quả tốt đẹp. Nếu không có trí huệ sáng suốt để biện biệt chánh tà, chân ngụy, thì trong khi ứng dụng tu hành, chúng ta dễ bị sai lệch và đi vào con đường tà ngoại.

100 Câu hỏi Phật pháp

PHƯỚC THÁI

Vì Bát nhã quan trọng như thế, nên chư Tổ mượn hình thức cái trống, để khi đánh lên nhằm thức nhắc mọi người tăng cũng như tục phải luôn nhớ đến cái trí Bát nhã sẵn có ở nơi chính mình. Trí Bát nhã này, còn gọi là Vô sư trí. Nhưng muốn nhận ra cái Vô sư trí này, hành giả cần phải nương cái trí hữu sư, tức cái trí do học hỏi ở nơi thầy bạn mà có được.

Sự thức nhắc cho chúng ta nhớ lại cái bản tâm sẵn có, trong nhà Phật có nêu ra rất nhiều phương tiện hình thức. Ở mức độ thấp hơn, khi nghe âm thanh của những pháp khí đó, như trống, chuông, mõ v.v... thì người nghe chóng hồi tâm thức tỉnh để gắng lo tu niệm. Phải hết lòng siêng năng làm lành lánh dữ, không nên gây tạo những nghiệp ác mà phải chuốc lấy quả khổ đau. Cho nên, khi chúng ta đến chùa mỗi khi nghe những âm thanh của những thứ nói trên, thì lập tức chúng ta hãy trở về với chánh niệm. Hay nói rõ hơn là phải luôn thấp sáng ngọn đuốc chánh niệm. Muốn có trí huệ, tất nhiên người Phật tử cần phải học hỏi trau dồi qua 3 môn học Văn, Tư, Tu. Đó là ba món huệ học tối thiết yếu mà người Phật tử cần phải lưu tâm nỗ lực nghiên tầm. Có thế, thì mới xứng đáng là người Phật tử chơn chánh học Phật.

65. Nhứt nhơn hành đạo cửu huyền thặng.

Hỏi: Câu nói: Nhứt nhơn hành đạo cửu huyền thặng. Nếu nói như thế, thì có trái với luật nhân quả không? Xin hỏi: câu này ý nghĩa như thế nào? Kính xin thầy giải đáp.

Đáp: Không có gì chống trái với luật nhân quả cả. Câu nói, mới nghe qua người ta dễ hiểu lầm. Không phải một người tu hành, thì cả dòng họ chín đời đều được siêu thăng hết. Chử siêu thăng ở đây, xin chớ vội hiểu là về Cực lạc hay an hưởng cảnh giới Niết bàn. Nếu chỉ một người biết lo tu hành mà mọi người khác trong thân tộc đều được về Cực lạc hay an trụ Niết bàn hết, thì

thật là khỏe khoắn vui sướng biết bao! Hiểu như thế là chống trái với luật nhân quả. Vì trên đời này, không có chuyện người này ăn mà người khác no. Ai ăn nấy no, ai học nấy biết chữ. Ai tu nấy thành, ai hành nấy đắc. Luật tác nhân quả là như thế.

Câu nói trên, theo chỗ hiểu của chúng tôi, thì ngầm ý nói rằng: Nếu trong dòng họ mà có một người xuất gia tu hành chơn chánh, thì có thể cảm hóa được những người thân thuộc khác. Có nghĩa là những người trong thân tộc sẽ phát tâm tu theo. Trải qua một đời cho đến nhiều đời đều như thế. Như trường hợp đức Phật Thích Ca, Ngài đã trải qua nhiều kiếp tu hành, cứ mỗi đời Ngài phát nguyện tu, thì đều có những người thân thuộc phát tâm tu theo. Cho đến sau khi thành Phật, những người thân có duyên xưa kia phát tâm tu theo Ngài, tất cả đều có mặt trong pháp hội thuyết giáo của Ngài. Và những người này tu hành đều được giải thoát cả. Cụ thể hơn, là sau khi xuất gia tu hành đắc đạo, Ngài trở về hoàng cung hóa độ được những người thân theo Ngài tu hành giải thoát.

Sự tác động ảnh hưởng của Ngài quá lớn. Ngài đã gây ảnh hưởng cho những người khác phát tâm Bồ đề hướng thiện tu hành, nói siêu thăng là như thế. Siêu thăng là vượt lên cái tâm bất thiện để trở thành cái tâm thiện. Nói rõ hơn là vượt lên cái tâm phàm tình gây tạo ác nghiệp để chuyển thành cái tâm thánh thiện hiền lương. Còn nói cửu huyền là một cách nói trải qua nhiều đời. Cứ mỗi đời trong thân tộc có người xuất gia tu hành, thì những người thân khác phát tâm tu theo. Nghĩa là một người tu được giải thoát, thì nó có một tác động mạnh mẽ, đánh thức được bao nhiêu người trong thân tộc khác để hướng về đạo đức tu hành làm lành lánh dữ v.v...

Hiểu như thế, thì không có gì là chống trái với nhân quả cả. Chẳng những không chống trái mà còn đúng theo luật nhân quả. Bởi vì nhờ vào hình ảnh của một người thân thuộc tu hành có đức độ mà cảm hóa ảnh hưởng đến những người khác hướng thiện tu hành. Đó là điều rất thực tế và tốt đẹp. Đức Phật cảm hóa trong hoàng tộc của Ngài là như thế, chớ không phải Ngài dùng thần thông đưa hết dòng họ của Ngài về Cực lạc hay Niết bàn. Nhờ vào hình ảnh siêu thoát của Ngài mà đánh động được tâm thức những người khác phát tâm tu theo, nên kết quả họ cũng được siêu thoát như Ngài. Nói siêu thăng là như thế.

66. Vấn đề chánh tín và mê tín.

Hỏi: *Người Phật tử đã quy y thọ ngũ giới rồi, tại sao còn tin vào bói toán và coi ngày giờ tốt xấu, xin xăm, cúng sao hạn v.v... Như thế có trái với luật nhân quả hay không?*

Đáp: Xin thưa ngay là hoàn toàn chống trái với luật nhân quả.

Đây là điều mà phần lớn người Phật tử chúng ta vướng mắc phải. Có những người, tuy đã quy y Tam Bảo, nhưng hạt giống tà ngoại của họ còn quá sâu dày, nên việc mê tín dị đoan, thật họ khó lòng bỏ hẳn. Đối với Phật pháp, tín tâm của họ rất mỏng. Hơn nữa, sự nghiên cứu học hỏi Phật pháp của họ cũng không được sâu rộng lắm. Do đó, mà lòng tin ở nơi chánh lý nhân quả của họ không được vững chắc. Điều này, là một hiện tượng chung thật quá đau lòng !

Người Phật tử quy y Tam Bảo thì nhiều, nhưng tin sâu vào Tam Bảo và hiểu được Phật pháp, thì chẳng có bao nhiêu. Thế nên, tình trạng mê tín vẫn còn kéo dài mãi. Sự mê tín này không những chỉ ở nhơn gian thôi, mà ngay cả ở trong chùa cũng vẫn có. Nghĩa là, Tăng, Ni vẫn còn coi ngày, coi sao, đoán quẻ v.v... Như thế, thì trách gì Phật tử! Tệ trạng này, không phải mới đây, mà nó đã có từ lâu đời.

Việc mê tín ở Việt Nam hiện nay, phải nói xảy ra rất nhiều và tai hại rất trầm trọng. Dù đã được những bậc Tôn đức tu hành chơn chánh thuyết giảng kêu gọi Phật tử không nên mê tín mù quáng. Đặt niềm tin không đúng chỗ, nó sẽ gây ra tai hại lớn lao. Chẳng những hại mình trong đời này mà nó còn kéo dài nhiều đời sau nữa. Thế nên, người Phật tử cần phải xây dựng cho mình một lòng tin đặt trên nền tảng trí tuệ. Nói cách khác, người Phật tử phải dùng ngọn đuốc trí tuệ soi sáng và chỉ đạo cho niềm tin. Có thế, thì mới mong thoát khỏi vòng khổ đau lẫn quẩn.

Trong Kinh Di Giáo, trước khi vào Niết Bàn, đức Phật đã ân cần dặn dò khuyên nhắc các thầy Tỳ kheo, các thầy nên ghi nhớ, sau khi tôi diệt độ, các thầy không được: ... **“Xem tướng lành dữ, trông xem sao hạn, xem xét thanh suy, coi ngày đoán số, đều không nên làm...”** Dù đã có lời nhắc nhở của Phật, nhưng tệ trạng tập tục này từ xưa tới nay cũng vẫn còn tiếp diễn và chưa biết đến bao giờ mới thật sự chấm dứt!

Xin nhắc lại: **“Tin như thế, thì hoàn toàn chống trái với luật nhân quả”**. Chánh tín và mê tín là

hai phạm trù dị biệt, như sáng với tối. Hễ có sáng thì không có tối. Hễ có tà kiến, thì không có chánh kiến. Hễ có mê tín, thì không có chánh tín. Ngược lại cũng thế. Đạo Phật là đạo giác ngộ, là đạo chủ trương chánh kiến, chánh tín. Đạo Phật không bao giờ chấp nhận tà kiến, mê tín. Là người Phật tử dù xuất gia hay tại gia, chúng ta phải có bốn phạm nê cao chánh lý nhân quả và hướng dẫn mọi người đi đúng trên lộ trình giác ngộ. Đúng theo lời Phật dạy. Lệnh quý đạo giác ngộ là chính ta đã đánh mất vai trò xiển dương chánh pháp và như thế, thật là đắc tội với Tam Bảo.

Trong quyển Bước Đầu Học Phật, do Hòa Thượng Thích Thanh Từ biên soạn, có bài viết nói về :”Mê Tín Và Chánh Tín” ở đoạn kết luận, (trang 122) có đoạn Hòa Thượng viết: *“Đạo Phật chủ trương chánh tín, không bao giờ chấp nhận mê tín. Do vì người truyền đạo không thông lý đạo, nên ghép những tập tục thế gian vào trong đạo, khiến người ta hiểu lầm đạo Phật mê tín. Bản chất của đạo Phật là trí tuệ, là giác ngộ, làm sao dung nạp được mê tín. Nếu người ta thấy trong chùa chiền hiện nay còn những hiện tượng mê tín, vội phê bình đạo Phật mê tín. Đây là những oan tình của đạo Phật. Tất cả những Kinh Phật không có nói những việc mê tín ấy chẳng qua một số người vì tùy tục, vì thiếu hiểu Phật pháp vẽ bày ấy thôi. Người học Phật chân chánh phải gan dạ loại bỏ những tập tục sai lầm ấy, can đảm dứt khoát đập tan mọi tệ đoan làm suy giảm giá trị Phật pháp. Có khi dẹp bỏ những điều đó, có thể thiệt thòi chút ít quyền lợi của mình. Song chúng ta cương quyết vì chánh pháp, chớ không vì lợi dưỡng, vì đưa người ra khỏi đường mê, không vì sợ mất mát bốn đạo. Được thế, chúng ta mới xứng đáng là người lãnh đạo tín đồ, mới không hổ thẹn là hàng Tăng Bảo.”*

67. Những ngày kinh nguyệt có nên tụng niệm bái sám không ?

Hỏi: Là người nữ trong thời kỳ kinh nguyệt, chúng con có được phép tụng Kinh bái sám như những ngày thường được không?

Đáp: Xin thưa ngay là không có gì trở ngại cả. Trong Luật Phật không có ngăn cấm điều này. Bởi lẽ, kinh nguyệt là một hiện tượng sinh lý tự nhiên của người phụ nữ. Điều đó, không ai muốn như thế. Đó là một định lý tự nhiên mà không người phụ nữ nào tránh khỏi. Đã thế, thì tại sao

Phật tử lại lo sợ? Phật tử đừng có ái ngại lo sợ gì cả. Chỉ lo sợ là Phật tử giải đãi rồi viện cớ lý do mà bỏ ngang sự tu hành, thì đó mới là điều đáng trách và đáng nói. Ngoài ra, không có gì phải bận tâm lo lắng.

Nếu bảo rằng, đó là những bài tiết dơ dáy, thì thử hỏi trong cơ thể con người, tất cả những chỗ bài tiết khác có chỗ nào sạch sẽ hết đâu? Phật dạy, thân này vốn là bất tịnh kia mà! Không lẽ vì sự bất tịnh mà chúng ta lại bỏ phước việc tu hành sao? Hơn nữa, chư Phật, Bồ tát, các Ngài đâu còn có tâm phân biệt chấp trước như sạch như phạm phu tục tử chúng ta. Các Ngài lúc nào cũng mong mỗi khuyến khích chúng ta tinh tấn tu hành. Đã thế, thì thời gian đối với sự tu hành của người Phật tử phải nói là vàng bạc quý báu. Không giờ phút nào lại không tu hành. Dù tu theo thời khóa hay không thời khóa cũng thế. Vì một ngày qua, thân ta mỗi suy tàn già yếu. Bệnh hoạn và cái chết đến với chúng ta không biết lúc nào. Thử hỏi có mấy ai lường trước được?

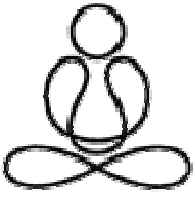
Thế thì, tại sao chúng ta không nghĩ đến sự vô thường nhanh chóng mà nỗ lực gắng chí lo tu? Phật tử nỗ lực tu hành, công phu tụng kinh, bái sám, chư Phật, Bồ tát, các Ngài thương không hết có đâu lại quở trách sự không trong sạch của Phật tử.

Đối với Phật Pháp, sự nhơ bên ngoài không đáng kể, mà đáng kể như là cái nhơ trong lòng của chúng ta. Cái cấu trúc phiền não tham, sân, si, mới là cái đáng cho chúng ta quan tâm mà gấp lo tiêu trừ. Nói thế, không phải chúng ta coi thường phần sự tướng bên ngoài. Nhưng chúng ta phải biết cái nào quan trọng và cái nào thứ yếu. Cái nào gốc, cái nào ngọn. Cái quan trọng, thì chúng ta phải quan tâm nhiều hơn. Đó là sự sáng suốt khéo biện biệt của người Phật tử trong lãnh vực tu hành.

Tóm lại, Phật tử cứ yên tâm không có gì phải lo ngại. Phật tử cứ sinh hoạt tụng kinh bái sám như thường lệ. Không có gì là tội lỗi cả. Chỉ mong sao Phật tử cố gắng giữ thời khóa tụng niệm bình thường. Được vậy, chư Phật và Bồ tát rất hoan hỷ và khen ngợi sự tinh tấn tu hành của Phật tử.

Chúc Phật tử luôn an vui và luôn tinh tấn trên bước đường tu niệm, cầu nguyện Phật tử chóng đạt thành đạo quả.

(còn tiếp)



Vaán ñeà giaùï thoaùt trong ñaïo Phaät

Đông Minh

Gải thoát là ra khỏi mọi ràng buộc nghiệp chướng khổ đau, phiền não, tham, sân, si của chúng sanh trong ba cõi, để đạt đến chỗ giác ngộ tự tại. Nói cách khác là từ bỏ con đường ngu si mê muội lầm lạc của thế gian để tiến tới nơi an lạc niết bàn vậy.

Theo ông Orozenber, trong cuốn Phật giáo những vấn đề triết học thì “tư tưởng giải thoát có cơ sở, mang tính siêu hình là lý thuyết các pháp mang về các thực tại siêu việt mà ta có thể nhận thấy đằng sau đó chính là chân như, tức là giải thoát khỏi vòng luân hồi để đạt đến trạng thái vô thủy, vô chung. Trạng thái chân như tức Phật tánh này đều có trong mỗi con người. Vấn đề là phải theo phương pháp tu chứng thì mới được giải thoát tức là phá bỏ vô minh phiền não thì mới đạt tới chân như.”

Như vậy, vấn đề giải thoát rất quan trọng đối với người tu hành. Người tu theo Phật mà không giác ngộ, không thấy được Phật tánh của mình thì dù có trải qua nhiều kiếp cần khổ tu tập cũng không giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Theo thiền sư Viên Học, sở dĩ con người không giải thoát được là do để lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên sinh ra lục thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Chính sáu cái phân biệt cảm nhận mờ tối này đã làm cho con người rơi vào nhị nguyên phải trái, suốt đời đau khổ, là vô minh che lấp Phật tánh của mình, nên lười biếng mê muội. Nhưng nếu ngày đêm biết dùng tánh nghe của mình để nghe chuông lần lần dứt hết vô minh phiền não sẽ được giác ngộ giải thoát vậy:

*“Sáu thức khiến ta khổ tối ngày,
Vô minh mê muội mãi bao vây
Nghe chuông sớm tối lòng khai ngộ,
Được sáu thân thông, chướng dứt ngay”.*
(Đông Minh dịch)

Nhưng trong Tín Tâm Minh, Tổ Tăng Xán lại dạy: “Muốn được thành Phật, đừng ghét bỏ lục trần. Lục trần vốn không xấu ác, xoay nó lại thì thành chánh giác. Vì sao Tổ Tăng Xán lại bảo như vậy? Trong thực tế, tuy sáu căn, sáu trần và sáu thức là mười tám thằng giặc cướp luôn luôn rình rập ngày đêm quấy nhiễu xâm nhập vào đời sống chúng ta làm cho chúng ta ô nhiễm, cho nên hàng phạm phu và Tiểu thừa lúc nào cũng cố tránh xa. Nhưng đối với người tu theo Đại thừa có thể chuyển hóa 18 tên cướp hung hãn này trở thành 18 vị La hán thân cận ngày đêm giúp đỡ chúng ta. Vậy, làm cách nào để chuyển hóa được chúng? Theo lời Phật dạy trong kinh thì “Bất tùy phân biệt” vốn có nghĩa là đối cảnh không phân biệt nên vọng niệm không sanh và chân tâm tự hiện. Trái lại, đối cảnh khởi vọng niệm phân biệt nên chơn tâm bị mờ tối cũng như gió làm xao động nước, cạn cáu nổi lên khiến nước trong không hiện được. Ví như một người nhìn thấy nữ sắc mà không khởi vọng niệm phân biệt thì không sanh ra chán ghét hay tham đắm. Lòng tham không thỏa mãn thì sanh ra sân hận, đã sân hận thì si mê tạo ra ba nghiệp thân khẩu ý, cứ thế mà mãi sanh tử luân hồi. Do đó, đức Phật đã luôn nhắc nhở đệ tử phải dứt bỏ mọi vọng niệm sanh diệt, trở về với chơn tâm thường trú. Một khi chơn tâm thanh tịnh sáng suốt hiện tiền rồi thì căn thân, trần cảnh và vọng thức tức thời tiêu diệt. Cảnh vọng trần và tâm cấu nhiễm đã sạch rồi thì 18 tên giặc biến thành 18 vị La hán ngay, cho nên Xuyên Thiền Sư luôn nhắc nhở đệ tử đừng để tâm vương bận lục trần mới giải thoát được sanh tử luân hồi:

*“Mắt trông thấy sắc rồi thôi,
Tai nghe thấy tiếng nghe rồi lại không.
Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng,
Nhẹ nhàng ta bước ra vòng trần ai.”*

Theo ý bài kệ, thiền sư cho rằng trong sáu tên

giặc đầu, hai tên Mắt và Tai nguy hiểm nhất, cho nên phải lo diệt trừ trước các tên khác, bởi vì mắt có thể nhìn thấy sắc ở khoảng xa và tai có thể nghe được tiếng xuyên qua tường vách, khiến lòng người dễ rung động đảo điên. Một khi đóng chặt được hai cửa này thì các cửa còn lại tự động không mở, nhờ đó mà cõi lòng vắng lặng giải thoát vậy.

Trong chuyện Quán Âm Thị Kính có kể lại lúc bà Thị Kính cắt râu chồng bị cha mẹ chồng vu oan bà giết chồng đi ngoại tình, nên bị đuổi về nhà cha mẹ bà. Bà buồn quá cho nên mới giả trai đến chùa Vân xin tu, lại bị Thị Mầu vu khống lấy nàng có chửa, bà bị làng bắt đánh đập tra khảo, may nhờ sư phụ lãnh đóng tiền phạt đem về cho ở ngoài cổng tam quan, chẳng bao lâu Thị Mầu sanh con đem giao cho bà nuôi. Bà vui vẻ đón nhận đứa bé, hết lòng nuôi dưỡng, thương yêu như con ruột của mình, mặc cho sư phụ quở trách và người đời chưởi rủa đủ điều. Sau ba năm nuôi đứa bé lớn khôn, bà cũng bị bệnh lìa đời, bây giờ người trong chùa tân liệm mới phát hiện bà là gái, nên hết lòng kính trọng cúng bái. Đó là nhờ bà Thị Kính tu hành hết lòng nhẫn nhục thuận thực đã đạt được cái tâm không, tức là cái tâm bình đẳng không phân biệt, nên không còn thấy có ta, có người, có đúng, có sai, có trái, có phải. Và lại, tâm ở đây không chỉ một cái gì riêng biệt đang ẩn tàng trong một thể xác con người, mà chỉ một cái gì đó chung cho tất cả chúng sanh. Đứng về phương diện tuyệt đối mà xét thì tất cả là một và một đây chính là tâm vậy.

Như thế thì không có cái giả nằm riêng biệt ngoài cái chân hay ngược lại mà muôn vật trước mắt ta đều là tâm cả, bởi vì tuy nó là hiện tượng tương đối, nhưng đều nằm trong cái tuyệt đối. Do đó kẻ nào cố tâm xô đuổi hay phá tan cái vọng là một việc làm chẳng ăn nhập vào đâu cả, như người muốn tách rời sống ra khỏi nước thì không bao giờ được vậy.

Thiền sư Minh Lương đã nhận ra lẽ đó nên làm kệ nhắc nhở đệ tử phải biết biến phiền não thành bồ đề và chuyển sanh tử thành Niết bàn giải thoát ngay ở cái thân giả tạm như chớp này:

*“Ngọc đẹp ẩn trong đá nhầy,
Hoa sen tươi tốt mọc ngay bùn sình.
Phải biết được chỗ tử sinh,
Nhận ra ông Phật của mình trong tâm.”*
(Đồng Minh dịch)

Vậy thì muốn giải thoát, phải có cái tâm không như bà Thị Kính và muốn có được cái tâm không, cần phải thực hành những điều cơ bản như sau:

1. Bồ thí có nghĩa là ban cho, có ba loại bồ thí:
 - a. Tài thí: Đem của cải, tiền bạc, thuốc men, giúp đỡ người nghèo khó, bệnh tật, đói rét, cơ quan từ thiện, chùa chiền và thú vật.
 - b. Pháp thí: Đem kiến thức hiểu biết của mình về Phật pháp chỉ dạy kẻ khác làm cho họ có trí tuệ thoát khỏi cảnh ngu tối.
 - c. Vô úy thí: Làm cho kẻ khác không sợ hãi trước thú dữ hay mọi đe dọa.

Mục đích của sự bồ thí là không, không phải mình cho họ những gì rồi đòi họ đền ơn lại. Đối với người giác ngộ thì bồ thí là hành động tự nhiên phát khởi từ lòng từ bi, đối với chúng ta thì bồ thí là lưỡi gươm chặt đứt cái ý niệm chấp ngã và lòng vị kỷ vậy. Trong kinh Kim Cang đức Phật dạy: “Bồ thí mà không thấy mình bồ thí, người nhận của bồ thí và vật đem bồ thí thì phước đức vô lượng vô biên vậy.”

2. Mỗi ngày thực tập thiền quán hoặc niệm Phật.
 - a. Về niệm Phật: Chúng ta phải niệm Phật mỗi ngày sao cho đến chỗ nhất tâm bất loạn, nghĩa là tâm ta với tâm Phật A Di Đà là một thì mới thấy được bản tánh giác ngộ giải thoát.
 - b. Về thiền quán: Có nhiều pháp quán giúp chúng ta chứng ngộ, giải thoát. Chúng ta thử thực hành phép quán trong kinh Kim Cang mà đức Phật đã dạy cho ông Tu Bồ Đề như sau:

*“Tất cả các pháp hữu vi,
Cũng như bọt nước, khác chi giấc nồng.
Như làn điện chớp trên không,
Như sương buổi sáng để lòng xét xem.”*
(Đồng Minh dịch)

Theo bài kệ thì chúng ta quán sát mọi vật ở đời

đều giả tạm như giấc mộng, như bóng nước, như điện chớp, như sương mai, không thật có, nên không khởi tham sân si. Ba độc này không sanh thì không tạo ra ba nghiệp thân khẩu ý, do đó không có nhân để sanh ra quả thiện hay ác, cho nên không có cảnh luân hồi và người bị luân hồi. Chúng ta cứ tiếp tục quán như vậy cho đến khi nào thấy được bản tánh của mình mới giác ngộ giải thoát. Để quý vị hiểu rõ bản tánh xin trích một đoạn trong kinh Duy Ma Cát ở phẩm Nhập pháp môn không hai như sau : « Bấy giờ ông Duy Ma Cát bảo các vị Bồ tát rằng : Các nhân giả hãy nói thế nào là Bồ tát vào pháp môn không hai. » Có 31 vị trả lời, xin dẫn ra một vài vị như sau : Bồ tát Đức Thủ nói : Ngã, ngã sở là hai. Nhân có ngã mới có ngã sở, nếu không có ngã thì không có ngã sở. Đó là vào pháp môn không hai... Bồ tát Văn Thù nói : Theo tôi thì đối với tất cả các pháp không giảng, không nói, không chỉ, không biết, xa lìa các vấn đáp, đó là vào pháp môn không hai. Rồi Ngài Văn Thù bảo ông Duy Ma Cát : Chúng tôi đã nói xong, bây giờ đến lượt ông nói đi ! Ông Duy Ma Cát ngồi lặng im không nói. Bồ tát Văn Thù khen rằng : Hay thay ! Hay thay ! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đó mới vào pháp môn không hai.

3. Chính chúng ta phải tự giải thoát mọi sự ràng buộc vật chất trong đời sống hằng ngày.

Để hiểu rõ điều này xin kể một câu chuyện như sau: Thời xưa, xã hội Trung Hoa bị ràng buộc nhiều bởi luật lệ phong kiến, luân lý khắc khe, nam nữ thọ thọ bất thân, thêm giới luật của Phật nghiêm cấm: Các vị sư không được cười giỡn hay đụng chạm vào thân thể người nữ. Có hai vị sư trẻ đã thọ đại giới và trải qua nhiều năm tu hành am hiểu giới luật. Một ngày nọ cả hai cùng đi du ngoạn đến một con sông thì trời sập tối, lại không có thuyền đò để qua sông. Sông không sâu có thể lội qua được, nên cả hai cùng lội qua, bỗng có một cô gái trẻ cũng cố lội qua, nhưng nhiều lần suýt bị nước cuốn. Vị sư thứ nhất thấy vậy vội tiến lại gần đưa lưng cõng cô gái lội qua sông. Vị sư thứ hai theo sau thấy vậy rất bức bối không vui. Sau khi đến bờ, vị sư thứ nhất để cô gái ở lại rồi tiếp tục đi. Trong cuộc hành trình, vị sư thứ hai cứ thắc mắc: Tại sao sư đệ mình lại phạm

giới cấm, nếu không có mình hẳn còn phạm nhiều tội nặng hơn nữa.

Trời đã tối, họ gặp ngôi chùa bỏ hoang, cả hai quá mệt cùng vào chùa nghỉ đêm. Vị sư thứ nhất vừa nằm xuống là ngủ ngay, riêng vị sư thứ hai thì không thể ngủ được. Vì ông thấy bức mình và xấu hổ cho sư đệ mình phạm giới luật, ông cứ cầu nguyện suốt đêm cho sư đệ mình bớt tội. Trời gần sáng, ông còn nghe tiếng ngáy của sư đệ mình nên giận dữ lay mạnh đánh thức. Vị sư thứ nhất giật mình hỏi lớn: Cái gì vậy, tại sao sư huynh không ngủ? Vị sư thứ hai gất gồng: Giới luật của chúng ta là gì? Làm thế nào ông lại cõng cô gái qua sông? Tôi không ngủ được cố cầu nguyện cho ông giảm bớt tội lỗi nhưng ông nào có hay biết. Vị sư thứ nhất nói ngay: Ô hay! Sư huynh đang nói về người con gái hôm qua đây à? Tôi đã bỏ cô ta từ khi đến bờ sông rồi, sao sư huynh còn mang cô ta trên lưng hoài vậy?

Vậy thì muốn giải thoát mọi triền phược hằng ngày, chúng ta đừng để tâm vướng bận vào bất cứ việc gì chung quanh ta và thấy cho được bộ mặt thật bên trong của chúng. Điều quan trọng là ta phải giữ sao cho được cái tâm không như bà Thị Kính mới giải thoát sanh tử luân hồi mà thiền sư Viên Chiếu đã nhắc nhở:

*“Nếu được lòng không, không sắc tương,
Sắc không ẩn hiện mặc vẫn xoay.”*



HOA HỒNG

*Đôi lời nhắn gửi, gửi cho ai
Muốn hái hoa hồng phải nhớ gai
Hoa đẹp nhìn xem ta cứ ngắm
Xin đừng vội hái sẽ nát tay
Khi đã vướng rồi mắc phải gai
Lòng ta đau khổ suốt tháng ngày
Biết bao người chết vì hoa ấy
Cũng bởi liều mình chẳng sợ gai.*

Tịnh Đức

ĐẠO PHẬT

cho nên Phật pháp là món trân bảo, mà chúng ta

coù còn thối đườg ngay nay chấêng?

Đó là đề tài 'IS BUDDHISM PRACTICAL TODAY?', một đề tài mà Tiên sĩ Phật học Ven. Dr. K. Sri Dhammananda, đã thuyết giảng tại Đại học Mã Lai tại Brickfields, Kuala Lumpur, vào tháng 10/2011. Nội dung đề tài rất thuyết phục, khiến tôi đọc nhiều lần và phỏng dịch ra Việt văn, tuy biết mình tài hèn, sức mọn, dám mong quý độc giả lượng thứ, bỏ khuyết cho, xin đa tạ quý độc giả trước.

Tôi mạn phép chia tài liệu ra làm nhiều mục nhỏ như sau:

PHẬT PHÁP:

Muốn rõ bản chất của Phật pháp, chúng ta không cần hỏi Phật giáo có là một tôn giáo thực dụng hay không? Danh từ Phật giáo có thể được diễn giảng nhiều cách. Trong Phật giáo có nhiều niềm tin và thực hành khác biệt, tùy theo hoàn cảnh địa lý và xã hội, mà một số nhà trí thức và bình luận gia cho rằng phương thức hành đạo đã có thay đổi từ địa phương này tới địa phương khác. Vì lý do trên, các tín đồ Phật giáo đã diễn giải các khúc mắc về Phật pháp theo biên kiến và sách tấn quần chúng theo họ. Nói rộng ra, không có phương thức đồng nhất trong thực hành giáo pháp trên thế giới; tỷ dụ nhiều người Trung Hoa hiểu Phật pháp theo truyền thống riêng của họ, còn người Ấn và Âu Mỹ lại hiểu Phật pháp theo cách riêng của họ. Còn theo Tiên sĩ diễn giảng, Đạo Phật là một tôn giáo dung hợp được các nền văn minh khác và không cần phải có một phương thức cố định nào trong thực hành. Đạo Phật hay Phật pháp dạy con người sống một cuộc đời có đạo đức và hướng thượng, từ đó đạo Phật trở nên thực dụng ở khắp nơi trên thế giới. Cho nên các Phật tử không cần quan tâm nhiều tới cách phô trương bên ngoài mà cần chú trọng tới phần sâu sắc của tâm linh, biểu hiện tác phong đạo đức của cá nhân chúng ta và cộng đồng chúng ta.

NGỘ NHẬN:

Đức Phật đã chứng minh Phật pháp là xác tín,

không thể nói đó là bất khả thi và cần thay đổi theo một số người cố chấp vì đã không thấu rõ lời Phật giảng dạy. Cũng vì vô minh che lấp, họ đã diễn Phật pháp sai lệch và cho rằng Phật pháp không thể dùng trong thời nay. Đức Phật đã thấu rõ các sự kiện trên, nên Ngài không buộc họ theo Phật một cách mù quáng, chỉ vì không có niềm tin vào chánh pháp. Phật khuyên họ nên đặt ra nghi vấn và tìm hiểu cho kỹ cho tới khi họ hết thắc mắc. Khi đã có niềm tin vào Phật giáo thì họ không còn nghi ngờ, họ sẽ phát triển lòng tin do họ thông suốt và nắm rõ pháp tu. Chúng ta kính tin Phật vì Ngài dạy chúng ta chỉ nên theo Phật pháp sau khi đã tìm hiểu pháp của Ngài cặn kẽ và khuyên chớ vội phê phán khi chúng ta chưa thấu triệt về Phật pháp.

CÁCH KHẮC PHỤC YẾU ĐUỐI CỦA CON NGƯỜI:

Nếu có ai nói Pháp của Phật không thực hành được, cái đó không có nghĩa Phật pháp sai, mà vì ai đó nghĩ khác và sống khác. Cũng có thể ai đó đã đi sai đường Phật dạy, không theo giới của Phật mà còn sống buông lung, theo các dục của thế gian. Thật vậy các nguyên tắc hành đạo khác xa tập tục thế gian. Chúng ta chẳng nên phê phán rằng đạo Phật không thể thực hành, khi thấy rõ pháp Phật không cho phép người Phật tử buông lung theo dục. Khi bạn đau ốm và bác sĩ cho bạn uống thuốc đắng, bạn không nên hồ đồ cho rằng thuốc không hiệu nghiệm! Cũng vậy, Đức Phật dạy Phật pháp vì nhu cầu của hạng người có nhiều tâm xấu, tánh tình thay đổi bất thường, lại còn suy tư và hành động thấp hèn. Cho nên pháp của Phật chẳng khác toa thuốc bác sĩ cho là bao chính là giúp chúng sanh khắc phục các thói hư tật xấu nói trên vậy. Tu Phật phải chấp nhận giới luật. Có một số người ngoan cố cứ muốn được tự do, buông lung theo ý họ, cứ thích các món ái dục và phê phán rằng đạo Phật không thể hành, là lỗi thời và không hợp với thời đại văn minh! Loại người này thích tự tung tự tác, không theo nhu cầu chung của xã hội và sống trong các khu

vực dành riêng cho họ. Cho tới nay, đạo Phật nhận định rằng Đạo là một cách sống có mục tiêu rõ rệt, bao hàm nhiều định hướng cao cả như ‘Hết Lòng Phụng Sự’ và ‘Phát Triển Trí Lực’. Khi chúng ta gom tất cả các tâm đó lại, chúng ta gọi đó là **Đạo Phật**, một trong những tôn giáo lớn của thế giới.

HÃY TỚI ĐÂY VÀ HÃY NHÌN

Pháp của Phật có thể có nhiều nghĩa như: bình đẳng, đạo đức, hiện tượng, cuộc sống cao thượng, bố thí, giải thoát v.v... Đức Phật giảng pháp cho chúng ta nhưng Ngài không bảo chúng ta tin theo một cách mù quáng! Một số tín đồ các đạo khác đã cho hay họ có mẫu số chung trong cách hành đạo và tin đạo, lý do là Thánh Kinh dạy họ như vậy! Họ tin vào lời rao giảng và cha mẹ họ đã tin thì nay họ cũng tin, khỏi thắc mắc chi nữa!

Riêng Đức Phật lại nói khác, Ngài bảo ‘Hãy tới và hãy coi’. Ngài chẳng ra lệnh cho ai phải tới và phải tin hoặc phải chấp nhận. Hãy tới và hãy coi, rồi tra cứu, hãy dùng thông minh và xét đoán của mình, chớ tin vào lời nói của thầy mình dù thầy mình nổi danh! Cũng chớ tin vào giáo điều dù giáo điều đã được viết trong Thánh Kinh. Chớ tin vào giá trị ở chữ nghĩa, mà phải dùng óc thông minh xét đoán của riêng mình và không lệ thuộc vào ông thầy nào hoặc Thánh Kinh nào.

CÓ ĐIỀU GÌ THAY ĐỔI ĐƯỢC TRONG PHẬT PHÁP?

Bạn chỉ nên chấp nhận Phật pháp khi bạn đã suy nghĩ độc lập và xét đoán thông minh về các sự kiện tốt và xấu, xác tín hay không xác tín. Nói cách khác, các niềm tin sơ đẳng và không thấu triệt từ trước đều phải loại ra! Căn bản của Phật pháp là luôn luôn phải hành được, bất cứ thời gian nào cũng có giá trị như nhau. Tóm lại lập luận ‘Phật pháp khả thi’ là có lý. Chúng ta không thể nào thay đổi giáo pháp căn bản của Phật, dù là pháp của Phật đã được rao giảng từ trên 2500 năm trước. Ngài khuyên chúng ta hãy tu **Giới**, cần xét lại các tác phong đạo đức mẫu mực mình học và hành tới đâu? Nhân loại đã nói nhiều về luân lý, đạo đức, thế nhưng các giá trị này luôn thay đổi theo nhu cầu của xã hội. Còn nếu bạn tìm hiểu về căn bản **Giới (Giới Thanh Tịnh của Phật)**, **Giới** đó vẫn cố định, không hề thay đổi! Đó là định luật chung, được toàn cầu chấp nhận, được coi như nhận định chín chắn của nhân loại.

Nếu chúng ta sống với **Tâm Thiện Lành**, chúng ta không khác Phật; tỷ dụ như lòng thành thật, tử tế và hiếu người bằng cách không xâm phạm tới họ; nếu chúng ta trau dồi các đức tính như kiên nhẫn, tha thứ, từ bi, thông cảm, chúng ta đâu khác Ngài? Pháp của Phật rõ ràng chẳng cần thay đổi và luôn tồn tại trên hoàn cầu. Phật cũng không hề chủ quan nói rằng Ngài chế ra pháp trên, mà các Đức Phật trước đã có sẵn. Pháp của Phật đã được phổ biến trên thế giới để đáp ứng với **Vô Minh** hay **Ngũ Si**. Vì vô minh đã ăn sâu trong chúng ta, nên chúng ta không rõ và không có cách trừ vô minh được. Cho tới nay, các nhà khoa học đã khám phá ra chút ít về vũ trụ, nhưng không thể bằng Phật! Trong khi đó, Phật đã khám phá ra và chứng kiến quá trình các hiện tượng, căn bản của sự vật, của tâm và của năng lượng. Ngài khẳng định có quá trình luân hồi của sự vật, đó là căn bản pháp Phật; Ngài đã dạy chúng ta về ‘**Tứ Thánh Đế**’, rồi con đường dứt khổ, được vui **Niết Bàn**:

Thánh đế **Khổ** và **Không Vừa Lòng**

Thánh đế **Tập** hay **Gốc của Khổ**

Thánh đế **Diệt Khổ** (hết khổ là **Niết Bàn**)

Thánh đế **Con Đường Diệt Khổ** (tức **Bát Chánh Đạo**, sẽ nói sau).

Trên thế giới đã xuất hiện nhiều Niềm Tin Đạo, thế nhưng các niềm tin đó không thể so sánh với niềm tin của Phật, vì điều Phật chế ra có khả năng đưa chúng ta tới Giải Thoát, tức giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Tóm lại Phật đã thực chứng qua tu hành, do Ngài tự công phu, rồi Ngài tự chấm dứt khổ đau về thân, tâm và đạt giải thoát, đó là cứu kính của đạo Phật!

Trên thế giới, chúng ta luôn đối diện Khổ và Không Vừa Lòng trong mọi sự kiện, do có tranh chấp, chia ly, khổ thân và tâm, các thứ xung đột và không vừa ý..., đó là căn bản của Thánh đế Khổ. Thánh đế thứ hai là Tập, gốc của Khổ và không vừa lòng. Nhiều tôn giáo khác đã không thể tìm ra gốc khổ. Họ tưởng lý do khổ là từ bên ngoài, thế nhưng Phật đã chứng nghiệm được khổ chẳng phải từ bên ngoài, mà khổ có từ trong thân và tâm chúng ta. **Chúng ta phải trực tiếp chịu trách nhiệm về khổ, vì chính chúng ta tạo ra khổ!** Khổ do chúng ta **tham chấp (chấp ngã, chấp pháp)** thích thú vui bên ngoài và tham đắm cuộc sống này! Ngoài các lý do trên, chúng ta không thể tìm các lý do nào khác. Chúng ta không thể chối cãi về các lầm lẫn trên, lầm do

tham chấp và tham ái dục mà tạo ra **Khổ** và **không vừa lòng!** Vậy không thể nói khổ do bên ngoài, mà do chính chúng ta tạo nên! Làm sao chúng ta có thể chấp nhận '**Đạo Phật Không Thực Dụng**', trong khi đạo Phật xác định được **nguyên nhân của khổ đau** và chỉ rõ **con đường chấm dứt khổ đau?** Rõ ràng **Đạo Phật thực dụng và khả thi!**

TÔN GIÁO LÀ GÌ?

Theo Đức Phật, Ngài coi tôn giáo như một pháp hành để chấm dứt khổ đau. Pháp đó chính là **Bát Chánh Đạo**. Chúng ta tới chùa chẳng phải để ngắm cảnh chùa và cầu nguyện suông! Ở chùa, chúng ta được khuyến làm lành, tránh ác không hạn chế thời gian nào. Pháp tu cụ thể là hành **Bát Chánh Đạo**, gồm **chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định**.

Chánh Kiến

Chánh kiến là hiểu rõ căn bản của Tứ Diệu Đế. Dù làm gì chẳng nữa cần phát triển chánh kiến trước, nếu không bạn không thể tới đích bạn mong muốn. Khi Đức Phật bắt đầu giảng pháp, Ngài giảng chánh kiến trước với mục đích chấm dứt khổ đau. Chúng ta có cái tâm suy tư, nhưng chúng ta không suy nghĩ đúng và phí phạm năng lượng của tâm. Chúng ta cần rèn tâm, trau dồi kiến thức, trí tuệ và từ đó, giải quyết các vấn đề mà ta phải đối đầu. Nếu chúng ta thất bại, chính là chúng ta đã xài năng lượng vào những chuyện không cần thiết.

Chánh Tư Duy

Chánh tư duy là dùng năng lượng để khống chế các tư tưởng xấu. Trước tiên cần phải hiểu căn bản của tâm bạn, trong đó có nhiều tâm xấu, tạo ra làm lỗi, lo âu cho chính mình và cho các người khác. Hãy kiểm soát tâm bạn, loại hẳn tâm xấu và học tĩnh tâm, nuôi dưỡng từ bi và từ đó, bạn xả được các tâm xấu (tham, sân, si...). Đó là chánh tư duy. Khi bạn đã kiểm soát được tâm và chú tâm vào vấn đề trước mắt, bạn đủ sức giải quyết vấn đề an toàn. Bạn đủ dũng mãnh, tự tin và hết lo sợ, bạn có khả năng xả bỏ tâm sân giận và trau dồi từ bi. Tóm lại duy trì chánh tư duy là tu **XẢ**, vượt lên trên mọi cảm thọ và sáng suốt giải quyết mọi vấn đề, mà không phí phạm năng lượng.

Chánh Ngữ

Đôi khi lời nói ra làm người khác đau khổ. Trước khi nói gì phải uốn lưỡi và chớ nói những

lời vô trách nhiệm, phải suy hai lần trước khi mở miệng; phải cân nhắc xem lời đó có khó nghe hoặc vô ích thì chớ nói. Dùng lời nói sai sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng, nên nhớ ý thiện thì lời nói dễ nghe, ý bất thiện thì lời cũng bất thiện!

Chánh Nghiệp

Muốn hành chánh nghiệp hay nghiệp lành thì chớ có ích kỷ, chớ nghĩ chỉ lợi mình mới làm, phải tránh các việc sai trái, có hại cho người hoặc xúc phạm tới người. Việc làm phải nhằm làm lợi cho mình và cho các người khác.

Phật dạy: Các con hãy khôn ngoan! Khi giúp người, các con phải ý thức cẩn thận, chớ hành động điên đảo, phải suy tư về năm giới được trao truyền và chớ phạm giới.

Chánh Mạng

Chánh mạng là khi làm bất cứ việc gì phải theo lương tri của mình, chớ có lừa dối, lừa đảo hoặc xâm phạm người khác. Một số người trở nên giàu có bằng cách áp dụng các sở đoản lường gạt, như buôn người, giết người, bán ma túy, độc dược, súng đạn... cho nên Phật dạy phải biết cân nhắc mọi việc, có hợp lý, công bằng và nhân đức thì nên làm, bằng không thì chớ làm.

Chánh Tinh Tấn

Chánh tinh tấn là biết dùng sức lực của thân và tâm một cách khôn ngoan, như phục vụ người khác về các lãnh vực văn hóa, tâm linh và phát triển tôn giáo. Muốn được vậy, ta phải biết luyện tâm thành tâm tốt, tử tế và công bằng, chúng ta phải biết làm chủ được tâm, hướng về tâm thiện và xa lìa tâm ác.

Chánh Niệm

Chánh niệm là giữ niệm chân chánh, luôn tỉnh giác khi ta nói, không cho tâm rong ruổi để tâm lạc hướng. Làm bất cứ việc gì, phải chú tâm vào đó, biết rõ tiến trình việc đang làm và có khả năng hoàn tất tốt đẹp. Chánh niệm giúp ta hành trong mọi lúc, trong mọi ngày trong cuộc sống.

Chánh Định hoặc rèn Tâm

Nếu ta không rèn tâm đúng cách, chúng ta sẽ lo âu và làm lẫn. Chúng ta cần rèn tâm để khỏi phí phạm năng lượng của tâm. Khi chúng ta biết rèn tâm, tâm trở nên đáng tin cậy, hiểu biết sâu, rộng lượng, công bằng và duy trì được hài hòa với mọi người. Tuy nhiên rèn tâm khá khó! Vẫn còn một số người không thể tin cậy được, vì họ còn ác tâm, lừa đảo và ích kỷ. Lý do còn các tai nạn trong xã hội vì tâm họ bị sai khiến bởi **Tham-Sân-Si**. Khi các thứ tâm xấu được dẹp bỏ, hòa

bình và hạnh phúc sẽ lộ rạng, đó là kinh nghiệm tuyệt vời của việc rèn tâm.

PHẬT PHÁP CÓ THỰC DỤNG HAY KHÔNG?

Bát Chánh Đạo do Đức Phật dạy có mục đích giúp con người sống một cuộc đời thánh thiện, không thể tin suông mà cần nhất phải thực hành. Chúng ta có thể hành pháp trên từng bước, từng mục và tự nghiệm được kết quả công phu của mình, có thể là đúng hay sai. Cho nên Phật giáo vượt thời gian, mà chúng ta có thể hành bất cứ thời gian nào, ở đâu hoặc ở xã hội nào. Chúng ta chỉ cần nhìn Phật sống, tu hành ra sao, chúng ta sẽ rõ về Ngài. Lúc đó chẳng thể nói cần rành pháp của Phật không thể hành hoặc vô dụng! Khi hành Bát chánh đạo mới thấy hành không dễ, mà cần có **Tâm Dũng Mãnh**, vì vậy mà một số thiện cận nói pháp Ngài không thực hành được! Không may cho chúng ta, thế giới này có đầy rẫy tệ nạn, nên chúng ta hành đạo gặp khó

khăn. Khi mình trau dồi các đức tính tốt thì vẫn có kẻ xấu, lừa đảo và ích kỷ; họ xuyên tạc người tu, bảo tu là điên, mà sống gian xảo lại là khéo léo!? Bản chất xã hội văn minh ngày nay là vậy, thật là vất vả, khó khăn, khi bước vào con đường tu hành. Đức Phật nhận định sáng suốt về bản chất hoàn cầu chúng ta đang sống và chỉ cho chúng ta mọi khía cạnh cuộc sống. Chỉ có Đức Phật mới có khả năng dạy chúng ta một pháp thực dụng, đáng tin theo, để vượt thắng mọi trở ngại, mọi khổ đau và khốn khó trong đời này.

Pháp Phật trường tồn là hữu lý!

Khiêm Từ

Phỏng dịch từ 'IS BUDDHISM PRACTICAL TODAY' ra Việt văn để góp phần báo đáp thâm ân chư Tôn Đức, Thiện nhân đã dạy bảo Khiêm Từ và nguyện cho Phật pháp trường tồn, chúng sanh an lạc.

Kuala Lumpur, ngày 10/01/2012.

1. Vật Liệu:

- 1 trái đu đủ
- 1 củ cải trắng, 1 củ cà rốt.
- 1 trái dưa leo.
- 1 cây mì căn.
- 50g kiệu tươi băm nhỏ.
- 150g nấm rơm.
- 1 nắm rau răm.
- Nước tương, giấm, chanh, đường, ớt, dầu ăn, bột ngọt.



2. Cách làm:

a. Chuẩn bị:

- Đu đủ: Gọt vỏ, rửa sạch, bào mỏng, xắt sợi, bóp chút muối, xả sạch, vắt ráo nước.
- Củ cải trắng, cà rốt: gọt rửa sạch, bào mỏng, xắt sợi, bóp chút muối, xả sạch, vắt ráo nước.
- Dưa leo : cắt đôi, bỏ ruột, xắt xéo mỏng, bóp chút muối, xả sạch, vắt ráo nước.
- Mì căn: xé nhỏ bắc chảo dầu nóng, cho chút kiệu tươi băm nhỏ vào cho thơm, cho mì căn vào chiên vàng, nêm chút nước tương, đường, bột ngọt cho vừa ăn.
- Nấm rơm: gọt rửa sạch, phi dầu với kiệu tươi băm nhỏ cho thơm, cho nấm rơm vào xào, nêm chút nước tương, đường, bột ngọt cho vừa ăn.

Thiên Thanh Tịnh Hạnh

(Goûi Nũ Nũu)

GIA CHÁNH



- Đậu phộng: rang vàng, giã hơi nát.
- Rau răm: lật rửa sạch, xắt nhỏ.
- Ớt: tía hoa, ngâm nước cho nở đẹp.

b. Trộn gói:

- Trộn chung : đu đủ, củ cải trắng, cà rốt, dưa leo, 1/2 mì căn, 1/2 nấm rơm, trộn lại cho đều, nêm nước tương, chanh, đường, bột ngọt cho vừa ăn, gói chua chua ngọt ngọt là được.

3. Trình bày:

- Cho gói ra đĩa, xếp 1/2 mì căn và nấm rơm còn lại lên mặt, cho thêm rau răm và đậu phộng lên trên cùng, giữa đĩa cắm ớt tía hoa cho đẹp.
- Gói này dùng chung với nước tương đã pha sẵn.

Tâm Hòa soạn

Chúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Phật Đản này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách Quĩ PhÆt t° ủng h¶i t¶nh tài cho báo mØng PhÆt n¶n n¶m 2012

Thầy Phước Đạt	50	Quảng Thành (Khiêm Từ)	100	Diệu Yên	25
Thầy Phước Viên	50	Vũ Xuân Dung pd Tâm Hợp	50	Giác Tâm	25
Thầy Phước Quảng	100	Minh Quang & Diệu Huệ	50	Phổ Thuận	10
Thầy Phước Nghĩa	50	Nguyễn Thị Ly pd Diệu Huệ	50	Minh Định	10
Sư cô Phước Nghiêm	10	Minh Châu & Thái Minh	200	Tâm Hoa	10
Sư cô Phước Trưởng	20	Đức Ngọc	10	Minh Huệ	10
Sư cô Phước Thanh	20	Tâm Thạnh	20	Tôn Lãnh	10
Sư cô Phước Hải	30	Thanh Diệu	10	Minh Dũng	20
Sư cô Phước Định	25	Diệu Huệ	10	Diệu Đức	10
Sư cô Phước Chí	20	Ngọc Trang	10	Diệu Nguyệt	20
Sư cô Phước Bình	20	Diệu Ngọc	20	Nguyên Hương	20
Sư cô Phước Trường	20	Diệu Minh	10	Tử Kim Quang	20
Sư cô Phước Thông	20	Phước Chí	10	Gđ. Đặng Văn Nha và Tâm Đức	50
Sư cô Phước Thọ	20	Tâm An	10	Tâm Minh Nouméa	150
Sư cô Phước Niệm	50	Tuệ Trung	10	Minh Ân & Diệu Di	NZ 100
Sư cô Phước Lễ	50	Diệu Hạnh	10	Quảng Thanh USA	100
Sa di Phước Nguyễn	50	Tâm Hiệp	10		
Sa di Phước Như	50	Nguyễn Thị Hường	10		
Quincy Trí Việt	20	Diệu Lai	10		
Tâm Hậu	50	Diệu Thanh	50		
Lê T. P. Tiến pd Viên Thọ	100	Pháp Âm	10		
Nguyễn Thị Huỳnh Lan	50	Diệu Tính	20		



Danh sách Quĩ PhÆt t° h> cúng hoa quả cúng n¶i Lí PhÆt n¶n 2636

Nguyễn Thị Ly pd. Diệu Huệ	50	Chơn Huyền Hiền	100
Thầy Phước Quảng	50		
Giang Kim Thanh pd. Tâm Minh	50		
Vũ Xuân Dung pd. Tâm Hợp	50		
Nguyễn Thị Huỳnh Lan	50		
Huỳnh Hằng Phương	50		

DANH SÁCH ỦNG HỘ QUỸ AN TÓNG CD - DVD PHẬT GIÁO

Nguyễn Thị Ly pd Diệu Huệ (Nounéa)	50
Vũ Xuân Dung pd Tâm Hợp (Nouméa)	50

Danh sách các cØ s^a thŪÕng m¶i ủng h¶i qu¶ng cáo

- | | |
|-------------------------------|----------------------|
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - Nhà quán Trường An |
| - KV Pharmacy | - Tran's Aquarium |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | - All-Villa Print |
| - Nhà sĩ Phương Thảo | - Huyện Motor Repair |
| - Nhà thuốc tây Mai | - Nhà quán Chung Wah |
| - Nhà quán Vạn Thọ | - Gạo thơm Hoàng Gia |
| - An Lạc Vegan | - Từ Chay Zen Garden |
| - Thực Phẩm Á Châu Tường Phát | |

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

HUYEN MOTOR REPAIR

PARRAMATTA ← → VILLAWOOD, HUME HWY
WOODVILLE RD.
FAIRFIELD ST. LISBON ST. SEVILLE ST. MANDARIN ST. MALTA ST.
CROWN ST.

- * Sửa chữa tất cả các loại xe máy và điện
- * Elect Tune Up-Fuel Inject Cleaner
- * Wheel Alignment * Bơm ga máy lạnh xe
- * Cân bằng bánh xe. Thay vô ruột
- * Check xe đóng thuế lưu hành (Pink Slip)
- * Thay thắng, Clutch, Auto, Manual Transmission
- * Có xe cho quý vi mượn tạm

HUYEN MOTOR REPAIRS
VAN HUYEN
(02) 9755 0761

OPEN 6 DAYS
Unit 2, 92 Seville Street
Fairfield East NSW 2165

Mob: 0407 567 673

PHƯỚC HUỆ SON MÔN HỌC PHÁI

CÁO PHÓ

Môn nhơn pháp quyền Phước Huệ Sơn Môn Học Phái chúng tôi thành kính báo tin đến Chư Tôn Đức Tăng Ni và toàn thể quý Phật tử trong và ngoài Úc Châu được biết.

- Đức Trưởng Lão Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ Đại Sư Tông Trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái.
- Pháp chủ Tổ đình Phước Huệ, Sydney, Úc Đại Lợi.
- Khai sơn Hóa chủ các ngôi Đạo tràng, tự viện:

- ♦ Ngôi đại tự Quang Minh Đạo Tràng tại Melbourne, tiểu bang Victoria, Úc Đại Lợi.
- ♦ Tổ đình Phước Huệ, Sydney, Úc Đại Lợi.
- ♦ Đại Tông Lâm Phật giáo Sukhavati, Gosford, NSW
- ♦ Liên Trưởng Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ và Quang Minh Đạo Tràng, Úc Châu.
- ♦ Chứng minh Đạo sư Tịnh Nghiệp Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng tại Hoa kỳ.
- ♦ Chùa Thiên tôn 1, Cát Lái, Thủ Đức, Gia Định (cũ) Việt Nam.
- ♦ Chùa Quảng Đức, Long Xuyên, An Giang, Việt Nam.
- ♦ Chùa Phước Huệ, Long Xuyên, An Giang, Việt Nam.
- ♦ Tu viện Phước Huệ, Trảng Bom, Biên Hòa, Việt Nam.

Sáng lập:

- ♦ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan.
- ♦ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan.
- ♦ Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng, Úc Châu.
- ♦ Phước Huệ Sơn môn Học Phái
- ♦ Phật Học Đường Bình An, Long Xuyên, An Giang, Việt Nam.
- ♦ Trường trung học (đệ I cấp, đệ II cấp) Bồ Đề Long Xuyên An Giang Việt Nam

Nguyên nhiệm:

- ♦ Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan.
- ♦ Chủ tịch Tổng Hội Phật giáo Úc Châu.
- ♦ Viện trưởng Viện Hoằng Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan.
- ♦ Thành viên Hội đồng Trưởng lão thuộc Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới (WBSC).
- ♦ Giáo Hội Trưởng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Victoria, Úc Đại Lợi.
- ♦ Giám viện chùa Ân Quang, Sài gòn, Việt Nam.
- ♦ Giám viện Phật học đường Nam Việt (kiêm), Sài gòn, Việt Nam.
- ♦ Đốc giáo Phật học đường Nam Việt, Sài gòn, Việt Nam.
- ♦ Giám Đốc Phật học đường Bình An, Long Xuyên, An Giang, Việt Nam.
- ♦ Thành viên Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc.
- ♦ Thơ ký phái đoàn Giáo hội Tăng già Nam Việt tham dự đại hội thành lập Giáo Hội Phật Giáo VNTN.
- ♦ Vụ trưởng nghi lễ vụ thuộc Tổng Vụ Pháp Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.
- ♦ Chánh đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất miền Huệ Quang.
- ♦ Chánh đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tỉnh An Giang.
- ♦ Giám Đốc Trường Trung Học Bồ Đề Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.
- ♦ Chánh đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất miền Khánh Anh.
- ♦ Ủy viên Giáo dục Thiên Thai Giáo Quán Tông Việt Nam.
- ♦ Phó Tổng lý nội vụ Hội đồng quản trị Tổ đình Ân Quang và các cơ sở trực thuộc
- ♦ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Vừa viên tịch vào lúc 5 giờ 38' sáng Thứ Bảy, 28 tháng 01 năm 2012 tức mùng 6 tháng Giêng năm Nhâm Thìn tại Sydney, Úc Đại Lợi.

Kim quan của đức Trưởng lão được tôn trí tại Tổ đình Phước Huệ, Sydney, Úc Đại Lợi.

- Lễ nhập Kim Quan cử hành vào lúc 14:30 thứ Hai 6/2/2012
- Lễ Truy Niệm vào lúc 10:30 sáng thứ Tư 8/2/2012
- Lễ Cung Tiền Kim Quan vào lúc 9 giờ sáng thứ Năm 9/2/2012

Trân trọng,

Sydney ngày 29/01/2012

T.M. Môn nhơn pháp quyền

Trưởng tử,

Sa môn Thích Phước Bồn